|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  |
| Tiết |  |

**Tiết 1** **CHƯƠNG I: TẬP HỢP CÁC SỐ TỰ NHIÊN**

**Bài 1: SỐ TỰ NHIÊN**

**I.** **MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS

- Nhận biết về các cách đặt tên cho tập hợp.

**-** Nhận biết: + Một tập hợp và các phần tử của nó.

+ Tập các số tự nhiên ( ) và tập các số tự nhiên khác 0 ( ­\*­)

**-** Sử dụng được các kí hiệu về tập hợp.

+ Sử dụng được các cách mô tả ( cách viết) một tập hợp.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực riêng:**

**-** Nhận biết cách đặt tên cho tập hợp : thường sử dụng các chữ cái in hoa

- Đọc, ghi nhớ và sử dụng các kí hiệu về tập hợp ( “” , “”)

- Mô tả hay viết một tập hợp bằng hai cách:

+ Liệt kê các phân tử của tập hợp trong dấu ngoặc , mỗi phần tử chỉ

được viết một lần , không lặp lại

+ Nêu dấu hiệu đặc trưng cho các phần tử của tập hợp.

- Phân biệt điểm khác nhau giữa Tập các số tự nhiên ( ) và tập các số tự nhiên khác 0 ( ­\*­)

**\* Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện sự cận thận, chính xác khi đọc, viết tập hợp và sử dụng, đọc viết các kí hiệu của tập hợp chính xác trong trình bày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên :**

- Sách giáo khoa của bộ kết nối trị thức với cuộc sống ,

- Một số dụng cụ minh họa : bộ que tính , tờ giấy màu , ....

**2. Học sinh** :

- Sách giáo khoa của bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống, dụng cụ học tập ,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU) (10’)**

**a) Mục tiêu:** Từ những vật dụng , đồ vật, con vật trong đời sống hàng để tìm hiểu về tập hợp và phần tử và hiểu tập hợp , phần tử là một khái niệm cơ bản của toán học.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**-**  GV cho học sinh quan sát hình ảnh trong sách giáo khoa và giới thiệu “tập hợp gồm các bông hoa trong lọ hoa”, “ tập hợp gồm ba con cá vàng trong bình”...

- GV đưa ra đồ vật ( que tính , giấy màu ) cho học sinh quan sát

- Đặt câu hỏi với HS :

+ Từ các đồ vật trên ta có những tập hợp nào ?

+ Tìm thêm ví dụ về tập hợp từ xung quanh chúng ta

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 5 phút.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, GV nhận xét, bổ sung.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Từ các ví dụ trên chúng ta sẽ đi tìm hiểu thế nào là tập hợp, phần tử, các kí hiệu liên quan đến tập hợp và cách mô tả, biểu diễn một tập hợp”

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tập hợp và phần tử của tập hợp**

**a) Mục tiêu:**

+ Viết được , đọc tên của tập hợp.

+ Từ hình ảnh thực tế HS có thể chuyển sang hình ảnh trực quan về tập hợp .

+ Viết, sử dụng, ghi nhớ các kí hiệu “” và “”.

+ Hình thành kĩ năng nhận biết phần tử của một tập hợp và vận dụng vào bài tập

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-** GV giới thiệu cho học sinh cách kí hiệu, đặt tên một tập hợp và lấy ví dụ các viết và yêu cầu HS viết vào vở.  - GV cho HS quan sát Hình 1.3 SGK-tr6 và yêu cầu HS viết vào vở, nháp :  + Tập hợp M gồm các phần tử nào?  - GV ví dụ về 1 tập hợp B gồm các chữ cái viết thường trong tiếng việt và nêu những phần tử của tập hợp B.  - GV tổng kết và giới thiệu kí hiệu về tập hợp và phần tử của tập hợp.  + Em hãy tìm ví dụ về tập hợp và chỉ ra các phần tử thuộc tập hợp.  + Quan sát lại H1.3 SGK- tr6, em có nhận xét gì về số 7 và tập hợp M?  + HS hoàn thành Luyện tập 1: Gọi B là tập hợp các bạn tổ trưởng trong lớp em. Em hãy chỉ ra một bạn thuộc tập B và một bạn không thuộc tập B.  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động cá nhân và trả  - GV: quan sát và trợ giúp các nhóm.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Lắng nghe, ghi chú, nêu ví dụ, phát biểu  (HS đứng tại chỗ trình bày câu trả lời của mình.)  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:**  **-** GV chính xác hóa và giải thích:  + Tập M gồm các phần tử là: 1, 4, 8, 9.  + Số 7 không nằm trong vòng tròn M nên số tập M không có số 7 hay số 7 không là phần tử của tập M  - GV : nhắc lại kiến thức cần ghi nhớ tập hợp và phần tử của tập hợp. | **1. Tập hợp và phần tử của tập hợp**  **-** Tên của tập hợp thường đặt bởi các chữ cái in hoa  VD: A, B, H, ….    - Một **tập hợp** ( **tập** ) bao gồm những đối tượng nhất định. Các đối tượng ấy được gọi là những **phần tử** của tập hợp.  + x là một phần tử của tập A  KH: x A  + y không là phần tử của tập A.  KH: y A |

**Hoạt động 2: Mô tả một tập hợp**

**a) Mục tiêu:**

+ HS biết và sử dụng được hai cách mô tả ( viết) một tập hợp.

+ Giới thiệu kí hiệu tập hợp số tự nhiên ( ) và tập các số tự nhiên khác 0 ( ­\*­)

+ Củng cố cách viết các kí hiệu “” và “”.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV giảng và nêu yêu cầu:  Mô tả tập hợp là cho biết cách xác định các phần tử của tập hợp đó.  + Quan sát H1.4, tập hợp P gồm những phần tử nào?  - GV phân tích: Ta biểu diễn tập hợp P bằng cách liệt kê các phần tử theo 2 cách như sau:  + Cách 1: Liệt kê các phần tử của tập hợp  **P** = { 0; 1; 2; 3 ; 4; 5}  - GV viết thêm một số ví dụ về lỗi hay mắc trong khi liệt kê tập hợp và đưa ra lưu ý.  **Lưu ý** : khi viết các phần tử của tập hợp trong dấu ngoặc { } theo thứ tự tùy ý nhưng mỗi phần tử chỉ được viết một lần.  + Cách 2: Nêu dấu hiệu đặc trưng cho các phần tử của tập hợp  **P** = { n | n là số tự nhiên nhỏ hơn 6 }  - GV giải thích thêm về nêu đătc trưng của tập hợp là đặc điểm, dấu hiệu chung nhấ của các phần tử và từ các cách mô tả có sự liên kết với nhau  - GV lấy thêm một số VD cụ thể :  Cho tập A gồm 1, 3, 5, 7, 9 . tập A được mô tả như sau:  ;  A = { n | n là số tự nhiên lẻ nhỏ hơn 10 }  **Chú ý** : Từ cách mô tả liệt kê ta có thể mô tả được qua cách mô tả nêu đặc trưng và ngược lại.  - GV cho HS hoạt động nhóm đôi thảo luận ?.SGK-tr7  - GV chú ý thêm cho HS:  **1.** là tập hợp số tự nhiên 0; 1; 2; 3;... Ta có thể viết tập như sau: = { 0; 1; 2; 3;...}.  **2**. Viết n có nghĩa n là một số tự nhiên. Chẳng hạn, tập P các số tự nhiên nhỏ hơn 6 có thể viết là:  **P** = { n | n , n < 6}  hoặc **P** = {n , n < 6}  **3.** Ta dùng kí hiệu ­\* để chỉ tập hợp các số tự nhiên khác 0, nghĩa là ­\* = { 1; 2; 3; ...}  - HS áp dụng kiến thức hoạt động cá nhân hàon thành Luyện tập 2 và Luyện tập 3.  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoạt động cá nhân hoàn thành các yêu cầu và phần luyện tập  - GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu.  - Ứng với mỗi phần luyện tập, một HS lên bảng chữa, các học sinh khác làm vào vở, nhận xét phần làm của các bạn  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức cần ghi nhớ cho học sinh | **2. Mô tả một tập hợp**    - Có hai cách mô tả một tập hợp  **Cách 1: Liệt kê các phần tử của tập hợp:**  Các phần tử của tập hợp trong dấu ngoặc { } theo thứ tự tùy ý nhưng mỗi phần tử chỉ được viết một lần.  VD: **P** = {0; 1; 2; 3 ; 4; 5}  **Cách 2: Nêu dấu hiệu đặc trưng cho các phần tử của tập hợp**  VD: **P** = { n | n là số tự nhiên nhỏ hơn 6}  **?.** Bạn Nam viết sai vì phần tử A, phần tử N đã được viết 2 lần.  **Luyện tập 2:**  A = { 0; 1; 2; 3; 4}  B = { 1; 2; 3; 4}  **Luyện tập 3:**  M = { 7; 8; 9; 10}  a) 5 M ; 9 M |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 1.1 ; 1.2 ; 1.3 SGK - tr7

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án

**Bài 1.1**: **A** = { a; b; c; x; y } và **B** = { b; d; y; t; u; v }

a **A** ; a **B** b **A** ; b **B**

x **A** ; x **B** u **A** ; u **B**

**Bài 1.2 : U =** { x |x chia hết cho 3}

**U =** {0; 3; 6; 9; 12; ...}

3 **U** 5 **U** 6 **U** 0 **U** 7 **U.**

**Bài 1.3 :**

a. **K** ={ 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 5 ; 6 }

b. D = { Tháng Tư, Tháng Tháng Sáu ; Tháng Chín ; Tháng Mười Một}

c. M = { Đ ; I ; Ê ; N ; B ; P ; H ; U}

**-** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV treo bảng phụ lên bảng, GV yêu cầu HS trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm trên bảng phụ

**Câu 1:** Các viết tập hợp nào sau đây đúng?

A. A = [1; 2; 3; 4]      B. A = (1; 2; 3; 4)

C. A = 1; 2; 3; 4      D. A = {1; 2; 3; 4}

**Câu 2:** Cho B = {2; 3; 4; 5}. Chọn đáp án sai trong các đáp án sau?

A. 2 ∈ B      B. 5 ∈ B      C. 1 ∉ B      D. 6 ∈ B

**Câu 3:** Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 10.

A = {6; 7; 8; 9}       B. A = {5; 6; 7; 8; 9}

C. A = {6; 7; 8; 9; 10}      D. A = {6; 7; 8}

**Câu 4:** Viết tập hợp P các chữ cái khác nhau trong cụm từ: “HOC SINH”

A. P = {H; O; C; S; I; N; H}      B. P = {H; O; C; S; I; N}

C. P = {H; C; S; I; N}      D. P = {H; O; C; H; I; N}

**Câu 5:** Viết tập hợp A = {16; 17; 18; 19} dưới dạng chỉ ra tính chất đặc trưng

A. A = {x|15 < x < 19}      B. A = {x|15 < x < 20}

C. A = {x|16 < x < 20}      D. A = {x|15 < x ≤ 20}

- HS tính toán nhanh và trả lời câu hỏi

Đáp án : 1- D, 2 – D, 3 – A, 4 – B, 5 – D

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp hỏi đáp | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Hình ảnh trong phần «**Hoạt động khởi động »** :



**Tập hợp gồm các bông hoa trong lọ hoa**

****

**Tập hợp các con cá vàng trong bể**

****

**Tập hợp học sinh lớp 6a2**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Tự lấy được hai ví dụ về tập hợp và chỉ ra phần tử của tập hợp; Hiểu và ghi nhớ hai cách viết một tập hợp.

- Vận dụng hoàn thành các bài tập: **1.31**-SGK-tr20; bài **1.4** và **1.5**- SGKtr8.

- Chuẩn bị bài mới “ **Cách ghi số tự nhiên**”

Trường : THCS Quán Toan

Tổ : KHTN – Toán 6

Giáo viên giảng dạy: Vũ Thúy Quỳnh

|  |
| --- |
| **Tuần 1** |

Tiết 2 **§2: CÁCH GHI SỐ TỰ NHIÊN**

**Lớp dạy: 6A2** Ngày dạy …………………ngày soạn……………….

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS

**-** Nhận biết được mối quan hệ giữa các hàng và giá trị mỗi chữ số ( theo vị trí) trong một số tự nhiên đã cho viết trong hệ thập phân.

- Nhận biết được số La Mã không quá 30

**2. Năng lực**

**\* Năng lực riêng:**

**-** Đọc và viết được số tự nhiên, viết được số tự nhiên trong hệ thập phân

- Biểu diễn được (đọc, viết) số tự nhiên cho trước thành tổng giá trị các chữ số của nó.

- Đọc và viết được các số La Mã từ 1 đến 30 bằng kí tự I, V và X (chữ số La mã )

**\* Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

- Rèn luyện sự cận thận, chính xác khi đọc, viết số tự nhiên , số La Mã từ 1 đến 30 và sử dụng, đọc viết các kí hiệu của số tự nhiên , số la mã chính xác trong trình bày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo Viên :**

- Chuẩn bị sẵn các bảng theo mẫu trong sách như bảng 1 và bảng các số La Mã.

- Hình ảnh đồng hồ với mặt số viết bằng số La Mã.

- Tài liệu giảng dạy : sách giáo khoa , giáo án ,...

**2. Học Sinh** :

- Ôn lại kiến thức đã học ở Tiểu học về cấu tạo thập phân của một số tự nhiên.

- Sưu tầm các đồ dùng, tranh ảnh có số La Mã.

- Sách giáo khoa của bộ sách kết nối tri thức với cộc sống, dụng cụ học tập ,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**  Nhận biết , ghi nhớ về lịch sử, nguồn gốc của số tự nhiên.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giới thiệu và chiếu một số hình ảnh liên quan đến cách viết số tự nhiên từ thời nguyên thủy ( hình ảnh dưới phần hồ sơ dạy học) “ Trong lịch sử loài người, số tự nhiên bắt nguồn từ nhu cầu đếm và từ rất sớm. Các em quan sát hình chiếu và nhận xét về cách viết số tự nhiên đó.”

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung, GV viên nhận xét và bổ sung kiến thức

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Cách ghi số tự nhiên đó như thế nào, có dễ đọc và sử dụng thuận tiện hơn không ? ” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Hệ thập phân**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận biết được cách viết số tự nhiên trong hệ thập phân và mối quan hệ giữa các hàng.

- Đọc và viết được số tự nhiên trong hệ thập phân

- HS hiểu giá trị mỗi chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân.

- HS phân biệt được, so sánh hàng , lớp , .. của số tự nhiên trong hệ thập phân. Biết thêm các số tự nhiên trên lớp triệu, là lớp tỉ.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS quan sát và đọc trong SGK -> đọc hiểu cặp đôi để hiểu và ghi nhớ.  - GV lưu ý về chữ số đầu và về cách viết:  **1.** Với các số tự nhiên khác 0, chữ số đầu tiên ( từ trái sang phải) khác 0.  **2.** Đối với số có 4 chữ số trở lên, ta viết tách riêng từng lớp. Mỗi lớp là một nhóm ba chữ số kể từ trái sang phải.  - GV giới thiệu thêm số tự nhiên trên lớp triệu là lớp tỉ và đặt vấn đề cho HS: số **221 707 263 598** sẽ đọc và viết bằng chữ như thế nào  - GV phân tích kĩ vấn đề trên :số **221 707 263 598** đọc là “ **Hai mươi mốt tỉ, bảy trăm linh bảy triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm chín mươi tám**) có các lớp, hàng như trong Bảng 1-SGK-tr9.2  - GV đưa thêm ví dụ :  ?Đọc và số sau bằng chữ: 107 463 847.  ( một trăm linh bảy triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi bảy)  - GV yêu cầu HS lấy ví dụ về 1 số bất kì , phân tích các lớp, hàng của số đó.  - GV cho HS thực hiện yêu cầu của HĐ1  - GV đưa ra đáp án và chú ý lại những đáp án sai. ( GV lưu ý HS không viết 012; 021)  - GV giảng, phân tích rõ cho HS hiểu qua Ví dụ sau:  Số **1754** có **1** nghìn, **7** trăm, **5** chục, **4** đơn vị.   * **1754** = **1** × 1000 + **7** × 100 + **5** × 10 + **4**.   - GV cho HS thực hiện yêu cầu của HĐ1  - GV viết đầy đủ trên bảng cho thẳng cột để cộng lại theo cột đi đến HĐ2 => Kết luận.  - GV phân tích ví dụ trong SGK  -> Tổng quát lại cho HS về cách phân tích , biểu diễn một số thành tổng giá trị các chữ số qua chữ số tông quát và vd cuh thể.  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân hoàn thành phần Luyện tập:  Viết số **34 604** thành tổng giá trị các chữ số của nó.  - GV yêu cầu HS viết số **492** thành tổng giá trị các chữ số của nó sau đó hoàn thành phần Vận dụng.  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Theo dõi, lắng nghe, giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ, lên bảng, hoàn thành vở.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm cần nhớ và gọi một học sinh nhắc lại. | **1. HỆ THẬP PHÂN**  **a. Cách ghi số tự nhiên trong hệ thập phân**  + Trong hệ thập phân, mỗi số tự nhiên được viết dưới dạng một dãy những chữ số lấy trong 10 chữ số: 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8 và 9. Vị trí của các chữ số trong dãy gọi là hàng.  + Cứ 10 đơn vị ở một hàng thì bằng 1 đơn vị ở hàng liền trước nó. Chẳng hạn : 10 chục = 1 trăm; 10 trăm = 1 nghìn.  **?. Các số đó là:**  120; 210; 102; 201  **b. Giá trị các chữ số của một số tự nhiên**  VD:Số **1754** có **1** nghìn, **7** trăm, **5** chục, **4** đơn vị.  **1754** = **1** × 1000 + **7** × 100 + **5** × 10 + **4**  - Mỗi chữ số tự nhiên viết trong hệ thập phân đều biểu diễn được thành **tổng giá trị các chữ số của nó.**  **Ví dụ:**  **236** = (**2** × 100) + (**3** × 10) + **6**  \*TQ:  = ( **a** × 10) + **b**, với a ≠ 0  = (**a** × 100) + ( **b** × 10) + **c**  **34 604** = ( **3** × 10 000) + ( **4** × 1000) + (**6** × 100) + **4**  Vận dụng:  **492** = (**4** × 100) + ( **9** × 10) + **2**  => 4 tờ 100 nghìn, 9 tờ 10 nghìn và 2 tờ 1 nghìn đồng. |

**Hoạt động 2: Số La Mã**

**a) Mục tiêu:**

- HS đọc được các chữ số la mã qua kí hiệu I, V, X

- HS viết được số La Mã từ 1 đến 30.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chiếu bảng số La Mã kí hiệu và giá trị 5 thành phần để ghi số La Mã.   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Thành phần | I | V | X | IV | IX | | Giá trị | 1 | 5 | 10 | 4 | 9 |   - GV giới thiệu và cho HS đọc và ghi nhớ các thành phần chính trong bảng trên.  - GV dẫn dắt: Ghép các chữ số I, V, X với nhau ta được các số La Mã từ 1 đến 10   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |   - GV giới thiệu rồi cho HS đọc đồng thanh, đọc thầm cá nhân rồi ghi nhớ cách viết.  - GV phân tích:  + Từ các số này, nếu thêm vào bên trái mỗi số một chữ số X ta được các số La Mã từ 11 đến 20.  VD: XI là 11, XII là 12, ... , XX là 20.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | XI | XII | XIII | XIV | XV | XVI | XVII | XVIII | XIX | XX | | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |     + Nếu thêm vào bên trái hai chữ số X vào bảng số la mã từ 1 đến 10 ta được các số La Mã từ 21 đến 30.  - GV : quan sát các số La Mã biểu diễn các số từ 21 đến 30 trong SGK-tr11.  - GV giới thiệu cách viết rồi cho HS đọc đồng thanh, đọc thầm cá nhân rồi ghi nhớ cách viết.  - GV kết hợp xóa đi 1 số ô trống ở trong từng loại bảng để kiểm tra ghi nhớ của HS.  - GV cho HS đọc nhận xét trong SGK- tr11 và lưu ý lại cho HS.  **Nhận xét**  **1.** Mỗi số La Mã biểu diễn một số tự nhiên bằng tổng giá trị các thành phần viết trên số đó. Chẳng hạn, số XXIV có ba thành phần là X, X và IV tương ứng với các giá trị 10, 10 và 4. Do đó XXIV biểu diễn số 24.  **2.** Không có số La Mã nào biểu diễn số 0.  - GV yêu cầu HS hoàn thành phần “**?**”  - GV chia cả lớp theo nhóm đôi hoàn thành thử thách nhỏ, thi xem nhóm nào sử dụng 7 que tính xếp được nhanh và nhiều số La Mã đúng nhất.  \* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi bảng , SGK, chú ý nghe, đọc, ghi chú (thực hiện theo yêu cầu).  - GV: phân tích, quan sát và trợ giúp HS.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu.  - HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại cách viết số La Mã và gọi 1 học sinh nhắc lại. | **2. SỐ LA MÃ**  **?.**  a) Viết các số 14 và 27 bằng số La Mã:  XIV; XXVII.  b) Đọc các số La Mã XVI, XXII:  + XVI: Mười sáu  + XXII: Hai mươi hai.  **Thử thách nhỏ:**  XVIII (18); XXIII (23); XXIV (24); XXVI (26); XXIX (29). |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 1.6 ; 1.7 ; 1.8 SGK – tr12

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.

**Bài 1.6**:

**27 501:** Hai mươi bảy nghìn năm trăm linh một.

**106 712:** Một trăm linh sáu nghìn bảy trăm mười hai.

**7 110 385:** Bảy triệu một trăm mười nghìn ba trăm tám mươi năm.

**2 915 404 267:** Hai tỉ chín trăm mười lăm triệu bốn trăm linh bốn nghìn hai trăm sáu mươi bảy.

**Bài 1.7 :**

a) Hàng trăm ; b) Hàng chục ; c) Hàng đơn vị .

**Bài 1.8 :**

**XIV** : Mười bốn **XVI** : Mười sáu **XXIII** : Hai mươi ba.

**Bài 1.9 :**

**18 :** XVIII **25 :** XXV

**-** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững và củng cố kiến thức.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng.

**Bài 1.10 :** Số có sáu chữ số nên hàng cao nhất là hàng trăm nghìn. Chứ số này phải khác 0 nên hàng trăm nghìn là chữ số 9. Từ đó suy ra số cần tìm là 909 090.

**Bài 1.11** : Chữ số 5 có giá trị 50 nên thuộc hàng chục => số đó là : **350.**

**Bài 1.12 :** Ta thấy mỗi gói có 10 cái kẹo, mỗi hộp có 100 cái kẹo ( 10 gói) và mỗi thùng có 1000 cái kẹo. Người đó mua 9 thùng, 9 hộp và 9 gói kẹo nên tổng số kẹo là : 9 × 1000 + 9 × 100 + 9 × 10 = 9 990 ( cái kẹo)

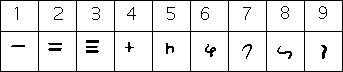
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** (Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)

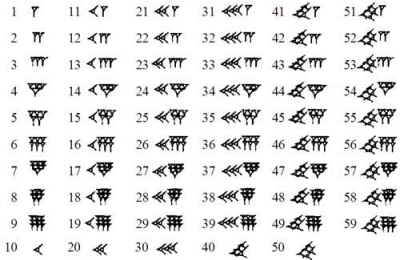
**-** Hình ảnh các con số trong lịch sử :

****

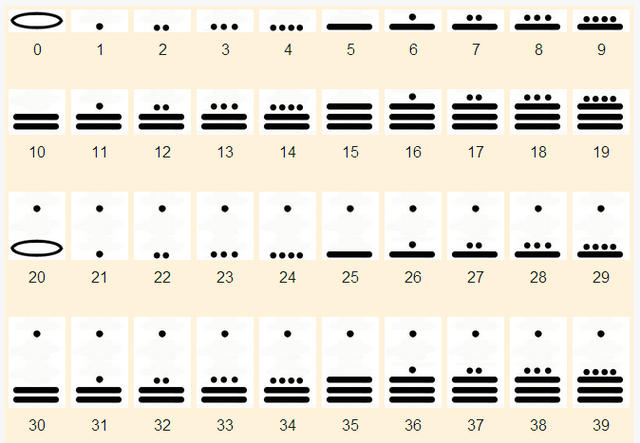
**Chữ số Ấn Độ cuối thế kỉ 1**

****

**Bảng chữ số Ả Rập**

****

**Chữ số Babylon**

****

**Chữ số Maya**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học lý thuyết: Cách viết số tự nhiên trong hệ thập phân, mối quan hệ giữa các hàng và giá trị mỗi chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân và học thuộc cách biểu diễn các chữ số La Mã từ 1 -> 30.

- Vận dụng hoàn thành các bài tập: **1.32; 1.33**-SGK-tr20;

- Chuẩn bị bài mới “ **Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên**”

# Tiết 3 §3: THỨ TỰ TRONG TẬP HỢP CÁC SỐ TỰ NHIÊN

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS

- Biết thêm một số thuật ngữ toán học: Điểm biểu diễn một số, hai số tự nhiên liên tiếp , số liền trước, số liền sau.

**-** Hiểu thế nào là tia số, cách vẽ tia số chính xác

- Nhận biết được thứ tự các số tự nhiên và mối liên hệ với các điểm biểu diễn chúng trên tia số.

- Cách vẽ tia số chính xác

**2. Năng lực**

**\* Năng lực riêng:**

**-** Vẽ được, đọc được số tự nhiên trên tia số.

- So sánh được hai số tự nhiên nếu cho hai số viết trong hệ thập phân, hoặc cho điểm biểu diễn của hai số trên cùng một tia số.

- Biết đọc viết , sử dụng kí hiệu <, >, 

**\* Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

- Rèn luyện sự cận thận, chính xác khi đọc, viết , vẽ tia số, chính xác trong trình bày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV:**

- Tài liệu giảng dạy; SGK; SBT; Giáo án PPT

- Chuẩn bị sẵn một số đồ dùng hay hình vẽ có hình ảnh của tia số ( nhiệt kế thủy ngân, cái cân đòn, thước có vạch chia..)

**2. HS** : Đồ dùng học tập; SGK; SBT; bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

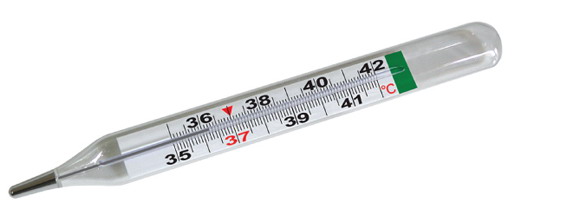
**-** Nhận biết ( chỉ ra , lấy ví dụ ) thứ tự xuất hiện trong đời sống thực tế đời sống và liên hệ được với dãy số tự nhiên

**b) Tổ chức thực hiện:**

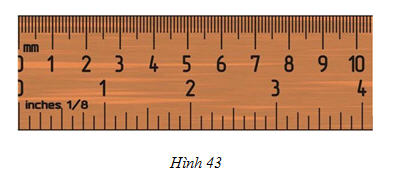
**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV chiếu một số hình ảnh liên quan đến tia số và đưa ra yêu cầu:

“ Quan sát các hình ảnh trên màn chiếu, các em hãy suy nghĩ xem vạch chia nhiệt kế và thước kẻ với dãy số tự nhiên đang học có điểm gì giống nhau ? ”



**Hình 1. Nhiệt kế thủy ngân**



**Hình 2. Thước kẻ**

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**-** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên biểu diễn như thế nào ?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động : Thứ tự của các số tự nhiên**

**a) Mục tiêu:**

**-** Nhận biết được tia số và cách biểu diễn tia số (đọc và vẽ tia số)

- Biết được thứ tự các số tự nhiên xếp theo thứ tự từ bé đến lớn và 0 là gốc

- Biết mối liên hệ các số tự nhiên với các điểm biểu diễn chúng trên tia số

- Hiểu khái niệm số liền trước, liền sau của một số tự nhiên.

- So sánh được giá trị của số liên trước và số liền sau

- Đọc được tên các kí hiệu <; >;  và sử dụng trong bài tập

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nhắc lại về tập hợp và tia số:  Tập hợp các số tự nhiên được kí hiệu bởi  = { 0; 1; 2; 3; ...}.  Mỗi phần tử 0; 1; 2; 3;... của được biểu diễn bởi một điểm trên tia số gốc O như **Hình 1.5 – SGK - tr13**.    - GV phân tích tia số: Trên tia số, điểm biểu diễn số tự nhiên a gọi là điểm a. VD: Điểm 2, điểm 6, điểm 9...  - GV yêu cầu HS thực hiện lần lượt các hoạt động : **HĐ1; HĐ2; HĐ3** như trong SGK.  **HĐ1:** Trong hai điểm 5 và 8 trên tia số, điểm nào nằm bên trái, điểm nào nằm bên trái, điểm nào nằm bên phải điểm kia?  **HĐ2:** Điểm biểu diễn số tự nhiên nào nằm ngay bên trái điểm 8? Điểm biểu diễn số tư nhiên nào nằm ngay bên phải điểm 8?  - GV cho HS đọc phần chú ý và giải thích.  - GV giới thiệu kí hiệu “” hoặc “”, hướng dẫn cách đọc kí hiệu , giới tiệu tính chất liên quan đến kí hiệu “” hoặc “”,  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu, thảo luận nhóm đôi và hoàn thành các yêu cầu  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, hoàn thành vở.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kết luận sau hoạt động, đưa ra một số chú ý và lỗi sai để hs tránh vấp phải. | **1. Thứ tự các số tự nhiên**  - Tia số là hình ảnh trực quan giúp chúng ta tìm hiểu về thứ tự của các số tự nhiên.  + Trong hai số tự nhiên khác nhau, luôn có một số nhỏ hơn số kia. Nếu số a nhỏ hơn số b thì trên tia số nằm ngang điểm a nằm bên trái điểm b. Khi đó, ta viết a < b hoặc b > a. Ta còn nói: điểm a nằm trước điểm b, hoặc điểm b nằm sau điểm a.  + Mỗi số tự nhiên có đúng một số liền sau. VD: 9 là số liền sau của 8 ( còn 8 là số liền trước của 9). Hai số 8 và 9 là hai số tự nhiên liên tiếp.  + Nếu => a < c ( tính chất bắc cầu)  VD: => a < 7  **\* Chú ý**: Số 0 không có số tự nhiên liền trước và là số tự nhiên nhỏ nhất.  **2. Các kí hiệu “” hoặc “” :**  - Ta còn dùng kí hiệu a b (đọc là “a nhỏ hơn hoặc bằng b” ) để nói “a < b hoặc a = b”.  **VD:**  { x N | x < 4} ={ 0; 1; 2; 3}  { x N | x 4} ={ 0; 1; 2; 3; 4}  - Tương tự, kí hiệu a b ( đọc là “ a lớn hơn hoặc bằng b”) có nghãi là a > b hoặc a = b.  - Tính chất bắc cầu còn có thể viết: nếu a b và b c thì a c |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập: **Luyện tập**, **Bài 1.13 ; 1.14 ; 1.15**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.

**Luyện tập :**

**a.** Có : 12 036 001 > 12 035 987 => **m > n.**

**b.** m> n => n < m => điểm n nằm trước.

**Bài 1.13**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **3 532** | **3 529** |
| **Số liền trước** | **3 531** | **3 528** |
| **Số liền sau** | **3 533** | **3 530** |

**Bài 1.14.** a < b< c

**Bài 1.15.**

a) M = { 10 ;11 ; 12 ; 13 ; 14}

b) K = { 1 ; 2 ; 3}

c) L = { 0 ; 1 ; 2 ; 3}

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để và khắc sâu kiến thức.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng : **vận dụng ; Bài 1.16**

**Vận dụng :** Buổi sáng > buổi chiều > buổi tối

**Bài 1.16**

Có : 148 < 150 < 153 => thứ tự theo chiều cao ( từ thấp đến cao ) của ba bạn là Cường, An, Bắc. Vậy thứ tự các điểm từ dưới lên là C, A, B.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập.

- Chuẩn bị bài mới “ **Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên**”

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  |
| Tiết |  |

**Tiết 4** **Bài 4. PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ SỐ TỰ NHIÊN**

**I.** **MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS

**-** Nhận biết được số hạng, tổng; số bị trừ, số trừ, hiệu.

- Nhận biết được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng.

- Mở rộng phép tính cộng với nhiều số

**2. Năng lực**

**\* Năng lực riêng**

**-** Phân biệt, so sánh điểm khác nhau giữa tính chất giao hoán và kết hợptrong phép cộng.

- Thấy được trong phép trừ số tuej nhiên số bé hơn không trừ được cho số lớn .

**-** Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí.

- Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính như tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có,...

- Đọc, viết, trình bày phép tính chính xác.

**\* Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

- Rèn luyện sự cận thận, chính xác khi đọc, viết phép cộng, phép trừ số tự nhiên chính xác trong trình bày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV:**  Tài liệu giảng dạy; SGK; Giáo án PPT, bảng phụ, phiếu bài tập

**2. HS** : Đồ dùng học tập; SGK; SBT; bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS nhận thức nhu cầu sử dụng các phép tính cộng, trừ trong học tập , đời sống hàng ngày

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV đặt vấn đề qua bài toán mở đầu hoặc một bài toán khác phù hợp với nội dung kiến thức “ Mai đi chợ mua cà tím hết 18 nghìn đồng, cà chua hết 21 nghìn đồng và rau cải hết 30 nghìn đồng. Mai đưa cho cô bán hàng tờ 100 nghìn đồng thì được trả lại bao nhiêu tiền?”

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Để giải được bài toán trên, cũng như hiểu rõ hơn về các tính chất của phép cộng, phép trừ, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Phép cộng số tự nhiên**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS nhớ, nhận biết lại khái niệm số hạng, tổng và vận dụng trong giải bài tập. - Phân biệt trong phép tính cộng đâu là số hạng và đâu là tổng

- HS hình dung, minh họa phép cộng nhờ tia số

- Kiểm tra khả năng vận dụng phép cộng của HS.

- Giúp HS hình thành thói quen quan sát, lập kế hoạch tính toán hợp lí.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS phát biểu về khái niệm cộng hai số tự nhiên.  - GV nêu ví dụ và cho HS áp dụng để tính toán và trả lời câu hỏi :  ?1: “ Lớp 6A2 có 25 bạn nữ và 19 bạn nam. Hỏi lớp 6A2 có tổng cộng bao nhiêu bạn?”  ?2: “Trong hộp có 55 viên bi đỏ và 23 viên bi trắng hỏi trong hộp có tổng cộng bao nhiêu viên bi ?”  - GV phân tích và minh họa phép cộng bằng tia số. VD: Phép cộng 3 + 4 = 7 được minh họa như sau ( H1.6-SGK-tr15)    - GV yêu cầu HS áp dụng làm **Vận dụng 1**  **-** GV cho HS tự vẽ tia số minh họa cho bài toán **Vận dụng 1** và chữa lỗi sai cho HS trong trình bày và tính toán**.**  - GV cho HS tìm hiểu tính chất của phép cộng lần lượt theo các HĐ: **HĐ1; HĐ2** trong SGK.  - GV chia lớp thành 4 nhóm. Hai nhóm tiến hành **HĐ1** và **HĐ2**. Hai nhóm còn lại làm các HĐ tương tự với a = 35; b =41 ( **HĐ1**) và a = 15; b = 27; c =31 ( cho **HĐ2**)  **HĐ1:** Cho a = 28 và b = 34  a) Tính a + b và b + a  b) So sánh kết quả nhận được ở câu a)  **HĐ2**: Cho a = 17, b =21, c =35  a) Tính (a + b) + c và a + (b + c)  b) So sánh kết quả nhận được ở câu a).  - GV chữa lại và cho HS trao đổi rút ra nhận xét sau mỗi ý.  - GV đặt vấn đề: Các kết quả cho thấy dù có thay đổi vị trí các số hạng và thay dổi dấu ngoặc thì kết quả của phép cộng không thay đổi . Vậy ứng với mỗi tính chất trưng trên ta có tính chất giao hoán và kết hợp  => GV khái quát (diễn giải) tới hai tính chất của phép cộng.  - GV cho ví dụ: và hs đưa ra kết quả  ?3:Tính  ; ;      - GV gọi học sinh đưa ra kết quả bằng nhiều cách tính khác nhau của mỗi học sinh và chữa cho học sinh.  - GV dẫn dắt từ ví dụ đến chú ý cho HS  **-** GV phân tích **Ví dụ** trong SGK tr16  - GV yêu cầu HS làm **Luyện tập 1**  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đối với hoạt động nhóm: Các nhóm treo bảng phụ lên bảng, đại diện 1HS mỗi nhóm trình bày.  - Đối với hoạt động cá nhân:HS giơ tay phát biểu tại chỗ, trình bày bảng, các HS khác chú ý và nhận xét, bổ sung.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm, chú ý lỗi sai và gọi 1 học sinh nhắc lại kiến thức. | **1. Phép cộng số tự nhiên**  **a. Cộng hai số tự nhiên**  + Phép cộng hai số tự nhiên a và b cho ta một số tự nhiên gọi là tổng của chúng.  **KH:** a + b  + Có thể minh họa phép cộng nhờ tia số.  VD: 3 + 4 = 7      Vận dụng 1**:** Giải  Diện tích gieo trồng lúa vụ Thu Đông năm 2018 của Đồng bằng sông Cửu Long là:  713 200 + 14 500 = 727 700 ( ha)  Đ/s: 727 700 ha.  **b. Tính chất của phép cộng**  Phép cộng số tự nhiên có các tính chất:  Giao hoán: a + b = b + a  Kết hợp: (a + b) + c và a + (b + c)  ?3:    **\* Chú ý:**  + a + 0 = 0 + a = a  + Tổng(a + b) + c hay a + (b + c) gọi là tổng của 3 số a, b, c và viết gọn là a + b + c.  Ví dụ:  66 + 289 + 134 + 311  = 66 + 134 + 289 + 311  ( tính chất giao hoán)  = ( 66 + 134) + ( 289 + 311)  ( tính chất kết hợp)  = 200 + 600  = 800  Luyện tập 1  117 + 68 + 23  = (117 + 23) + 68  = 140 + 68  = 208 |

**Hoạt động 2: Phép trừ số tự nhiên**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS nhớ, nhận biết lại và sử dụng được các thuật ngữ: số bị trừ, số trừ, hiệu.

- Minh họa phép trừ nhờ tia số.

- Ghi nhớ số bé ko thể thực hiện phép trừ với số lớn hơn.

- Giải quyết được bài toán mở đầu và vận dụng quy tức trừ và chia vào các bài toán thực tế

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS thực hiện lần lượt các yêu cầu sau:   * Tính : a) 3 + 4 ; b) 7 – 4.   + HS rút ra nhận xét, GV khái quát lại. * Áp dụng: 27 + 25 = 52. Tính 52 – 27?   - GV phân tích và minh họa phép trừ nhờ tia số.  VD: 7 – 4 = 3 được minh họa như sau:    - GV lưu ý :  Hình 1.8 cho thấy phép trừ 7 – 8 không thể thực hiện phép tính.    => **Chú ý**  - GV yêu cầu HS làm Luyện tập 2  ( GV gợi ý HS có thể đặt tính. Nhắc HS trước khi đặt tính cần xem phép trừ có thực hiện được không).  - GV yêu cầu HS làm **Vận dụng 2**: Giải bài toán mở đầu. ( phân tích, gợi ý tính tổng số tiền Mai phải trả)  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại. | **2. Phép trừ số tự nhiên**  + Với hai số tự nhiên a, b đã cho, nếu có số tự nhiên c sao cho **a = b + c** thì ta có phép trừ **a – b = c**.  + Có thể minh họa phép trừ nhờ tia số.  VD: 7 - 4 = 3      **\* Chú ý:** Trong tập hợp số tự nhiên, phép trừ a – b chỉ thực hiên được nếu a b.  Luyện tập 2  865 279 – 45 027  = 820 252  Vận dụng 2: Giải:  Tổng số tiền Mai phải trả là:  18 + 21 = 39 ( nghìn đồng )  Mai được trả lại số tiền là:  100 - 39 = 61 ( nghìn đồng)  Đ/s: 61 000 đồng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập: **Bài 1.17 ; 1.18 ; 1.22**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.

**Bài 1.17 :**

a) 63 548 + 19 256 = 82804

b) 129 107 – 34 693 không thể thực hiện được trong tập số tự nhiên.

Vì 129 107 < 34 693.

**Bài 1.18 :** 6 789 ( sử dụng tính chất giao hoán của phép cộng)

**Bài 1.22 :**

a) 285 + 470 + 115 + 230 b) 571 + 216 + 129 + 124

= (285 + 115) + (470 + 230) = ( 571 + 129) + ( 216 + 124)

= 400 + 700 = 700 + 340

= 1100 = 1040

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để và khắc sâu kiến thức.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng : **Bài 1.20 ; 1.21**

**Bài 1.20 :**

Dân số Việt Nam năm 2020 là :

96 462 106 + 876 473 = 97 338 579 ( người)

Đ/s : 97 338 579 người

**Bài 1.21 :**

Nhà ga số 3 tiếp nhận được số người là :

22 851 200 – ( 6 526 300 + 3 514 500) = 12 810 400 ( người)

Đáp số : 12 810 400 người

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể). | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập và làm thêm **Bài 1.19**.

- Chuẩn bị bài mới “ **Phép nhân và phép chia số tự nhiên**”

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày 10 tháng 9 năm 2021 | |
| **KÝ DUYỆT**  **CỦA TỔ, NHÓM CHUYÊN MÔN** | **KÝ DUYỆT**  **CỦA BAN GIÁM HIỆU** |

**Lê Thị Duyên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  |
| Tiết |  |

**Tiết 5, 6. Bài 5. PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA SỐ TỰ NHIÊN**

**I.** **MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS

**-** Nhận biết được thừa số, tích; số bị chia, số chia, số dư trong phép chia hết và phép chia có dư.

- Nhận biết được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép nhân; tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.

- Nhận biết được khi nào trong một tích có thể không sử dụng dấu phép nhân ( dấu “ x ” hoặc dấu “.”

**2. Năng lực**

**\* Năng lực riêng**

**-** Đọc, viết, ghi nhớ và sử dụng linh hoạt các kí hiệu của phép nhân ( a × b; a.b; ab) tùy hoàn cảnh cụ thể).

- Ghi nhớ trong phép nhân có thừa số , tích và trong phép chia có số bị chia, số chia, thương, số dư .

- Tìm được, tính toán tích của hai thừa số; tìm được thương và số dư ( nếu có) của một phép chia.

- Vận dụng được các tính chất giao hoán , kết hợp, tính chất phân phối của phép nhân dối với phép cộng và phép chia hết , phép chia có dư trong tính toán.

- Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn.

**\* Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

**-** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ

- Rèn luyện tính cẩn thận, tính toán chính xác , sử dụng các dấu trong các phép chính xác , cụ thể. Và tránh lặp lại lỗi sai thường gặp của học sinh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV:** Tài liệu giảng dạy; SGK; SBT; Giáo án PPT .

**2 . HS** : Đồ dùng học tập; SGK; SBT; bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS biết sử dụng phép nhân, phép chia trong thực tế cuộc sống.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV đặt vấn đề qua bài toán mở đầu hoặc một bài toán khác phù hợp với nội dung kiến thức “ Mẹ em mua một túi 10kg gạo ngon loại 20 nghìn đồng một kilogam. Hỏi mẹ em phải đưa cho cô bán hàng bao nhiêu tờ 50 nghìn đồng để trả tiền gạo?”

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu ra nháp.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Để giải được bài toán trên, cũng như hiểu rõ hơn về các tính chất của phép nhân, phép chia, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay.” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Phép nhân số tự nhiên**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS nhớ, nhận biết lại và sử dụng được các thuật ngữ phép nhân: thừa số, tích.

- Nhận biết được khi nào trong một tích có thể không sử dụng dấu phép nhân.

- Củng cố phép đặt tính nhân và kĩ năng tính nhẩm.

- Giúp HS trải nghiệm dẫn đến nhận biết các tính chất quen thuộc của phép nhân.

- Giải quyết được bài toán thực tiễn.

- Đọc, viết, ghi nhớ và sử dụng linh hoạt các kí hiệu của phép nhân ( a × b; a.b; ab)

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS phát biểu về khái niệm nhân hai số tự nhiên.  - GV phân tích khái niệm, nêu thêm ví dụ và cho HS áp dụng để tính toán:  5 . 4 = 5 + 5 + 5 + 5 = 20  16. 3 = 16 + 16 + 16 = 48  - GV cho HS đọc phần chú ý và phân tích.  - GV yêu cầu HS áp dụng làm **Ví dụ 1.**  (GV gợi ý cách trình bày phép đặt tính nhân -> chữa và phân tích kĩ cách làm)  - GV yêu cầu HS làm **Luyện tập 1**  (GV lưu ý lại cho HS cách trình bày, khắc phục những sai sót của HS)  **-** HS áp dụng kiến thức làm **Vận dụng 1** (Giải quyết bài toán thực tiễn).  - GV tổ chức lớp thành 3 nhóm. Mỗi nhóm thực hiện một HĐ trong các HĐ sau và cử đại diện lên trình bày.  **HĐ1**: Cho a = 12 và b = 5. Tính a.b ; b.a và so sánh kết quả.  **HĐ2:** Tìm số tự nhiên c sao cho ( 3 . 2) . 5 = 3. ( 2 . 5 )  **HĐ3: Tính và so sánh**  3 . (2 + 5) = 3 . 2 + 3 . 5  - GV đặt câu hỏi: Các kết quả cho thấy phép nhân có những tính chất nào?  => GV khái quát ( quy nạp ) tới ba tính chất của phép nhân.  - GV lưu ý cho HS trong phần **Chú ý.**  **-** GV cho HS hoàn thành kết quả tính toán sau ra nháp:  2 × 5 = …  4 × 25 = …  8 × 125 = …  => Rút ra nhận xét khi tính các tích có chứa các cặp thừa số như thế ta nên nhóm chúng lại với nhau.  - GV yêu cầu HS hoàn thành **Ví dụ 2** vào phiếu BT. ( Có thể thêm các câu 10 × 25 = …; 32 × 25 = …; …)  - GV yêu cầu HS làm **Luyện tập 2** để củng cố kĩ năng tính nhẩm.  **-** HS áp dụng kiến thức làm **Vận dụng 2.**  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại. | **1. Phép cộng số tự nhiên**  **a. Nhân hai số tự nhiên**  + Phép nhân hai số tự nhiên a và b cho ta một số tự nhiên gọi là tích của a và b, kí hiệu a × b hoặc a.b  **KH:** a .b = a + a + ... + a (b là só hạng)  VD: 5 . 4 = 5 + 5 + 5 + 5 = 20  16. 3 = 16 + 16 + 16 = 48  **Chú ý:** Nếu các thừa số đều bằng chữ, hoặc chỉ có một thừa số bằng số thì ta có thể không viết dấu nhân giữa các thừa số.  Chẳng hạn, a.b = ab ; 2.m = 2m  Ví dụ 1:  7 3 8  × 4 8  5 9 0 4  2 9 5 2  3 5 4 2 4  Luyện tập 1:  a) 834 . 57  8 3 4  × 5 7  5 8 3 8  4 1 7 0  4 7 5 3 8  b) 603. 295  6 0 3  × 2 9 5  3 0 1 5  5 4 2 7  5 7 2 8 5  Vận dụng 1: Giải:  Bác Thiệp phải trả số tiền là:  350 × 250 = 87 500 ( đồng)  Đ/s: 87 500 đồng.  **2. Tính chất của phép nhân**  Phép nhân có các tính chất:  + **Giao hoán**: ab = ba  + **Kết hợp**: (ab)c = a(bc)  + **Phân phối** của phép nhân đối với phép cộng: a(b+c) = ab + ac  **\* Chú ý:**   * a .1 = 1 . a =a   a . 0 = 0 . a = 0   * Tích (ab)c hay a(bc) gọi là tích của ba số a, b, c và viết gọn là abc.   Ví dụ 2:  24 . 25 = ( 6 . 4) . 25 = 6. ( 4. 25) = 6 × 100 = 600  Luyện tập 2:  125 . 8 001 . 8 = ( 125 . 8) . 8 001 = 1000 . 8 001 = 8 001 000  Vận dụng 2: Giải  Nhà trường cần dùng tất cả số bóng đèn LED là:  32 × 8 = 256 (bóng)  Nhà trường phải trả số tiền mua bóng đèn LED là:  256 × 96 = 24 576 (nghìn đồng)  Đáp số: 24 576 000 đồng. |

**Hoạt động 2: Phép chia hết và phép chia có dư**

**a) Mục tiêu:**

+ HS ôn lại phép đặt tính chia giúp HS liên hệ đến các khái niệm.

+ Củng cố phé đặt tính chia.

+ Vận dụng thực tế.

+ Giải quyết được bài toán mở đầu.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV mời hai HS lên bảng, mỗi em thực hiện một phép đặt tính chia ( **HĐ4**) và trả lời câu hỏi của **HĐ5.**  ( Các HS còn lại làm trong vở nháp)  **HĐ4:** Thực hiện các phép chia 196 : 7 và  215 : 18.  **HĐ5:** Trong hai phép chia trên, hãy chỉ ra phép chia hết và phép chia có dư. Trong mỗi trường hợp, hãy cho biết số bị chia, sô chia, thương và số dư ( nếu có).  - GV nêu nhận xét về phép đặt tính và kết luận của HS về số bị chia, số chia, số dư.  - GV phân tích quan hệ giữa các đại lượng: số bị chia, số chia, thương và số dư.  => **Chú ý:** Trong phép chia có dư, số dư bao giờ cũng nhỏ hơn số chia.  - GV phân tích **Ví dụ 3** qua trình chiếu Slide và lưu ý cách đặt tính phép chia và khắc họa cho HS cách viết a : b = q ( dư r)  - GV yêu cầu HS làm **Luyện tập 3**  ( GV gợi ý HS có thể đặt tính. Nhắc HS trước khi đặt tính cần xem phép trừ có thực hiện được không).  - GV phân tích và hướng dẫn **Ví dụ 4**  **-** HS áp dụng kiến thức giải **Vận dụng 3:** Bài toán mở đầu.  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại. | **2. Phép trừ số tự nhiên**      + Với hai số tự nhiên a, b đã cho, ( b 0)ta luôn tìm được q và r N sao cho a = bq + r, trong đó 0 r < b.  + Nếu r = 0 thì ta có **phép chia hết** a : b = q; a là số bị chia, q là thương.  + Nếu r 0 thì ta có phép chia có dư a: b = q (dư r); a là số bị chia, b là số chia, q là thương và r là số dư.  Ví dụ 3:    => 4847 : 131 = 37 ( dư 0)    => 6580 : 157 = 35 ( dư 85)  Luyện tập 3      Ví dụ 4:  Vì 487 : 45 = 10 ( dư 37) nên xếp đủ 10 xe thì còn thừa 37 người và phải dùng thêm 1 xe nữa để chở hàng hết những người này. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập: **Bài 1.23 ; 1.25 ; 1.27**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án

**Bài 1.23 :**

a) b) c) d)

9 5 1

× 2 3

2 8 5 3

1 9 0 2

2 1 8 7 3

2 7 3

× 4 7

1 9 1 1

1 0 9 2

1 2 8 3 1

8 4 5

× 2 5 3

2 5 3 5

4 2 2 5

4 4 7 8 5

1 3 5 6

× 1 2 5

6 7 8 0

2 7 1 2

3 3 9 0 0

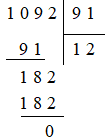
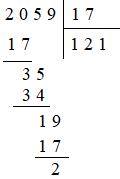
**Bài 1.25 :**

a) 125 . 101 = 125 . ( 100 + 1) = 125 . 100 + 125 . 1

b) 21 . ( 50 – 1) = 21. 50 – 21 . 1= 1050 – 21 = 1029

**Bài 1.27 :**

**a) b)**

** **

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để và khắc sâu kiến thức.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng : **Bài 1.26 ; 1.29**

**Bài 1.26 :** HD : 50 × 11 × 4 = 2 200 ( chỗ ngồi). Vậy trường có thể nhận nhiều nhất 2 200 HS để tất cả các em đều có chỗ ngồi học.

**Bài 1.29 :** HD**:** Ta có 997 : 5 = 199 ( dư 2). Vậy xếp 995 HS vào 199 ghế, mỗi ghế 5 em ; 2 em còn lại xếp vào ghế thứ 200.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập và làm thêm bài tập **1.24**; **1.28**; **1.30**.

- Chuẩn bị trước bài “ **Luyện tập chung**”: Ôn lại toàn bộ kiến thức từ Bài 1 -> Bài 5 và xem trước các bài tập.

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng 9 năm 2021 | |
| **KÝ DUYỆT**  **CỦA TỔ, NHÓM CHUYÊN MÔN** | **KÝ DUYỆT**  **CỦA BAN GIÁM HIỆU** |

**Lê Thị Duyên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  |
| Tiết |  |

**Tiết 7** **LUYỆN TẬP CHUNG**

**I.** **MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

**-** Củng cố và gắn kết các kiến thức từ bài 1 đến bài 5.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực riêng**

**-** Nâng cao kĩ năng giải toán

- Gắn kết các kĩ năng bài học lại với nhau.

**\* Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

**Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV:** SGK, giáo án tài liệu, 5 bút dạ ( 4 màu xanh hoặc đen và 1 màu đỏ)

**2. HS** : SGK; đồ dùng học tập; giấy A1 theo tổ.

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố lại kiến thức từ Bài 1 -> bài 5.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV chia lớp thành 4 nhóm hoạt động, trình bày vào giấy A1 đã chuẩn bị và hoàn thành theo yêu cầu như sau:

- Nhóm 1 và nhóm 3 : Hai cách mô tả một tập hợp và ví dụ; nội dung kiến thức phép cộng, phép nhân và các tính chất.

- Nhóm 2 và nhóm 4: Tập hợp số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên trong hệ thập phân.

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý , thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Sau khi hoàn thành thảo luận: Các nhóm treo phần bài làm của mình trên bảng và sau khi tất cả các nhóm kết thúc phần thảo luận của mình GV gọi bất kì HS nào trong nhóm đại diện trình bày.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các e hoàn thành bài tập.

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS chữa bài tập 1.31 ; 1.32 ; 1.33 đã đc giao về nhà làm từ các buổi trước. ( 3 HS lên bảng)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và lên bảng trình bày.

- HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết.

**Bài 1.31 :**

a) C1­: A = { 4; 5; 6; 7} C2: A = {x N| 3 < x 7}

b) B = { x N| x < 10, x A} = { 0; 1; 2; 3; 8; 9}

**Bài 1.32 :**

a) 1000 b) 1023 c) 2046 d) 1357

**Bài 1.33:** Chữ số 0

**Bài 1.34**:

**Giải :**

Khối lượng của 30 bao gạo là :

50 30 = 1500 ( kg)

Khối lượng của 40 bao ngô là :

60 40 = 2400 (kg)

Ô tô chở tất cả số kilogam gạo và ngô là :

1500 + 2400 = 3900(kg)

Đáp số : 3900kg.

**-** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng : **Bài 1.35**

**Bài 1.35 :** Có 115 = 50 + 50 + 15

Ông Khánh phải trả số tiền điện cho 115 số điện là :

50 1 678 + 50 1 734 + 15 2 014 = 200 810 ( đồng)

Đáp số : 200 810 đồng.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài mới “ **Lũy thừa với số mũ tự nhiên**”.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  |
| Tiết |  |

**Tiết 8, 9.** **Bài 6: LŨY THỪA VỚI SỐ MŨ TỰ NHIÊN ( 2 tiết)**

**I.** **MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

**-** Nhận biết được biểu thức lũy thừa, cơ số, số mũ.

- Nhận biết được hai quy tắc: nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số.

- Nhân, chia hai lũy thừa cùng có số và số mũ tự nhiên

**2. Năng lực**

**\* Năng lực riêng:**

**-** Viết được các tích của những thừa số bằng nhau dưới dạng lũy thừa.

- Tính được những lũy thừa có giá trị không quá lớn, đặc biệt tính thành thạo 11 số chính phương đầu tiên. ( các lũy thừa bậc hai của 11 số đầu tiên).

- Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên.

**\* Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

**Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV:** Tài liệu giảng dạy; SGK; SBT; Giáo án PPT, bảng phụ, một số miếng bìa ghi dấu “=” hoặc chữ số hoặc lũy thừa.

**2. HS** : Đồ dùng học tập; SGK; SBT và làm trước một số bài tập

**?1** Viết dưới dạng một tích của hai số tự nhiên các tống sau rồi tính giá trị

2 + 2 +2 + 2+ 2; 5 + 5 + 5 + ... + 5 ( 10 số hạng).

**?2.** Đọc tình huống mở đầu và tính số hạt thóc trong ô thứ sáu của bàn cờ.

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

**-** Giúp HS có hứng thú với nội dung bài học.

- Giải quyết được một số bài toán cụ thể liên quan đến tình huống mở đầu này ( Vận dụng 1)

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV giới thiệu ngắn gọn về bàn cờ vua ( có bàn cờ thật cho HS xem).

- GV trình chiếu một video clip ngắn ( khoảng 1p) giới thiệu về môn cờ vua.

- GV đặt vấn đề: “ Truyền thuyết Ấn Độ kể rằng, người phát mình ra bàn cờ vua đã chọn phần thưởng là số thóc rải trên 64 ô của bàn cờ vua nhưu sau:

* Ô thứ nhất để 1 hạt thóc.
* Ô thứ 2 để 2 hạt.
* Ô thứ 3 để 4 hạt.
* Ô thứ 4 để 8 hạt.
* ...........
* Cứ như thế, số hạt ở ô sau gấp đôi số hạt ở ô trước. Liệu nhà vua có đủ thóc để thưởng cho nhà phát minh đó hay không?

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý quan sát và lắng nghe , thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Lũy thừa với số mũ tự nhiên là gì? Cách tính như thế nào? Các tính chất? ” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Lũy thừa với số mũ tự nhiên**

**a) Mục tiêu:**

**-** Giúp HS có hứng thú với nội dung bài học.

- Nhằm làm cho HS thấy nhu cầu phải tính những tích của nhiều thừa số bằng nhau.

- Nhận biết được biểu thức lũy thừa,cơ số, số mũ từ đó biết cách tính lũy thừa bậc n.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS quan sát trên màn chiếu hoặc SGK bảng ( tính số hạt thóc ở các ô trong bàn cờ vua), diện tích hình vuông và thực hiện **HĐ1.**  **-** GV yêu cầu một HS chữa bài tập chuẩn bị (về cách viết một tổng nhiều số hạng bằng nhau nhờ phép nhân) đã giao trước tiết học.  - GV dẫn dắt, trình bày và phân tích nội dung kiến thức: Khái niệm lũy thừa, cơ số, số mũ.  - GV lấy ví dụ cho HS. VD: Tính số hạt thóc ở ô thứ 10 = 2.2.2.2.2.2.2.2.2 = 29  - GV cho HS tự lấy VD vào vở.  - GV lưu ý phần chú ý bằng cách phân tích hoặc cho HS đọc.  - GV gợi ý cho HS áp dụng làm **Ví dụ 1.**  **-** HS áp dụng kiến thức làm **Luyện tập 1**  - Vận dụng kiến thức làm **Vận dụng**  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại. | **1. Lũy thừa với số mũ tự nhiên**  **a. Phép nâng lũy thừa**  **Lũy thừa bậc n** của số tự nhiên a là tích của n thừa số bằng nhau, mỗi thừa số bằng a:  **an =**  ( n N\*)  n thừa số  an đọc là “ a mũ n” hoặc “ a lũy thừa n”  trong đó : a là cơ số.  n là số mũ.  => Phép nâng nhiều thừa số bằng nhau gọi là **phép nâng lũy thừa.**  VD: 3.3.3= 33 = 27  **\* Chú ý**: Ta có a1 = a.  a2 cũng được gọi là bình phương ( hay bình phương của a).  a3 cũng được gọi là lập phương (hay lập phương của a).  Ví dụ 1:  a) 3.3.3.3.3 = 35 = 243  cơ số là 3, số mũ là 5.  b) 112 = 11.11 = 121.  Luyện tập 1 : HS tự hoàn thành bảng vào vở.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 12 = 1 | 52 = 25 | 82 = 64 |  | | 22 = 4 | 62 = 36 | 92 = 81 |  | | 32 = 9 | 72 = 49 | 102 = 100 |  | | 42 = 16 |  |  |  |   Vận dụng:  1. Số hạt thóc trong ô thứ 7 là:  7.7.7.7.7.7 = 76  2. a) 23 197 = 2. 104 + 3. 103 + 1. 102 + 9.10 + 7  b) 203 184 = 2. 105 + 3. 103 + 1. 102 + 8.10 + 4 |

**Hoạt động 2: Nhân và chia hai lũy thừa cùng cơ số.**

**a) Mục tiêu:**

- HS củng cố và vận dụng quy tắc nhân hai lũy thừa cùng cơ số.

- Khám phá và vận dụng quy tắc chia hai lũy thừa cùng cơ số.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS làm theo các yêu cầu trong **HĐ2.**  GV có thể dùng đồ dùng dạy học đã chuẩn bị gồm 10 miếng bìa, trong đó có 5 miễng bìa ghi chữ số 7; 2 miếng ghi dấu “=”, một miếng ghi 72; 1 miếng ghi 73 và 1 miếng ghi 72+3 (GV ghim sẵn các miếng bìa lên bảng để thể hiện giả thiết. Rồi yêu cầu HS trả lời câu hỏi. Khi có câu trả lời đúng GV ghim tiếp các miếng bìa còn lại.  - GV phân tích và chốt nội dung chính thứ hai của bài học. ( chiếu đọan nội dung lên màn hình, vừa giảng vừa bao quát lớp ghi chép.)  - GV cho HS vận dụng hoàn thành **Ví dụ 2** ( GV costheer bổ sung những ví dụ tương tự tổ chức theo hình thức cá nhân, nhóm.)  - GV yêu cầu học sinh làm **Luyện tập 2**  - GV cho HS hoàn thành các yêu cầu của **HĐ3** ( GV có thể thay đổi hình thức tổ chức của HĐ3 bằng cách tổ chức thi viết kết quả)  - GV phân tích, chốt nội dung chính thứ 3 của bài học. (chiếu ND kiến thức lên màn chiếu vừa giảng vừa bao qát lớp ghi chép)  - GV lưu ý cho HS phần chú ý.  - GV hướng dẫn HS làm **Ví dụ 3** ( GV có thể bổ sung thêm những ví dụ tương tự, tổ chức thi cá nhân, nhóm.)  - GV cho HS áp dụng kiến thức làm **Luyện tập 3** ( GV có thể bổ sung thêm những ví dụ tương tự tổ chức cá nhân, nhóm)  \* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  \*  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại. | **2. Nhân và chia hai lũy thừa cùng cơ số**  **a. Nhân hai lũy thừa cùng cơ số**  Khi nhân hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và cộng các số mũ:  **am . an = am+n**  Ví dụ 2:  56 . 53 = 56+3 = 59  105 . 104. 102 = 105+4+2 = 1011  Luyện tập 2  a. 53 . 57 = 53+7= 510  b. 24 . 25. 29 = 24+5+9 = 218  c. 102 . 104. 106 . 108 = 102+4+6+8 = 1020  **b. Chia hai lũy thừa cùng cơ số**  Khi chia ha lũy thừa cùng cơ số (khác 0), ta giữ nguyên cơ số và lấy số mũ của số bị chia trừ số mũ của số chia:  **am : an = am-n ( a0, m n)**  **\* Chú ý:**  Người ta quy ước a0 = 1 ( a0)  Ví dụ 3:  26 : 23 = 26-3 = 23  107: 104 = 107-4 = 103  Luyện tập 3:  a) 76 : 74 = 72  b) 1 091100: 1 091100= 1 091100-100 = 1 0910 = 1 |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập: Bài 1.36 ; 1.37 ; 1.38 ; 1.42 ; 1.43- tr24- SGK ).

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và lên bảng trình bày.

**Bài 1.36 :**

a) 9.9.9.9 = 94 b) 10.10.10.10 = 104

c) 5.5.5.25 = 5.5.5.5.5 = 55  d) a.a.a.a.a.a = a6

**Bài 1.37:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Lũy thừa | Cơ số | Số mũ | Giá trị của lũy thừa |
| 43 | 4 | 3 | 64 |
| 35 | 3 | 5 | 243 |
| 27 | 2 | 7 | 128 |

**Bài 1.38:**

a) 25 = 2.2.2.2.2 = 32 b) 33 = 3.3.3 = 27 c) 52 = 5.5 = 25

d) 109 = 10.10.10.10.10.10.10.10.10 = 1 000 000 000

**Bài 1.42:**

a) 57 . 53 = 510  b) 58: 54 = 54

**Bài 1.43:**

a) 1 + 3 + 5 + 7 = 16 = 42 b) 1 + 3+ 5 +7 + 9 = 25 = 52.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng : **Bài 1.39 ; 1.40 ; 1.41**

**Bài 1.39 :**

215 = 2. 102 + 1.10 + 5 902 = 9. 102 + 2

2 020 = 2. 103 + 2.102 883 001 = 8. 105 + 8. 104 + 3. 103 + 1

**Bài 1.40 :**

112=121 ; 1112=12 321 ; Dự đoán 1 1112 = 1 234 321

**Bài 1.41 :**

29 = 210-1= 210 : 2 = 1024 : 2 = 512 211 = 210+1= 210 . 2 = 1024 : 2 = 2048

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp và làm Bài 1.44 + 1.45 – SGK- trang20

- Chuẩn bị bài mới “ **Thứ tự thực hiện các phép tính**”.

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm 2021 | |
| **KÝ DUYỆT**  **CỦA TỔ, NHÓM CHUYÊN MÔN** | **KÝ DUYỆT**  **CỦA BAN GIÁM HIỆU** |

**Lê Thị Duyên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  |
| Tiết |  |

**Tiết 10** **Bài 7. THỨ TỰ THỰC HIỆN CÁC PHÉP TÍNH**

**I.** **MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

**-** Nhận biết được khái niệm: Biểu thức, giá trị của biểu thức;

- Biết thực hiện đúng thứ các phép tính trong một biểu thức

- Nắm được quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức: biểu thức chứa dấu ngoặc và biểu thức không chưa dấu ngoặc.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực riêng:**

**-** Tính được giá trị biểu thức số, biểu thức chữ bằng cách vận dụng các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính.

- Lập được biểu thức tính kết quả của một số bài toán thực tiễn quen thuộc.

- Ghi nhớ quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính.

**\* Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

**-** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

- Rèn luyện tính cẩn thận chính xác trong tính toán , lập biểu thức .

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 . GV:** Tài liệu giảng dạy, SGK, giáo án PPT.Máy tính cầm tay hoặc máy tính xách tay có cài phần mềm giả lập máy tính Casio fx – 570 ES PLUS, máy chiếu.

**2 . HS** : Đồ dùng học tập và máy tính cầm tay. SGK, SBT.

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

**-** Gây chú ý để HS quan tâm tới thứ tự thực hiện các phép tính.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu hai HS thực hiện dãy tính 5 + 3 2. Một HS thực hiện phép tính từ trái qua phải. Một HS thực hiện theo thứ tự ngược lại.

Sau khi hai HS cho kết quả, GV nhận xét và chỉ ra HS nào có kết quả như của Tròn, HS nào có kết quả như của Vuông.

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý quan sát và lắng nghe , thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi 2 HS lên bảng, HS khác nhận xét, bổ sung.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Muốn biết kết quả của bạn nào đúng, bạn nào sai. Tại sao bạn này đúng? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức**

**a) Mục tiêu:**

- Nhớ lại và nhận biết được một đối tượng đã cho có phải là biểu thức hay không.

- Nhận biết và nắm được hệ thống các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính.

- Kiểm tra khả năng nhận biết các kiến thức và vận dụng vào đời sống.

- Ghi nhớ và áp dụng quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tínhvào thực hành bài tập

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nhắc nhắc lại một cách ngắn gọn khái niệm biểu thức: Gồm các phép toán cộng, trừ, nhân, chia và nâng lên lũy thừa của các con số hoặc chữ.  ( GV không bắt HS học thuộc mà chỉ cần HS nhận biết được đối tượng cụ thể cho có phải là biểu thức không)  - GV dẫn dắt và phân tích hệ thống các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức: ( GV vừa giảng vừa bao quát lớp bảo đảm 100% ghi chép đầy đủ, chính xác.  + Đối với biểu thức có dấu ngoặc  Nếu chỉ có phép cộng và phép trừ ( hoặc chỉ có phép nhân và phép chia) thì thực hiên các phép tính từ trái qua phải, chẳng hạn:   * 52 – 8 + 11 = 44 + 11 = 55 * 60 : 10 × 5 = 30   Nếu có phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa thì ta thực hiện phép tính nâng lên lũy thừa trước, rồi đến nhân chia, cuối cùng đến cộng và trừ, chẳng hạn:   * 10 + 2 . 42 = 10 + 2. 16   = 10 + 32 = 42  + Đối với biểu thức không có dấu ngoặc:  Nếu chỉ có một dấu ngoặc thì ta thực hiện phép tính trong dấu ngoặc trước. Chẳng hạn:   * ( 10 + 17) : 9 = 27 : 9 = 3   Nếu có các dấu ngoặc tròn **( )** , dấu ngoặc vuông **[ ]**, dấu ngoặc nhọn **{ }** thì ta thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc tròn trước, rồi thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc vuông, cuối cùng thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc nhọn. Chẳng hạn:   * {15 + 2.[8-(5-3)]} : 9   = 15 + 2.[8-2]} : 9  = {15 + 2.6} : 9  = {15+12} :9  = 27 : 9 = 3  - HS áp dụng quy tắc để giải phần **?** ( HS áp dụng quy tắc tính 5 + 3 . 2 rồi nhận xét cách tính của Tròn, Vuông) -> GV dùng phần mềm giả lập máy tính  Casio fx – 570 Es Plus, nhập đúng biểu thức đã cho rồi nhấn phím “=” ( chiếu lên màn hình cho HS quan sát)  => Kết luận MTCT cũng vận dụng đúng quy tắc.  - GV gợi ý và hướng dẫn cho HS giải **Ví dụ** trong SGK-tr26. ( HS tự giải trong 5p sau đố trình bày bài chữa -> GV chữa lại, chú ý cho HS cách trình bày chi tiết, ngắn gọn để HS vận dụng trong các BT tương tự.)  - GV mời 2 HS làm **Luyện tập 1**, dưới lớp hoàn thành vào vở.  - Hhoàn thành phần **Vận dụng.**  - HS thảo luận hoàn thành **Luyện tập 2** ( GV có thể gọi 1 HS đứng trả lời tại chỗ).  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và  gọi 1 học sinh nhắc lại. | **1. Thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức**  **-** Với các biểu thức không có dấu ngoặc: **Lũy thừa** **Nhân và chia** **Cộng và trừ**  **VD:**   * 52 – 8 + 11 = 44 + 11 = 55 * 60 : 10 × 5 = 30 * 10 + 2 . 42 = 10 + 2. 16   = 10 + 32 = 42  - Với các biểu thức có dấu ngoặc: trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau:  **( ) [ ] { }**  **VD:**   * ( 10 + 17) : 9 = 27 : 9 = 3 * {15 + 2.[8-(5-3)]} : 9   = 15 + 2.[8-2]} : 9  = {15 + 2.6} : 9  = {15+12} :9  = 27 : 9 = 3  **?**  Bạn Vuông làm đúng theo quy ước. Vì thứ tự thực hiện phép tính là nhân chia trước, cộng trừ sau.  Ví dụ:  a) 8 + 36 : 3 . 2  = 8 + 12 . 2 = 8+ 24 = 32  b) [ 1 + 2 . ( 5 . 3 – 23)] . 7  = [1 + 2. (5 . 3 – 8)] . 7  = [1 + 2. (15 – 8)] . 7  = [1 + 2.7]. 7  = [1 + 14] . 7 = 15.7 = 105  Luyện tập 1:  a) 25. 23 – 32 + 125  = 25 . 8 – 9 + 125  = 200 - 9 + 125  = 191 + 125  = 316  b) 2 . 32 + 5.( 2+3)  = 2 . 9 + 5 . 6  = 18 + 30  = 48  Vận dụng:  a) Quãng đường người đó đi được trong 3 giờ đầu là:  14 3 = 42 (km)  Quãng đường người đó đi được trong 2 giờ sau là:  9 2 = 18 (km)  b) Quãng đường người dó đi được trong 5 giờ là:  42 + 18 = 60 (km)  Đáp số: 60km.  **\* Chú ý:**  Trong một biểu thức có thể có chứa chữ. Để tính giá trị của biểu thức đó khi cho giá trị của các chữ, ta thay thế giá trị đã cho vào biểu thức rồi tính giá trị của biểu thức nhận được.  Luyện tập 2:  a) Biểu thức tính diện tích của HCN ABCD là: **2a2 + a** (đvdt)  b) a = 3  => ShcnABCD = 2. 12 + 1 = 2.1 + 1 = 2 + 1 = 3 ( cm2) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập: Luyện tập, Bài 1.46 ; 1.47

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.

Bài 1.46

a. 235 + 78 – 142 = 313 – 142 = 171

b. 14 + 2 . 82 = 14 + 2. 64 = 14 + 128 = 142

c. { 23 + [ 1 + ( 3 – 1)2]} : 13

= { 8 + [ 1 + 22]} : 13

= { 8 + [ 1 + 4]} : 13

= { 8 + 5} : 13

= 13 : 13

= 1

Bài 1.47 :

1 + 2( a+ b) – 43

Thay a = 25 và b = 9 vào biểu thức ta có :

1+ 2.(25 + 9) – 64

= 1 + 2. 34 – 64

= 1 + 68 – 64

= 69 – 64 = 5

**-** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để và khắc sâu kiến thức.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng : Bài 1.48 ; Bài 1.49

Bài 1.48 :

Trong cả năm, trung bình mỗi tháng cửa hàng đó bán được số chiếc ti vi là :

( 1 264 + 164 . 4) : 12 = 160 ( ti vi)

Đáp số : 160 ti vi.

Bài 1.49 :

18. 350 + (105-30-18).170+ 30.(105-30)

Diện tích sàn cần lát : ( 105 – 30) m2;

Tổng tiền công là : (105-30). 30 ( nghìn đồng) ;

18m2 gỗ loại 1 có giá : 18. 350 ( nghìn đồng) ;

Còn lại [(105-30)-18] m2 gỗ loại 2 có giá là : [(105-30)-18].170 (nghìn đồng)

Tổng chi phí : (105-30). 30 + 18. 350 + [(105-30)-18].170 = 18 240 ( nghìn đồng)

Đáp số :18 240 000 đồng.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

**1. Nhiệm vụ cá nhân**

- Ôn lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học từ Bài 1 đến Bài 7.

- Xem trước các bài tập phần Luyện tập chung và Ôn tập chương I.

- Làm trước các bài tập **1.50; 1.52; 1.53; 1.56.**

**2. Nhiệm vụ theo tổ**

- Thiết kế sơ đồ tư duy theo sáng tạo riêng của mỗi nhóm để tổng hợp kiến thức từ Bài 1 -> Bài 7 ( GV hướng dẫn 4 nhóm các nội dung lớn cần hoàn thành) trình bày ra giấy A0 hoặc A1 và báo cáo vào buổi học sau.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  |
| Tiết |  |
| Ngày |  |

**Tiết 11                                  LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

-Củng cố kiến thức bài 8 &9 và rèn luyện cho HS các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tế.

**2. Năng lực**

- Thông qua các ví dụ và bài tập, Hs được khắc sâu hơn việc thực hiện các phép tính về lũy thừa với số mũ tự nhiên, khắc sâu hơn quy tắc thực hiện các phép tính trong biểu thức, qua đó hình thành năng lựctư duy, và suy luận, tính toán.

- Học sinh thông qua hoạt động nhóm, hình thành năng lực hợp tác, giao tiếp toán học.

- Từ các ví dụ, bài tập liên quan đến các vấn đề thực tế, qua đó hình thành năng lực giải quyết vấn đề và năng lực mô hình hóa toán học.

**3. Phẩm chất**

- Thông qua quá trình tìm hiểu, suy luậntính toán,hình thành phẩm chất chăm chỉ.

- Thông qua hoạt động nhóm, hình thành phẩm chất trách nhiệm, trung thực.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** Phấn màu, bảng phụ ghi nội dung ví dụ 2 (bảng chiếu), MTCT.

**2. Học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập, MTCT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**:Rèn luyện cho Hs việc vận dụng các kiến thức đã học về lũy thừa với số mũ tự nhiên, về thứ tự thực hiện phép tính để thực hiệnphép tính,giải quyết vấn đề.

**b. Nội dung:**Gv yêu cầu Hs gấp sgk và trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Trả lời câu hỏi:

**d. Tổ chức thực hiện:**

-GV tổ chức trò chơi: Ô số may mắn

Thể lệ trò chơi:

+ Mỗi học sinh chọn một số trong bảng sáu số. Mở mỗi số có một câu hỏi, học sinh chọn đáp án đúng nhất trong 30 giây, học sinh sẽ được thưởng sau mỗi câu trả lời đúng.

+ Trong 6 số, có một số may mắn không phải trả lời câu hỏi và được thưởng.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Rèn luyện cho Hs việc vận dụng các kiến thức đã học về các phép tính nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên, thứ tự thực hiện các phép tính để tính giá trị của biểu thức.

**b. Nội dung:** HS thực hiện bài tập:

**c. Sản phẩm:** kết quả trên phiếu, bảng

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tìm hiểu VD 1;  chữa bài tập **1.50** ; đã được giao về nhà làm từ buổi trước.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS. | **1.50**  a) 36 – 18 : 6  = 36 – 3  =33   b) 2.32 + 24 : 6.2  = 2. 9 + 4.2  =18 + 8  = 26  c) 2.32 + 24 : (6.2)  = 2. 9 + 24 : 12  =18 + 2  = 20 |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Hs thấy được tính ứng dụng của toán học trong việc giải quyết các vấn đề thực tế.

**b. Nội dung:** Hs thực hiện các bài tập **Bài tập 1.44/ 1.48/1.49/sgk.**

**c. Sản phẩm:** Trả lời

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tìm hiểu VD 2;  chữa bài tập **1.44 ; 1.48; 1.49 trong SGK**  đã được giao về nhà làm từ buổi trước.  Hs thực hiện :  **Bài tập 1.44/ 1.48/1.49/sgk.**  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS. | **Bài tập 1.44/sgk.**  Thời gian Mặt Trời cần để tiêu thụ một lượng khí hydrogen có khối lượng bằng khối lượng Trái Đất là:  (giây)  **Bài tập 1.48/sgk.**  Trong cả năm, trung bình mỗi tháng đó bán được:  (1 264 + 4. 164 ): 12 = 160 (chiếc ti vi)  **Bài tập 1.49/sgk**  + Diện tích sàn cần lát:105 – 30 (m2)  + Tổng tiền công: 30.(105 – 30) (nghìn đồng)  + 18m2 gỗ loại 1 có giá: 18. 350 (nghìn đồng)  + Còn lại[(105 – 30) – 18] m2 gỗ loại 2 có giá170.[(105 – 30) – 18] (nghìn đồng)  + Tổng chi phí Bác Cường cần trả để lát sàn căn hộ là:  30.(105 – 30) + 18. 350 + 170.[(105 – 30) –18]  = 30. 75 + 18.350 + 170.[75 – 18]   = 30.75 + 18.350 + 170. 57   = 2 250 + 6 300 + 9 690   = 18 240 (nghìn đồng)    = 18 240 000 (đồng). |

**\*  Hướng dẫn tự học ở nhà.**

- Ôn tập, ghi nhớ các quy tắc nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên, ghi nhớ thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức có dấu ngoặc, không có dấu ngoặc.

- Xem lại các ví dụ, bài tập đã làm.

- Làm các bài tập 1.51; 1.52; 1.53/sgk trang 27.

- Chuẩn bị cho nội dung tiết sau: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 1.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  |
| Tiết |  |
| Ngày |  |

**Tiết 12.** **BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG I**

**I.** **MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

**-** Tổng hợp, kết nối các kiến thức của nhiều bài học nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương.

- Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực riêng:**

**-** Nâng cao các kĩ năng đã hoàn thành trước đó.

- Giúp HS trong việc giải và trình bày giải toán.

**\* Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

**Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV:** Tài liệu giảng dạySGK, giáo án tài liệu.

**2. HS** : SGK; đồ dùng học tập; sản phẩm sơ đồ tư duy theo tổ GV đã giao từ buổi học trước.

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:**

Giúp HS tổng hợp, liên kết kiến thức của các bài học từ Bài 1->Bài 7.

**b) Nội dung:** Đại diện các nhóm HS trình bày phần chuẩn bị của mình, các nhóm khác chú ý lắng nghe, nhận xét và cho ý kiến.

**c) Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy đầy đủ nội dung kiến thức từ Bài 1 -> Bài 7 một cách đầy đủ, ngắn gọn, trực quan.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chỉ định đại diện nhóm trình bày ( Theo thứ tự lần lượt từ Tổ 1 -> Tổ 4 hoặc thứ tự GV thấy hợp lý)  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác chú ý lắng nghe để đưa ra nhận xét, bổ sung.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm trao đổi, nhận xét và bổ sung nội dung cho các nhóm khác.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập. |  |

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| - GV yêu cầu HS chữa bài tập Bài 1.51; Bài 1.52 ; 1.53 đã đc giao về nhà làm từ các buổi trước. ( 4 HS lên bảng)  - GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập chưa làm xong ( GV có thể đến từng bàn quan sát và giúp đỡ HS). HS nào xong rồi sẽ làm các bài tập Cuối chương I : Bài 1.54 ; 1.55 ; 1.56 ; 1.57.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và lên bảng trình bày.  - HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết. | Bài 1.51 : ( SGK- tr27)  a) 33: 32 = 31  b) 54 : 52 = 52  c) 83 . 82 = 85  d) 54 . 53 .52 = 59  Bài 1.52 :  StpHHCN = Chu vi đáy. Chiều cao = (a + b) . 2 . c + 2. a. b  Thay a = 5 ; b =4 và c = 3 vào biểu thức ta được :  StpHHCN = (5 + 4) . 2 . 3 + 2. 5. 4 = 9.2.3 + 2.5.4 = 54 + 40 = 94  Bài 1.53 :  a) 110 – 72 + 22 : 2 = 110 – 49 + 11 = 61 + 11 = 72  b) 9. ( 82 – 15) = 9. ( 64 -15) = 9 . 49 = 441  c) 5.8 – ( 17 + 8) : 5 = 40 – 25 : 5 = 40 – 5 = 35  d) 75 :3 + 6 . 92 = 25 + 6. 81 = 25 + 486 = 511  Bài 1.54 : a = 15 267 021 908  a) Số a có 11 chữ số.  Tập hợp các chữ số của a là A = { 0 ; 1 ; 2 ; 5 ; 6 ; 7 ; 8 ; 9}  b) Chữ số hàng triệu là 7.  c) Trong a có hai chữ số 1 :  + Chữ số 1 nằm ở hàng nghìn có giá trị là 1 000.  + Chữ số 1 nằm ở hàng chục tỉ có giá trị là 10 000 000 000.  Bài 1.55 :  a) Số 2 020 là số liền sau của 2 019 , là số liền trước của 2 021.  b) Số liền trước của a là a – 1 ; số liền sau của a là a + 1.  c) Trong các số tự nhiên**,** bất cứ số nào cũng có số liền sau. Số 0 không có số liền trước.  Bài 1.56 :  2 1 7 5 9  × 1 8 6 2  4 3 5 1 8  1 3 0 5 5 4  1 7 4 0 7 2  2 1 7 5 9  4 0 5 1 5 2 5 8    a.  b)  c)  Bài 1.57 :  21. [( 1 245 + 987 ) : 23 – 15 . 12] + 21  = 21 . [ 2232 : 8 – 180 ] + 21  = 21 . [ 279 – 180 ] + 21  = 21. 99 + 21  = 21 ( 99 + 1)  = 21 . 100 = 2100 |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| - GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng : Bài 1.44 ; 1.45 (SGK – tr24) ; 1.58 ; 1.59 ( SGK – tr 28)  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | Bài 1.44 :  Thời gian để Mặt Trời tiêu thụ một lượng khí hydren có khối lượng bằng khối lượng Trái Đất là :  6. 1020: 6 . 106 = 1014 ( s)  Đáp số : 1014  giây.  Bài 1.45 :  Số tế bào hồng cầu được tạo ra mỗi giờ là :  25 . 10 5  . 3600 = 9 . 109 ( tế bào)  Đáp số : 9. 109 tế bào.  Bài 1.58 :  Có 320 = 45 . 7 + 5  => Nhà trường cần thuê ít nhất 7 + 1 = 8 xe để đủ chỗ ngồi cho tất cả học sinh.  Bài 1.59 :  a) Tổng số vé cần bán của phòng chiếu phim đó là : 18 18 = 324 ( vé)  Số vé không bán được tối thứ 6 là: 324 - 10 550 000 : 50 000 =324–211=113 ( vé)  b) Số tiền bán vé thu được ngày thứ 7 là : 324 = 16 200 000 ( đồng).  c) Số tiền bán vé thu được ngày chủ nhật là : ( 324 – 41) . 50 000 = 14 150 000 ( đồng)  Bài 1.44 :  Thời gian để Mặt Trời tiêu thụ một lượng khí hydren có khối lượng bằng khối lượng Trái Đất là :  6. 1020: 6 . 106 = 1014 ( s)  Đáp số : 1014  giây.  Bài 1.45 :  Số tế bào hồng cầu được tạo ra mỗi giờ là :  25 . 10 5  . 3600 = 9 . 109 ( tế bào)  Đáp số : 9. 109 tế bào.  Bài 1.58 :  Có 320 = 45 . 7 + 5  => Nhà trường cần thuê ít nhất 7 + 1 = 8 xe để đủ chỗ ngồi cho tất cả học sinh.  Bài 1.59 :  a) Tổng số vé cần bán của phòng chiếu phim đó là : 18 18 = 324 ( vé)  Số vé không bán được tối thứ 6 là: 324 - 10 550 000 : 50 000 =324–211=113 ( vé)  b) Số tiền bán vé thu được ngày thứ 7 là : 324 = 16 200 000 ( đồng).  c) Số tiền bán vé thu được ngày chủ nhật là : ( 324 – 41) . 50 000 = 14 150 000 ( đồng) |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể)  - Đánh giá đồng đẳng: HS tham gia vào việc đánh giá sản phẩm học tập của các HS khác. | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp hỏi đáp. | - Sơ đồ tư duy  - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp.

- Tìm hiểu trước chương mới và đọc trước bài mới “**Quan hệ chia hết và tính chất**”.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Ngày tháng năm 2021** |
| **Kí duyệt của BGH** | **Xác nhận của tổ nhóm chuyên môn** |
|  | **Lê Thị Duyên** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  | |
| Tiết |  |  |
| Ngày |  |  |

**Tiết 13 + 14** **CHƯƠNG II: TÍNH CHẤT CHIA HẾT TRONG TẬP**

# §8: QUAN HỆ CHIA HẾT VÀ TÍNH CHẤT

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS

**-** Nhận biết: + Quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội, kí hiệu chia hết.

+ Tính chia hết của một tổng cho một số.

- Hiểu và biết cách sử dụng các kí hiệu ” , “”

**2. Năng lực**

**\* Năng lực riêng:**

**-** Tìm các ước và bội của một số tự nhiên, đặc biệt là những số tự nhiên nhỏ dễ nhận biết như số chẵn, số chia hết cho 3, cho 5 hoặc cho 9.

- Vận dụng kiến thức để giải bài toán và giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn.

**\* Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

**Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV:** Bài giảng, Tài liệu giảng dạy, SGK, bảng phụ,....

**2. HS** : Đồ dùng học tập; Ôn lại phép chia hết, phép chia có dư.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Giới thiệu khái quát vị trí, vai trò của chương II.

+ Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV giới thiệu qua nội dung sẽ học trong chương II: Chương II có tổng cộng 7 bài, trong đó có 5 bài học, một bài luyện tập chung và 1 bài ôn tập chương học trong 15 tiết.

+Trong chương II, chúng ta sẽ ôn luyện, tổng hợp một cách có hệ thống về tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Đó là các tính chất chia hết của một tổng ( hiệu); Các dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9.

+ Tìm hiểu về một số khái niệm: Số nguyên tố và hợp số; Ước và bội; Ước chung và UCLN; Bội chung và BCNN.

+ Bước đầu vận dụng được các kiến thức đã học để giải các bài toán vào giải quyết một sô vấn đề trong thực tiễn.

**-** GV đặt vấn đề vào bài: “Trong đợt tổng kết HKI, lớp 6A được Hội cha mẹ học sinh thưởng 50 cái bút. Trường lại thưởng thêm cho lớp 4 hộp bút nữa ( số bút trong mỗi hộp là như nhau). Các bạn đề nghị chia đều phần thưởng cho 4 tổ. Nếu không biết số bút trong mỗi hộp, ta có thể chia đều số bút đó cho 4 tổ được không?”

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý lắng nghe , thảo luận nhóm và dự đoán trả lời

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Để biết ta có thể chia đều số bút đó cho 4 tổ được không? Cách chia như thé nào? Ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay.” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Quan hệ chia hết**

**a) Mục tiêu:**

- Hình thành khái niệm chia hết và biết sử dụng kí hiệu “” ; “****”

- Hình thành khái niệm ước và bội của một số tự nhiên và cách tìm ước và bội.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS thực hiện phép chia 15 : 3 và  16 : 3 và xét xem phép chia nào là phép chia hết, phép chia nào là phép chia có dư.  - GV yêu cầu HS đọc to Hộp kiến thức  - GV yêu cầu HS điền dấu “” ; “” trong mục câu hỏi **?.**  - GV lưu ý tính chất trong mục trao đổi kinh nghiệm đề cập đến tính chất chia hết của một tích: “ Trong một tích, nếu có một thừa số chia hết cho một số thì tích chia hết cho số đó”  - GV có thể đặt câu hỏi về việc có thể chia đều “ nhanh” 12 gói kẹo cho các HS trong tổ mà không cần biết số kẹo.  - GV dẫn dắt hình thành khái niệm mới là **ước** và **bội** của một số tự nhiên.  - GV có thể lấy thêm nhiều ví dụ khác.  - GV yêu cầu HS trả lời và giải thích bạn Vuông hay Tròn đúng?  ( GV gợi ý: Để giải thích 6 không là ước của 15, ta thực hiện phép chia 15 cho 6)  - GV cho HS tìm hiểu cách tìm ước và bội qua việc thực hiện các HĐ1 và HĐ2.  HĐ1: Lần lượt chia 12 cho các số từ 1 đến 12, em hãy viết tập hợp tất cả các ước của 12.  HĐ2: Bằng cách nhân 8 với 0; 1; 2; ... em hãy viết các bội của 8 nhỏ hơn 80.  - GV kết luận tập các ước của 12 và tập các bội của 8 nhỏ hơn 80.  - GV yêu cầu HS là Ví dụ 2.  - HS vận dụng kiến thức hoàn thành Luyện tập 1  - GV cho HS làm việc theo nhóm hoàn thành Thử thách nhỏ**.** ( GV thưởng cho nhóm làm nhanh nhất). GV cho HS liệt kê các ước và từ đó chọn các số phù hợp.  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Khái niệm chia hết; Ước và Bội; Cách tìm Ước và Bội. | **1. Quan hệ chia hết**  Cho hai số tự nhiên a và b ( b 0).  + Nếu có k N : a = kb, ta nói a chia hết cho b và kí hiệu là **a b**  + Nếu a không chia hết cho b ta kí hiệu a  b.  VD: 15 = 3 . 5 => 15 3  16 : 3 = 5 dư 1 => 16  3  **?**   |  |  | | --- | --- | | 24 6 | 35 5 | | 45  10 | 42  4 |   Ví dụ 1:  Việt có số kẹo là 12. 35. Vì 35 5 nên ( 12.35) 5, do đó Việt có thể chia đều số kẹo cho mỗi tổ.  \* **Ước và bội:**  - Nếu a chia hết cho b, ta nói b là **ước** của a và a là **bội** của b.  Ta kí hiệu **Ư(a)** là tập hợp các ước của a và **B(b)** là tập hợp các bội của b.  VD: 15 3 **=>** Ta nói3 là **ước** của 15 và 15 là **bội** của 3.  **?:** Bạn Vuông trả lời đúng. Vì 15 6 => 5 là ước của 15.  **\* Cách tìm ước và bội:**  + Ư(12) = { 1; 2; 3; 4; 6; 12}  + B (8) = { 8; 16; 24; 32; 40; 48; 56; 64; 72}  - Muốn tìm các ước của a ( a> 1), ta lần lượt chia a cho các số tự nhiên từ 1 -> a, ta lần lượt chia a cho các số tự nhiên từ 1 đến a để xem a chia hết cho những số nào thì các số đó là ước của a.  - Ta có thể tìm các bội của một số khác 0 bằng cách nhân lần lượt số đó với 0; 1; 2; 3;..  Ví dụ 2:  a) Ta thấy 15 chia hết cho 1; 3; 5; 15 nên Ư ( 15) = { 1; 3; 5; 15}  b) Các bội của 6 nhỏ hơn 30 là: 0; 6; 12; 18; 24.  Luyện tập 1  a) Ư ( 20 ) = { 1; 2; 4; 5; 10; 20}  b) Các bội nhỏ hơn 50 của 4 là:  4; 8; 12; 16; 20; 24; 28; 32; 36; 40; 44; 48.  Thử thách nhỏ:  Ba số là 2; 4; 6. |

**Hoạt động 2: Tính chất chia hết của một tổng**

**a) Mục tiêu:**

- HS hình thành tính chất chia hết của một tổng.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS tìm hiểu nội dung qua HĐ3 và HĐ4.  - GV rút ra kết luận cho HS rút ra kết luận.  - GV có thể cho HS làm thêm hoạt động về tính chất chia hết của một tổng ( 3 số; 4 số) hay về tính chất chia hết của một hiệu.  - GV hướng dẫn, cho HS làm Ví dụ 3.  - GV cho HS hoàn thành Luyện tập 2 ( Gọi HS trình bày bảng, dưới lớp làm vở) -> GV rút ra kết luận.  - GV yêu cầu HS làm Vận dụng 1 làm bài vào vở và gọi 1 HS lên trình bày lời giải. ( GV gợi ý).  - GV cho HS thực hiện HĐ5 và HĐ6**.**  - GV rút ra kết luận cho HS rút ra kết luận.( GV có thể cho HS làm thêm hoạt động về tính chất không chia hết của một tổng 3 số, 4 số hay về tính chất không chia hết của một hiệu.  - GV hướng dẫn cách trình bày lời giải cho HS, rồi cho HS áp dụng tính chất chia hết để giải bài toán.  - GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức vừa học để giải bài toán mở đầu và gọi một em trả lời.  - HS củng cố việc áp dụng tính chất chia hết của một tổng qua Vận dụng 2.  - GV tổ chức lớp thành các nhóm để củng cố tính chất chia hết của một tổng qua Tranh luận.  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu.  - Ứng với mỗi phần luyện tập, vận dụng, một HS lên bảng chữa, các học sinh khác làm vào vở.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **2. Tính chất chia hết của một tổng.**  **\* Trường hợp chia hết:**  + 15 5 ; 25 5  => 15 + 25 = 40 5  + 7 7 ; 14 7 ; 21 7  => 7 + 14 + 21 = 42 7  - Nếu tất cả các số hạng của một tổng đều chia hết cho cùng một số thì tổng chia hết cho số đó.   * Nếu a m và b m thì ( a+b) m * Nếu a m và b m và c m thì ( a + b + c) m   **Chú ý:** Tính chất 1 cũng đúng với một hiệu chẳng hạn 30 3 và 18 3  => ( 30 – 18) 3  **Ví dụ 3:**  Vì 6 3, 15 3 và 30 3 nên (6 + 15 + 30) 3  **Luyện tập 2:**  a) Vì: ;  => (24 + 48) 4  b) Vì: 48 6  12 6  36 6  => ( 48 + 12 - 36 ) 6  Vận dụng 1:  Vì 21 7 nên để ( 21 + x) 7 thì x 7.  Do đó x { 14; 28}  **\* Trường hợp không chia hết:**  **+** 10 5 ; 9  5  => (10 + 9) = 19  5  + 8 4 ; 10  4  => ( 10 + 8) = 18  4  Nếu có một số hạng của một tổng không chia hết cho một số đã cho, các số hạng còn lại đều chia hết cho số đó thì tổng không chia hết cho số đã cho.   * Nếu a m và b  m thì (a + b)  m. * Nếu a m, b m và c  m thì ( a + b + c)  m.   **Chú ý:** Tính chất 2 cũng đúng với một hiệu, chẳng hạn:  45 5 và 7  5 => ( 45 -7)  5  15  4 và 8 4 => ( 15 -8)  4  Ví dụ 4:  Vì 5 5; 45 5 và 2019  5  => ( 5 + 45 + 2019 )  5  Ví dụ 5:  Vì số bút trong các hộp bút bằng nhau nên tổng số bút trong 4 hộp là một số chia hết cho 4. Vì 50 không chia hết cho 4 nên tổng số bút lớp 6A được thưởng không chia đều được cho 4 tổ.  Luyện tập 3:  a) Vì 20 5 và 81  5  => (20 + 81)  5  b) Vì 34  4 ; 28 4 và 12 4  => ( 34 + 28 -12)  4  Vận dụng 3:  Vì 20 5; 45 5 nên để 20 + 45 + x không chia hết cho 5 thì x  5. Do đó x{ 39; 54}.  Tranh luận:  Bạn Tròn nói đúng. Vì 3 và 5 không chia hết cho 4 nhưng 3 + 5 lại chia hết cho 4. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập Bài 2.2 ; 2.3 ; 2.5 ; 2.6 SGK - tr7

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án

Bài 2.2 : 16 ; 24 là bội của 4.

Bài 2.3 : x, y N

a) x B(7) và x < 70

=> x { 7 ; 14 ; 21 ; 28 ; 35 ; 42 ; 49 ; 56 ; 63 }

b) y Ư ( 50) và y > 5

=> y { 10 ; 25}

Bài 2.5 :

a) Vì 100  8 và 40 8 => (100 - 40)  8 b) Vì 80 8 và 16 8 => ( 80 – 16) 8

Bài 2.6 :

a) Vì  219 . 7 7 và 8  7 => Khẳng định 219. 7 + 8 chia hết cho 7 là sai.

b) Vì 8 . 12 3 và 9 3 => Khẳng định 8 . 12 + 9 chia hết cho 3 đúng.

**-** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng : Bài 2.7 ; 2.8 ; 2.9

Bài 2.7 :

|  |  |
| --- | --- |
| **Số nhóm** | **Số người ở một nhóm** |
| 4 | 10 |
| 5 | 8 |
| 6 |  |
| 8 | 5 |
| 10 | 4 |

Bài 2.8 :

Số người trong một nhóm là ước của 45. Các ước của 45 là 1 ; 3 ; 5 ; 9 ; 14 ; 45.

Vì số người trong một nhóm không vượt quá 10 và ít nhất là 2 nên số người trong một nhóm chỉ có thể là 3 ; 5  hoặc 9.

Bài 2.9 :

a) Vì 56 8 nên x 8. Do đó x = 24. b) Vì 60 6 nên x  6. Do đó x { 22; 45}.

**-** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp.

- Chuẩn bị bài mới “**Dấu hiệu chia hết**”

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  | |
| Tiết |  |  |
| Ngày |  |  |

**Tiết 15 + 16** **§9: DẤU HIỆU CHIA HẾT**

**I.** **MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS

**-** Nhận biết được các dấu hiệu chia hết.

- Nhận biết một số chia hết cho 2; 5; 3 và 9.

- Phát biểu được dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9

**2. Năng lực**

**\* Năng lực riêng:**

- Vận dụng được các dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 3; 9 để xác định xem một số có chia hết cho 2; 5; 3; 9 hay không.

- Ghi nhớ các dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 3; 9.

- Đọc , viết , sử dụng tốt các kí hiệu chia hết , không chia hết 

**\* Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

**Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV:** Tài liệu giảng dạy, SGK, giáo án.

**2. HS** : Đồ dùng học tập; Ôn tập về phép chia hết và phép chia có dư.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

- Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**-** GV đặt vấn đề qua bài toán: “Tìm số dư của phép chia 71 001 cho 9?”

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoán thành bài toán ra nháp.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Có một cách khác, không thực hiện phép chia, chúng ta có thể biết được 71 001 có chia hết cho 9 không. Để biết được đó là cách nào?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5.**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận ra được một số có tận cùng là 0 thì luôn chia hết cho cả 2 và 5.

- HS nhận ra được dấu hiệu chia hết cho 2 và 5.

- Củng cố vận dụng dấu hiệu chia hết kết hợp tính chất chia hết của một tổng (hiệu).

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho một vài số, có tận cùng là 0 (có thể giống hoặc khác sách), yêu cầu HS kiểm tra có chia hết cho 2 và 5 hay không.  - GV yêu cầu HS thực hiện HĐ1, HĐ2.  - Cho HS kết luận nội dung trong Hộp kiến thức.  - GV cho HS đọc Ví dụ 1 để củng cố kiến thức vừa học về dấu hiệu chia hết cho 2 và cho 5 Phân tích.  - GV yêu cầu HS tìm hiểu ví dụ 2 và trình bày lời giải ý a mẫu trên bảng. Tương tự HS tự trình bày ý b.  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân củng cố qua Luyện tập 1 (GV gọi 2 HS lên bảng trình bày mỗi câu.)  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Dấu hiệu chia hết cho 2 và 5. | **1. Dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5**  + Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 thì **chia hết cho 2** và chỉ những số đó mới chia hết cho 2.  + Các số có tận cùng là 0 hoặc 5 thì **chia hết cho 5** và chỉ những số đó mới chia hết cho 5.  Ví dụ 1: SGK - tr 34  Ví dụ 2:  a) 1985 + 2020  1985 có tận cùng là 5 => 1985  2  2020 có tận cùng là 0 nên chia hết cho 2.  Vậy tổng 1985 + 2020 không chia hết cho 2.  b) 1 968 - 1930  + 1968 có tận cùng là 8 nên 1968 => 1968 2.  + 1930 có tận cùng là 0 nên 1930 => 1930 2.  Vậy Hiệu 1968 -1930 2.  Luyện tập 1:  **1.**  a) 1954 + 1975  + 1954 có tận cùng là 4  => 1954 2.  + 1975 có tận cùng là 5  => 1975  2.  b) 2020 – 938  + 2020 có tận cùng là 0 => 2020 2  + 938 có tận cùng là 8 => 938 2  Vậy tổng 2020 - 938 2.  **2.**  a) 1945 + 2020  + 1945 có tận cùng là 5 => 1945 5  + 2020 có tận cùng là 0 => 2020 5  Vậy 1945 + 2020 5.  b) 1954 -1930  + 1954 có tận cùng là 4 => 1954  5  + 1930 có tận cùng là 0 => 1930 5  Vậy 1954 – 1930  2. |

**Hoạt động 2: Dấu hiệu chia hết cho 9, cho 3.**

**a) Mục tiêu:**

+ Định hướng HS vào mối quan hệ giữa một số chia hết cho 9 và tổng các chữ số của nó.

+ HS nhận ra được các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9.

+ Củng cố, vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9 để giải quyết bài toán đặt vấn đề ở đầu bài học.

+ HS nhận ra được các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3.

+ Củng cố, áp dụng dấu hiệu chia hết cho 3.

+ Phát triển tư duy cho HS thông qua một bài toán áp dụng kiến thức tổng hợp.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và luyện tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **a. Dấu hiệu chia hết cho 9**  - GV nêu vấn đề: “Hà nhận thấy số 180 chia hết cho 9 và tổng các chữ số của nó là 1 + 8 + 9 cũng chia hết cho 9. Liệu những số chia hết cho 9 đều có tính chất này không?”  - GV yêu cầu HS thực hiện HĐ3, HĐ4.  - Cho HS kết luận nội dung trong Hộp kiến thức. => GV nhấn mạnh lại kết luận rồi lấy ví dụ cho HS dễ hình dung, và cho mỗi HS tự lấy thêm ví dụ riêng của mình.  - GV cho HS đọc Ví dụ 3 và gọi 1 HS giải thích lại tình huống mở đầu.  + GV cho 1 HS trình bày Luyện tập 2 (HS  tự làm và GV rút ra kết luận; GV có thể cho HS thêm các ví dụ về số có nhiều chữ số.)  - GV gọi HS đọc đề bài Vận dụng và áp dụng dấu hiệu chia hết cho 9 hoàn thành bài toán thực tế. ( HS tự làm; GV đưa ra kết luận)  **b. Dấu hiệu chia hết cho 3:**  - GV yêu cầu HS thực hiện HĐ5 và HĐ6**.**  - Cho HS kết luận nội dung trong Hộp kiến thức => GV nhấn mạnh lại kết luận rồi lấy ví dụ cho HS dễ hình dung, và cho mỗi HS tự lấy thêm ví dụ riêng của mình.  - GV cho HS đọc Ví dụ 4 ( GV phân tích và trình bày lời giải mẫu để HS nắm rõ)  - GV yêu cầu HS áp dụng dấu hiệu chia hết cho 3 hoàn thành Luyện tập 3. ( HS tự làm, GV đưa kết luận).  - GV chia nhóm thi đua hoàn thành Thử thách nhỏ. ( Gv thưởng cho nhóm nào làm đúng và nhanh nhất).  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Dấu hiệu chia hết cho 9 và dấu hiệu chia hết cho 3. | **2. Dấu hiệu chia hết cho 9, cho 3**  **a. Dấu hiệu chia hết cho 9**  Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì **chia hết cho 9** và chỉ những số đó mới chia hết cho 9.  VD: 12492 9  (vì 1 + 2 + 4 + 9 + 2 = **18** 9)  Luyện tập 2:  \* là 6 vì 1 + 2 + 6 = 9 9  => 126 9  Vận dụng:  Có 1 + 0 + 8 = 9 9  Bác nông dân trồng được số cây dừa là:  108 : 9 + 1 = 13 ( cây)  Đáp số: 13 cây dừa.  **b. Dấu hiệu chia hết cho 3**  Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3 và chỉ những số đó mới chia hết cho 3.  VD: 12345 3  ( vì 1+ 2 + 3 + 4 + 5 = **15** 3)  Luyện tập 3:  \* là 1; 4 hoặc 7. Vì:  1 + 2 + 1 + 5 = 9 3  => 1215 3  1 + 2 + 4 + 5 = 12 3  => 1245 3  1 + 2 + 7 + 5 = 15 3  => 1275 3  Thử thách nhỏ:  Có nhiều phương án, chẳng hạn bạn Hà lần lượt đi qua ô chứa các số 21, 15, 2020, 72, 123, 136, 1245. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập Bài 2.10 ; 2.11 ; 2.14  SGK – tr37

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án

Bài 2.10 :

+ Các số chia hết cho 2 là : 324 ; 248 ; 2020 (vì các số đó có tận cùng là các số chẵn.)

+ Các số chia hêt scho 5 là : 2020 và 2025 (vì các số đó có tận cùng là 0 và 5

Bài 2.11 :

+ Các số chia hết cho 3 là : 450 ; 123 ; 2019 và 2025 (vì các số đó có tổng các chữ số chia hết cho 3).

+ Các số chia hết cho 9 là : 450 ; 2025 (vì 2 số đó có tổng các chữ số chia hết cho 9).

Bài 2.14 :

a) \* { 0 ; 2 ; 4 ; 6 ; 8} b) \* { 0 ; 3 ; 6 ; 9}

c) \* { 0 ; 5} d) \* { 6 }

**-** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng : Bài 2.12 ; 2.13 .

Bài 2.12: Cô không chia nhóm được như vậy. Vì 290 không chia hết cho 9.

Bài 2.13: Vì 162 chia hết cho 9 nên các đội đều có dủ 9 học sinh.

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ và ôn lại Các dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9.

- Đọc hiểu thêm mục “ **Em có biết?**” cuối bài ( SGK –tr37)

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp và làm thêm Bài 2.15; 2.16

- Chuẩn bị bài mới “**Số nguyên tố**”.

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm 2021 | |
| **KÝ DUYỆT**  **CỦA TỔ, NHÓM CHUYÊN MÔN** | **KÝ DUYỆT**  **CỦA BAN GIÁM HIỆU** |

**Lê Thị Duyên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  | |
| Tiết |  |  |
| Ngày |  |  |

**Tiết 17 + 18** **§10: SỐ NGUYÊN TỐ**

**I.** **MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS

**-** Nhận biết được các khái niệm về số nguyên tố, hợp số và cách phan tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực riêng:**

- Nhận biết được một số nguyên tố, hợp số.

- Phân tích được một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.

**\* Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

**Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV:** Bài giảng, giáo án, chuẩn bị sẵn đáp án bảng 2.1 ( trình chiếu hoặc bản giấy)

**2. HS** : Đồ dùng học tập; Giấy, kéo thước kẻ.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

- Gợi mở vấn đề khái niệm số nguyên tố sẽ được học trong bài.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**-** GV đặt vấn đề qua bài toán: “Mẹ mua một bó hoa có 11 bông hoa hồng. Bạn   
Mai giúp mẹ cắm các bông hoa này vào các lọ nhỏ sao cho số hoa trong mỗi lọ là như nhau. Mai nhận thấy không thể cắm đều số bông hoa này vào các lọ hoa (mỗi lọ có nhiều hơn 1 bông) cho dù số lọ hoa là 2; 3; 4; 5; ... Nhưng nếu bỏ ra 1 bông còn 10 bông thì lại cắm đều được vào 2 lọ, mỗi lọ có 5 bông hoa.

Vậy, số 11 và số 10 có gì khác nhau, điều này có liên quan gì đến số các ước của chúng không ?”

- GV cho HS thực hành cắt một mảnh giấy thành 11 mảnh giấy nhỏ cho HS hoạt động:

* Bỏ ra một mảnh thì chia được thành 2, thành 5.
* Bỏ ra 2 mảnh thì chia được thành 3.

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS đọc, suy nghĩ, thảo luận nhóm và suy đoán, giải thích.

- HS thực hành cắt theo HD của GV.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Số nguyên tố và hợp số**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.

- Vận dụng dấu hiệu chia hết để kiểm tra số nào là hợp số và số nào là số nguyên tố.

- Giải thích đươc một số lớn là hợp số bằng cách sử dụng dấu hiệu chia hết và phát triển khả năng suy luận cho HS.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS thực hiện lần lượt các **HĐ1; HĐ2; HĐ3**  - GV tổ chức chia lớp thành 4 nhóm cho HS thực hiện **HĐ1**, **HĐ2, HĐ3** bằng cách yêu cầu từng nhóm HS vẽ lại bảng 2.1 vào bảng nhóm và tự điền vào bảng 2.1.  - Yêu cầu các nhóm điền các số có hai ước và nhiều hơn hai ước vào bảng do GV kẻ sẵn trên bảng.  - GV phân tích, cho HS đọc kết luận nội dung trong Hộp kiến thức.  - GV yêu cầu 2 HS lên bảng điền các số nguyên tố, hợp số vào bảng mà GV đã kẻ sẵn trên bảng.  - GV cho hs nhận xét và đưa ra kết luận.  - GV yêu cầu HS nhắc lại dấu hiệu chia hết cho 2 và 5. Từ đó chỉ ra số nào là số nguyên tố hay hợp số.  - GV phân tích và chữa mẫu cho HS **Ví dụ 1.**  - GV yêu cầu HS tự làm và gọi một HS lên bảng trình bày lời giải.  - GV đưa ra kết luận.  - GV tổ chức cho HS thực hiện “ Thử thách nhỏ” bằng cách chia nhóm và thi đua xem nhóm nào làm nhanh nhất. ( Kết hợp với bóng nói của nhân vật để tra bảng số nguyên tố nhỏ hơn 1000.  - GV đưa ra các kết luận đúng sai của từng phương án.  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Dấu hiệu chia hết cho 2 và 5. | **1. Số nguyên tố và hợp số**  **Chia nhóm các số tự nhiên theo số ước**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Số** | **Các ước** | **Số ước** | | 2 | 1; 2 | 2 | | 3 | 1; 3 | 2 | | 4 | 1; 2; 4 | 3 | | 5 | 1; 5 | 2 | | 6 | 1; 2; 3; 6 | 4 | | 7 | 1; 7 | 2 | | 8 | 1; 2; 4; 8 | 4 | | 9 | 1; 3; 9 | 3 | | 10 | 1; 2; 5; 10 | 4 | | 11 | 1; 11 | 2 |   **+ Số nguyên tố** là số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó.  + **Hợp số** là số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn hai ước.  **\* Chú ý**: Số 0 và số 1 không là số nguyên tố và không là hợp số.  Luyện tập 1:   |  |  | | --- | --- | | **Số nguyên tố** | **Hợp số** | | 11; 7; 5; 3; 2 | 10; 9; 8; 6; 4 |   Ví dụ 1:  a) Số 1975 có tận cùng là 5 nên nó chia hết cho 5. Do đó, ngoài hai ước là 1 và 1975 nó còn có thêm ước là 5. Vậy 1975 là hợp số.  b) Số 17 chỉ có hai ước là 1 và 17 nên nó là số nguyên tố.  Luyện tập 2:  a) Số 1930 có tận cùng là 0 nên nó chia hết cho 2 và 5. Do đó, ngoài hai ước là 1 và 1930 nó còn có thêm hai ước là 2 và 5. Vậy 1930 là hợp số.  b) Số 23 là số nguyên tố vì nó chỉ có hai ước là 1 và 23.  Thử thách nhỏ  Hà có thể đi như sau:  7 - 19 - 13 - 11 - 23 - 29 - 31 - 41 – 17 – 2. |

**Hoạt động 2: Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.**

**a) Mục tiêu:**

- Ôn lại khái niệm ước và thừa số để có khái niệm thừa số nguyên tố.

- Phân tích một số ra thừa số nguyên tố đồ cây và sơ đồ cột.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV có thể viết một tích 12 = 2 × 6 và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Vai trò của 2 là gì trong tích và 2 là số nguyên tố hay hợp số?  => Từ đó đưa ra khái niệm thừa số nguyên tố.  - GV thuyết trình giảng cho HS, sau đó yêu cầu HS trả lời câu hỏi **?** ( để kiểm tra xem HS đã hiểu được vấn đề phân tích một số ra thừa số nguyên tố hay không? )  - GV cho HS trao đổi, thảo luận phần tranh luận đưa ra kết luận: Vuông đúng.  - GV kết luận hình 2.1 là sự phân tích ra thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây.( GV giảng và phân tích cho HS hiểu và biết cách làm PP phân tích theo sơ đồ cây.)  - GV yêu cầu HS làm **?** và điền các số thay các dấu ? trong sơ đồ cây.  - GV thuyết trình giảng cho HS hiểu và biết cách làm PP phân tích theo sơ đồ cột.  - GV choHS rút ra nhận xét.  - GV nêu câu hỏi **?**  - GV yêu cầu HS làm và trình bày Ví dụ 2 vào vở.  - GV yêu cầu HS tự làm **Luyện tập 3** và yêu cầu hai HS lên bảng trình bày lời giải.  -> GV kết luận tính đúng sai của lời giải đó.  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội  thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  **-** GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Phương pháp phân tích ra thừa số nguyên tố:  - Phương pháp phân tích theo sơ đồ cây.  - Phương pháp phân tích theo sơ đồ cột. | **2. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.**  \* Phân tích một số tự nhiên ra thừa số nguyên tố:  - Mọi hợp số đều có thể phân tích được thành tích của các thừa số nguyên tố.  VD: 24 = 2.3.2.2 = 2.2.2.2.3 = 23.3  - Người ta quy ước dạng phân tích ra thừa số nguyên tố của một số nguyên tố là chính nó.  VD: 3 = 3; 11 = 11.  - Khi phân tích một số ra thừa số nguyên tố, trong kết quả ta thường viết các thừa số theo thứ tự từ bé đến lớn và viết tích các thừa số giống nhau dưới dạng lũy thừa.  ?:Việt phân tích chưa đúng vì 4 không phải là thừa số nguyên tố.  Viết lại: 60 = 3 × 22 × 5  \* Phương pháp phân tích theo sơ đồ cây:    => 24 = 23.3    => 24 = 23.3  **?:**    \* Phương pháp phân tích theo sơ đồ cột:    Vậy 24 = 23. 3  \* Nhận xét: Trong hai cách phân tích số 24 ra thừa số nguyên tố, nếu viết các thừa số nguyên tố theo thứ tự từ bé đến lớn và tích các thừa số nguyên tố giống nhau dưới dạng lũy thừa thì dù phân tích bằng cách nào, ta cũng nhận được cùng một kết quả.  ?:    Ví dụ 2:    Luyện tập 3:  a) b) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập Bài 2.19 ; 2.18 ; 2.17 ; 2.21  SGK – tr41

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án

Bài 2.19 :

a) Ước nguyên tố của 30 là 5 và 6. Sai vì 6 là hợp số

b) Tích của hai số nguyên tố bất kì luôn là số lẻ. Sai vì 2.3 = 6 là số chẵn

c) Ước nguyên tố nhỏ nhất của số chẵn là 2. Đúng

d) Mọi bội của 3 đều là hợp số. Sai vì bội của 3 là 3 là số nguyên tố.

e) Mọi số chẵn đều là hợp số. Sai vì 2 là số chẵn và 2 không phải là hợp số.

Bài 2.17 : 70 = 2.5.7 115 = 5.23

Bài 2.21 : A = 44 . 95 = (22)4. (32)5 = 28.310

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng : Bài 2.23; 2.24.

Bài 2.23: Số người trong nhóm lớn hơn 1 và là ước của 30. Do đó số người trong một nhóm là 2 ; 3 ; 5 ; 6 ; 10 ; 15 hoặc 30.

Bài 2.24: Ta có 33 = 1.33 = 3.11

Do đó có 4 cách :

33 chiến sĩ thành 1 hàng ;

33 hàng, mỗi hàng 1 chiến sĩ ;

3 hàng, mỗi hàng có 11 chiến sĩ ;

11 hàng, mỗi hàng có 3 chiến sĩ .

**-** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Xem lại bài và luyện tập phân tích một số ra thừa số nguyên tố bằng 2 cách: theo sơ đồ cây và sơ đồ cột.

- Đọc hiểu thêm mục “ **Em có biết?**” cuối bài ( SGK –tr40)

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp và làm thêm **Bài 2.20; 2.22**

- Xem trước các bài tập phần “**Luyện tập chung**”

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  |
| Tiết |  |
| Ngày |  |

**Tiết 19**  **LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

**-** Củng cố và gắn kết các kiến thức từ bài 8 đến bài 10, vận dụng được các kiến thức đã học từ bài 8đến bài 10 vào giải bài tập.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực riêng:**

- Sử dụng các ngôn ngữ, kí hiệu toán học vào trình bày lời giải bài tập.

- Vận dụng kiến thức về quan hệ chia hết và phân tích một số ra thừa số nguyên tố để giải bài tập.

- Vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

- Gắn kết các kĩ năng bài học lại với nhau.

**\* Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Học sinh tự nghiên cứu và làm bài tập trong SGK

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh có khả năng làm việc, thảo luận nhóm, cặp đôi để thực hiện yêu cầu của nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh có thể đề xuất bài toán mới từ bài toán ban đầu.

**3. Phẩm chất**

**-** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

- Chăm chỉ, có tinh thần tự học, tự đọc SGK, tài liệu tham khảo

- Rèn luyện tính cẩn thận thận trong tính toán trình bày bài tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV:** SGK, tài liệu giảng giạy , PPT, 5 bút dạ ( 4 màu xanh hoặc đen và 1 màu đỏ)

**2. HS** :

- SGK; đồ dùng học tập; giấy A1 theo tổ.

- Ôn tập kiến thức từ bài 8 đến bài 10.

- Nghiên cứu và làm bài tập vềtìm ướcvà bội của một số tự nhiên, các dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9 và phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

**III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU) ( 10p)**

**a) Mục tiêu:** HS nhớ và nêu lại được các kiến thức cơ bản từ bài 8 đến bài 10

+ Quan hệ chia hết

+ Dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9

+ Số nguyên tố.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Giáo viên giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm hoạt động, trình bày vào giấy A1 đã chuẩn bị và hoàn thành theo yêu cầu như sau: hoạt động nhóm 5phút

+ Nhóm 1 và nhóm 3 : Ước và bội và cách tìm ước và bội của một số tự nhiên.

+ Nhóm 2 và nhóm 4: Các dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9 và phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm treo phần bài làm của mình ( tại vị trí phân công trong lớp). Đại diện lần lượt nhóm 1, 3 báo cáo. Các nhóm còn lại thảo luận, chia sẻ, bổ xung thông tin.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, chốt kiến thức (chiếu lên máy chiếu hoặc bảng phụ tổng hợp kiến thức). Trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**B. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG ( 32p)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để giải bài tập về bài toán vận dụng tìm ước và bội của một số, dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9 và phân tích một số ra thừa số nguyên tố, toán vận dụng vào thực tế.

- Sử dụng đúng chính xác các kí hiệu trong khi trình bày.

- Học sinh bước đầu biết đề xuất bài toán đơn giản, tương tự.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm học tập** |
| \* Giao nhiệm vụ học tập:  - GV yêu cầu HS tìm hiểu VD1 chữa bài tập2.27 ; 2.28  được giao về nhà làm từ các buổi trước.  \* Thực hiện nhiệm vụ:  - HS HĐ cặp đôi nghiên cứu các ví dụ và làm các bài tập.  \* Báo cáo kết quả, thảo luận:  - Đại diện một số cặp đôi báo cáo kết quả.  - Các HS khác thảo luận đưa ra ý kiến  \* Kết luận, nhận định  - GV chốt lại kết quả cuối cùng, yêu cầu HS xác định kiến thức đã áp dụng.  - GV yêu cầu học sinh đưa ra bài tập tương tự với các bài vừa chữa. Yêu cầu về nhà thực hiện  \* Giao nhiệm vụ học tập:  - GV yêu cầu HS tìm hiểu VD 2 (đã giao về nhà) chữa bài tập 2.25;  \* Thực hiện nhiệm vụ:  - HS nghiên cứu VD  - Làm bài 2.25  \* Báo cáo kết quả, thảo luận:  - GV cho HS thảo luận tìm hiểu yêu cầu của bài toán tìmphương án giải bài tập.  - YCHS lên bảng giải bài tập, HS khác làm vào vở.  \* Kết luận, nhận định  - Các HS khác thảo luận đưa ra ý kiến  - GV chốt lại kết quả cuối cùng.  \* Giao nhiệm vụ học tập:  - GV yêu cầu HS tìm hiểu VD 3 (đã giao về nhà) chữa bài tập 2.26;  \* Thực hiện nhiệm vụ:  - HS nghiên cứu VD  - Làm bài 2.26  \* Báo cáo kết quả, thảo luận:  - GV cho HS thảo luận cách phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố.  - YCHS lên bảng giải bài tập, HS khác làm vào vở.  \* Kết luận, nhận định  - Các HS khác thảo luận đưa ra ý kiến  - GV chốt lại kết quả cuối cùng  - Đưa ra bài tập được suy ra từ bài 2.26.  \* Giao nhiệm vụ học tập:  - GV yêu cầu nghiên cứu nội dung bài tập 2.29  \* Thực hiện nhiệm vụ:  - Làm bài 2.29 theo nhóm 4 em  \* Báo cáo kết quả, thảo luận:  - GV cho HS thảo luận để tìm các cặp nguyên tố sinh đôi.  - Yêu cầu đại diện 1 nhóm lên trình bài, các nhóm khác theo dõi góp ý .  \* Kết luận, nhận định  - Các HS khác thảo luận đưa ra ý kiến  - GV chốt lại kết quả cuối cùng  \* Giáo viên tổng kết:  - Chốt lại kiến thức trọng tâm đã học từ bài 8 đến bài 10.  - Lưu ý những sai làm dễ mắc phải khi giải từng dạng bài tập.  - Nhấn mạnh việc học sinh dần làm quen với khai thác, mở rộng bài tập đơn giản. | 1. Bài tập về quan hệ chia hết  **Bài 2.27 :**  **a)** Ta có: 100 – x chia hết cho 4. Mà 100 chia hết cho 4 nên x chia hết cho 4.  Do đó x là bội của 4 và không vượt quá 22  Vậy x ∈ {0; 4; 8; 12; 16; 20}  **b)** Ta có: 18 + 90 + x chia hết cho 9. Mà 18 và 90 chia hết cho 9 nên x chia hết cho 9.  Do đó x là bội của 9 và không vượt quá 22  Vậy x ∈ {0; 9; 18}.  **Bài 2.28 :**  Giải  Số người mỗi nhóm phải lớn hơn 3 và là ước của 40.Mà  Ư(40) = https://latex.codecogs.com/gif.latex?\large&space;\left&space;\%7b&space;1;&space;2;&space;4;&space;5;&space;8;&space;10;&space;20;&space;40&space;\right&space;\%7d  Nên mỗi nhóm có thể có 4; 5; 8; 10; 20; hoặc 40 người.  **Bài 2.25:**  Giải  **a)** Số cần viết chia hết cho 5 nên nó có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5. Vậy các số cần tìm là: 510; 150; 310; 130; 350; 530; 105; 305; 315; 135.  **b)** Số cần viết chia hết cho 3 nên tổng các chữ số của nó phải chia hết cho 3.  Từ các chữ số 5; 0; 1; 3, ta có hai cách nhóm thành bộ ba số có tổng chia hết cho 3:   * 5 + 0 + 1 = 6 chia hết cho 3. * 5 + 1 + 3 = 9 chia hết cho 3.   Vậy các số cần tìm là: 501; 510; 105; 150; 513; 531; 135; 153; 351; 315.  **2. Bài tập về số nguyên tố**  **Bài 2.26**:  Giải    Tương tự, ta có:    **Bài 2.29 :**  Giải  Các cặp số nguyên tố sinh đôi nhỏ hơn 40 là:   * 3 và 5   5 và 7   * 11 và 13 * 17 và 19 * 29 và 31. |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm (rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học (ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ ( 3P)**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học từ bài 8 đến bài 10

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp

- Chuẩn bị bài mới **“ Ước chung. Ước chung lớn nhất”.**

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm 2021 | |
| **KÝ DUYỆT**  **CỦA TỔ, NHÓM CHUYÊN MÔN** | **KÝ DUYỆT**  **CỦA BAN GIÁM HIỆU** |

**Lê Thị Duyên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  |
| Tiết |  |
| Ngày |  |

**Tiết 20** **§11.ƯỚC CHUNG. ƯỚC CHUNG LỚN NHẤT**

**I. MỤCTIÊU**

**1. Kiến thức:**

Sau khi học xong bài này HS

**-** Nhận biết được các khái niệm về ước chung, ước chung lớn nhất, phân số tối giản và hai số nguyên tố cùng nhau.

- Nhận biết cách tìm UCLN bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực riêng:**

- Xác định được, chỉ ra được ước chung, ước chung lớn nhất của hai hoặc ba số tự nhiên đã cho và chỉ ra được ước chung lớn nhất của các số đó.

- Tìm được tập hợp các ước chung của hai số hoặc ba số thông qua tìm ước chung lớn nhất.

- Vận dụng được khái niệm và cách tìm ƯCLN của hai hoặc ba số trong rút gọn phân số và giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

- Đọc được , viết , ghi nhớ kí hiệu cuẩ ước chung ƯC, ước chung lớn nhất UCLN

**\* Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**: Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV: Tài liệu giảng dạy,** bài giảng, SGK, bảng phụ ,.....

**2. HS** : SGK; Đồ dùng học tập; Ôn tập khái niệm về ước đã học.

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

- Gợi mở đến nội dung cần học về ước chung và uớc chung lớn nhất.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV đặt vấn đề thông qua phần khởi động trong SGK: “Làm thế nào để tìm được số lớn nhất vừa là ước của 504, vừa là ước của 588?”

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS đọc, suy nghĩ, thảo luận nhóm và suy đoán, giải thích.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới : Để giúp chúng ta giải được bài toán nhanh nhất, ngoài cách làm của các bạn, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay.” => Bài mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Ước chung và ước chung lớn nhất**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố cách tìm ước của một số tự nhiên.

- Hình thành khái niệm ước chung và thấy được ý nghĩa của việc tìm ƯC.

- Biết cách tìm ước chung của hai số a; b và mở rộng cho nhiều số.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn và yêu cầu HS trao đổi thực hiện các HĐ1, HĐ2, HĐ3.  - GV phân tích rút ra kiến thức và cho HS đọc hiểu khái niệm, kí hiệu về ƯC và ƯCLN ( mở rộng thêm về cách kí hiệu , ước chung của nhiều số)  - GV phân tích và cho HS đọc hiểu ví dụ 1, ví dụ 2.  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành ví dụ 1, ví dụ 2.  - GV dẫn dắt, cho một vài HS phát biểu khái niệm ƯC, UCLN  - GV giảng về cách tìm ước chung của hai số a và b.  - GV trình bày cách tìm ƯCLN trong trường hợp đặc biệt và nhận xét  - GV yêu cầu HS hoàn thành phần câu hỏi ? luyện tập 1, vận dụng 1?  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  **-** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.  - Đưa ra các chú ý về lỗi sai cho học sinh dễ bị mắc phải trong quá trình làm bài tập. | **1. Ước chung và ước chung lớn nhất**  **a, Ước chung và ước chung lớn nhất của hai hay nhiều số:**  HĐ 1, HĐ 2, HĐ 3:  Ư(24) = {1; 2; 3; 4; 6; 8; 12; 24}.  Ư(28) = {1; 2; 4; 7; 14; 28}  **=>** ƯC (24, 28) = {1; 2; 4}  => Số lớn nhất trong ƯC (24, 28) là 4  **\* Ghi nhớ :**  **Ước chung** của hai hay nhiều số là ước của tất cả các số đó.  **Ước chung lớn nhất** của hai hay nhiều số là số lớn nhất trong tập hợp các ước chung của các số đó  **\* Kí hiệu :**   * **ƯC(a,b)** là tập hợp các ước chung của hai số a và b * **ƯCLN( a, b**) là ước chung lớn nhất của a và b   **\* Mở rộng :**  x ƯC (a, b) nếu ax và bx.  + Tập hợp các ước chung của a, b, c kí hiệu là ƯC (a, b,c).  x ƯC (a, b, c) nếu ax, bx và cx  VD1:  Ư(18) = {1; 2; 3; 6; 9; 18}  Ư(30) = {1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30}  => ƯC(18,30) = {1; 2; 3; 6}.  **\* Cách tìm ước chung của hai số a và b:**  - Viết tập hợp các ước của a và ước của b: Ư(a), Ư(b).  - Tìm những phần tử chung của Ư(a) và Ư(b).  **\* Cách tìm ƯCLN trong trường hợp đặt biệt** (sgk – 45)  ? ƯCLN (90,10) = 9  LT1: ƯCLN (12,15) = 3 nên mỗi bạn sẽ được bố chia cho 12: 3 = 4 quả bóng xanh và 15: 3 = 5 quả bóng đỏ. |

**Hoạt động 2: Cách tìm ước chung lớn nhất**

**a) Mục tiêu:**

- Hình thành khái niệm ƯCLN và thấy được ý nghĩa của việc tìm ƯCLN.

- Gợi cho HS biết mối liên hệ giữa ƯCLN của hai số a, b và các thừa số nguyên tố chung (nếu có) của chúng.

- Biết cách tìm ƯC thông qua tìm ƯCLN.

- Trình bày chuẩn các kí hiệu trong bài.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV dẫn dắt, cho HS đọc vd sgk - 45  - GV phân tích tích ví dụ tìm ƯCLN  - GV giới thiệu các bước tìm ƯCLN  - GV nhấn mạnh lại các bước để HS ghi nhớ.  - GV yêu cầu HS vận dụng hoàn thành **câu hỏi ?**  - GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 3  - GV phân tích, hướng dẫn HS cách làm và cho HS luyên tập 2, vận dụng 2 vào vở.  - GV giới thiệu cách tìm ước chung từ ước chung lớn nhất cho HS hiểu  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội dung thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS  \* **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Chú ý, thảo luận, phát biểu, trình bày bảng, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Khái niệm ƯCLN; Cách tìm ước chung từ ƯCLN**.** | **2. Cách tìm ước chung lớn nhất.**  **a, Tìm ƯCLN bằng cách phân tích thừa số ra các số nguyên tố.**  \* 3 bước tìm ƯCLN :  - B1: Phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố  - B2: Chọ ra các thừa số nguyên tố chung  - B3: Lập tích các thừa số đã chọn , mỗi thừa số lấy một số mũ nhỏ nhất. Tích các số được chọn là ƯCLN phải tìm.  ? Ta có:    ƯCLN (45, 150) = 3.5 = 15  **b, Tìm ước chung từ ước chung lớn nhất**  \* Để tìm ước chung của các số ta làm theo hai bước:  - B1: Tìm ƯCLN của các số đó  - B2: Tìm các cước của ƯCLN đó  ? Có: ƯCLN (75,105) = 15  Có ước của 15 là: 1, 3, 5, 15  Nên ƯC (75, 105) = |

**Hoạt động 4: Ứng dụng trong rút gọn phân số**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết phân số tối giản và biết cách rút gọn về phân số tối giản.

- trình bày chính xác , sử dụng các kí hiệu linh hoạt.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV dẫn dắt, cho HS đọc hiểu nội dung trong SGK và trả lời câu hỏi:  + Phân số tối giản là thế nào?  + Cách rút gọn để được phân số tối giản.  - GV nêu Ví dụ, phân tích cụ thể cho HS dễ hình dung hơn,  - GV lấy thêm một vài ví dụ sau đó cho HS tự lấy ví dụ và thực hiện rút gọn.  - GV yêu cầu HS vận dụng hoàn thành câu hỏi ? và luận tập 3.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội dung thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: **Khái niệm phân số tối giản, Cách rút gọn về phân số tối giản.** | **4. Ứng dụng trong rút gọn phân số.**  - Ta **rút gọn phân số** bằng cách chia cả tử và mẫu của phân số đó cho một ước chung khác 1 (nếu có).  Chú ý: Để rút gọn một phân số, ta có thể chia cả tử và mẫu của phân số đó cho ước chung lớn nhất của chúng để được **phân số tối giản**  VD1:  chưa tối n và có ƯCLN(18, 30) = 6  =>  Ta có: là phân số tối giản.  VD2: Rút gọn về phân số tối giản ,  + Có: ƯCLN ( 24, 108) **=** 12    Ta được  là phân số tối giản  + Có: ƯCLN ( 80, 32) **=** 16    Ta được  là phân số tối giản  ? Có: ƯCLN ( 16, 10) **=** 2    Ta được  là phân số tối giản |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập: 2.30, 2.31, 2.32 (tr48 - SGK ).

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và lên bảng trình bày.

- HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết.

Bài 2.30 : Tìm ước chung của

a, 30 và 45

Ư (30) 

Ư (45) 

ƯC (30, 45) 

b, 42 và 70

Ư (42) 

Ư (70) 

ƯC (42, 70) 

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để và khắc sâu kiến thức.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng : Bài 2.33 ; 2.34 ; 2.35

Bài 1.26 :

 và 



ƯCLN (72, 96) 

ƯC (72, 96) 

Bài 2.34

a, Phân số  chưa tối giản 

b, Phân số  đã tối giản

**Bài 1.29 :** HD**:** Ta có 997 : 5 = 199 ( dư 2). Vậy xếp 995 HS vào 199 ghế, mỗi ghế 5 em ; 2 em còn lại xếp vào ghế thứ 200.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập và làm thêm bài tập 1.24; 1.28; 1.30.

- Chuẩn bị trước bài “ **Bội chung, Bội chung nhỏ nhất** ”: Ôn lại toàn bộ kiến thức từ Bài 1 -> Bài 5 và xem trước các bài tập.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  |
| Tiết |  |
| Ngày |  |

**Tiết 21.** **§11. BỘI CHUNG. BỘI CHUNG NHỎ NHẤT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong tiết này HS

- HS biết tìm bội chung của hai hay nhiều số bằng cách liệt kê các ước rồi tìm các phần tử chung của hai tập hợp.

- HS biết tìm bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số bằng cách phân tích các số đó ra thừa số nguyên tố, từ đó biết cách tìm các bội chung của hai hay nhiều số.

- Sử dụng bội chung nhỏ nhất để qui đồng mẫu các phân số và cộng, trừ phân số.

**2. Năng lực**

- Năng lực riêng: Sử dụng được các kí hiệu về tập hợp BC, BCNN. Qui đồng được mẫu các phân số và thực hiện được cộng, trừ phân số.

- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ; năng lực tính toán, tư duy logic.

**3. Phẩm chất**: Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV:** Nghiên cứu chương trình SGK, tài liệu tham khảo.

**2. HS** : SGK, Vở ghi, ĐDHT, nghiên cứu , ôn các các kiến thức về bội chung và bội chung nhỏ nhất

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục đích:** HS nêu được thế nào là BC của hai hay nhiều số. Biết cách tìm bội của một số.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV yêu cầu Hs đọc đề bài: Mai mua đĩa giấy và cốc giấy (SGK/49)

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS hoạt động nhóm để đưa ra câu trả lời

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Nhóm nào làm nhanh nhất lên trình bày bài và giải thích.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Bội chung. Bội chung nhỏ nhất”.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Bội chung và bội chung nhỏ nhất**

**a) Mục tiêu:**

**-** HS biết được thế nào là bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho cá nhân HS thực hiện HĐ1, HĐ2, HĐ3 sau đó cặp đôi kiểm tra bài cho nhau và thống nhất kết quả.  **-** Từ 3 HĐ trên GV giới thiệu về BC, BCNN của hai hay nhiều số  - GV yêu cầu HS cá nhân nhắc lại  - GV thực hiện đọc và giải thích cho học sinh hiểu được kí hiệu khác của BC, BCNN của bạn Tròn đưa ra.  - GV cho hs thức hiện hoạt động mở đầu : Vậy bây giờ bạn nào có thể giải thích chính xác về kết quả ở hoạt động mở đầu không?  - GV yêu cầu học sinh làm VD: Hãy tìm BCNN(7,21)  - HS thực hiện yêu cầu  **-** GV đặt vấn đề : Ngoài việc tìm B(7), B(21) sau đó tìm BCNN(7,21) ra thì ta còn cách nào khác không ?  - GV diễn giải : Ta thấy rằng 217 nên 21 cũng là bội của 7 vậy ta có được 21 chính là BCNN của 7.  - GV đưa ra câu hỏi cho HS:  + Vậy trong các số đã cho, nếu số lớn nhất là bội của các số còn lại thì BCNN của các số đó là bao nhiêu?  + BCNN(a,1) =? BCNN(a,b,1) = ?  - GV chốt lại kiến thức trong phần nhận xét  GV giáo cho cá nhân HS thực hiện tìm BCNN(36,9) và luyện tập 1 bằng cách chia lớp thành 2 nhóm.  - GV cho Hs hoạt động nhóm, nhóm nào làm nhanh nhất, cử bất kì 1 bạn trong nhóm lên trình bày bài làm.  - GV chữa và chốt lại kiến thức.  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ của từng hoạt động GV đưa ra.  - GV quan sát và trợ giúp nếu HS cần.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS đứng tại chỗ trình bày câu trả lời của  mình. 1 thành viên trong nhóm được phân  công nhiệm vụ trình bày  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn, nhóm bạn  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chính xác hóa các nội dung, ghi các kiến thức trọng tâm lên bảng cho HS ghi chép vào vở | **1. Bội chung và bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số**  B(6)={0; 6;12;18; 24;30;36;42; …}  B(9)= {0; 9; 18; 27; 36; 45;54 ; …}  BC(6, 9) = {0; 18; 36; …}  Số nhỏ nhất khác 0 trong tập BC(6, 9) là 18  \* Định nghĩa: SGK/49  \* Kí hiệu:  **BC (a,b):** tập hợp các bội chung của a và b  **BCNN (a,b):** bội chung nhỏ nhất của a và b  x BC (a,b) nếu x  a, x  b  x BC (a,b,c) nếu x  a, x  b, x  c  \* Nhận xét:  Nếu a  b thì BCNN(a,b) = a  BCNN(a,1) = a  BCNN(a,b,1) = BCNN(a,b)  BT: Tìm BCNN(36,9)  Vì 36  9 nên BCNN(36,9) = 36  \* Luyện tập 1:  a) B(6)={0; 6; 12; 18; 24; 30; 36; 42; 48; …}  B(8)= {0; 8; 16; 24; 32; 40;48 ; …}  BC(6, 8) = {0; 24; 48; …}  BCNN(6,8) = 24  b) Vì 72 8; 72  9 nên  BCNN (8, 9, 72) = 72  \* Vận dụng:  Gọi số tháng ít nhất hai máy bay lại được bảo dưỡng trong cùng một tháng là x (tháng)  x = BCNN(6,9) = 18  Vậy số tháng ít nhất hai máy bay lại được bảo dưỡng trong cùng một tháng là 18 (tháng). |

**Hoạt động 2: Cách tìm bội chung nhỏ nhất**

**a) Mục tiêu:** HS tìm được BCNN của 2 hay nhiều số bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố. Và tìm được BC thông qua BCNN.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV giới thiệu cách tìm BCNN bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố  - GV yêu cầu cá nhân HS đọc hiểu nội dung mục này trong SGK và đọc các ví dụ minh họa ở trang 51.  - GV hỏi HS các câu hỏi:  + Nêu các bước tìm BCNN của hai hay nhiều số lớp hơn 1 bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố?  + Tìm BCNN(9, 15) = ?  + Nêu cách tìm BC từ BCNN ?  + BCNN(8,6) = 24. Tìm các BC(8,6) nhỏ hơn 100?  Các bạn trong nhóm trả lời, cả nhóm thống nhất, thư kí điền kết quả vào bảng phụ (bảng phụ số 1)  Phần luyện tập 2:  - GV cho HS hoạt động cá nhân, sau đó cặp đôi kiểm tra bài cho nhau và thống nhất kết quả. Cặp đôi nào làm nhanh nhất thì cặp đoa lên bảng trình bày bài. (mỗi bạn làm 1 phần).  Thử thách nhỏ:  - GV yêu cầu hs hoạt động nhóm. Nhóm trưởng giao nhiệm vụ cho mỗi bạn trong nhóm thực hiện 1 bước giải, sau đó thống nhất để hoàn chỉnh bài giải vào bảng phụ.  Nhóm nào làm nhanh nhất, phân công 1 bạn bất kì lên bảng trình bày bài giải  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS thực hiện theo các hoạt động GV đưa ra trong mỗi phần.  + GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp đỡ nếu HS cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **+** HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu.  +Ứng với mỗi phần luyện tập, một HS lên bảng chữa, các học sinh khác làm vào vở.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **2. Cách tìm BCNN**  **\* Các bước tìm BCNN của hai hay nhiều số lớn hơn 1**:  B1: Phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố.  B2: chọn ra các thừa số nguyên tố chung và riêng.  B3: Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với số mũ lớn nhất. Tích đó là BCNN cần tìm.  \* Tìm BCNN(9, 15)  9 = 32  15 = 3.5  TSNTC: 3; TSNTR: 5  BCNN(9, 15) = 32.5 = 45  \* Tìm BC từ BCNN  B1: Tìm BCNN của các số  B2: Tìm các bội của BCNN đó.  \* Tìm các bội chung nhỏ hơn 100 của 8 và 6  BCNN(8,6) = 24  B(24) = {0; 24; 48; 72; 96; 120; …}  Vậy: Các bội chung nhỏ hơn 100 của 8 và 6 là: 0; 24; 48; 72; 96.  \* Luyện tập 2:  - Tìm BCNN(15, 54)  15 = 3.5  54 = 2.33  TSNTC: 3; TSNTR: 2; 5  BCNN(15, 54) = 2.33.5 = 270  + Tìm các bội chung nhỏ hơn 1000 của 15 và 54  BCNN(15, 54) = 270  B(270) = {0; 270; 540; 810; 1080; …}  Vậy: Các bội chung nhỏ hơn 1000 của 15 và 54 là: 0; 270; 540; 810.  \* Thử thách nhỏ:  Gọi số phút cả 3 xe lại cùng xuất bến một lúc là x (phút)  Ta có: x  15; x  9; x  10  => x  BC(15, 9, 10)  và 0 < x < 685  15 = 3.5  9 = 32  10 = 2.5  BCNN(15, 9, 10) = 2.32.5 =90  B(90) = {0; 90; 180; 270; 360; 450; 540; 630; 720; ...}  BC(15, 9, 10) = {0; 90; 180; 270; 360; 450; 540; 630; 720; ...}  Mà: x  BC(15, 9, 10)  và 0 < x < 685  Nên: x  {90; 180; 270; 360; 450; 540; 630}  Vậy: các thời điểm trong ngày (từ 10h35p đến 22h) các xe buýt lại xuất bến cùng một lúc là: 12h5p; 13h35p; 15h5p; 16h35p; 18h5’; 19h35’; 21h5p |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:**Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 2.36a và 2.38a SGK – tr53

- HS cá nhân tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận nhóm đưa ra đáp án

Bài 2.36. Tìm bội chung nhỏ hơn 200 của

a) 5 và 7

BCNN(5,7) = 5.7 = 35

BC(5,7) = B(35) = {0; 3 ; 70; 105; 140; 175; 210; ...}

Vậy : Bội chung nhỏ hơn 200 của 5 và 7 là 0; 3 ; 70; 105; 140; 175.

Bài 2.38.Tìm BCNN(30, 45)

30 = 2.3.5 ; 45 = 32.5

BCNN(30, 45) = 2.32.5 = 90

**-** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:**Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành nhanh bài tập vận dụng 2.42 trang 53-SGK.

- Cá nhân HS suy nghĩ nhanh và trả lời câu hỏi

Gọi số ngày ít nhất nữa cún vừa được đi dạo, vừa được tắm là x (ngày)

x = BCNN(2,7) = 2.7 = 14

Vậy : số ngày ít nhất nữa cún vừa được đi dạo, vừa được tắm là 14 (ngày)

- HS nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

Phiếu học tập ở hoạt động 2:

Điền nội dung thích hợp vào chỗ trống (...):

\* Các bước tìm BCNN của hai hay nhiều số lớn hơn 1:

B1: ....................................................................................................................

B2: ................................................................................................................

B3: ………………………………………………………………………………..

\* Tìm BCNN(9, 15)

9 = …

15 = …

TSNTC: …………………..; TSNTR: ………………….

BCNN(9, 15) = …………….. = ………………….

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm 2021 | |
| **KÝ DUYỆT**  **CỦA TỔ, NHÓM CHUYÊN MÔN** | **KÝ DUYỆT**  **CỦA BAN GIÁM HIỆU** |

**Lê Thị Duyên**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn  18/10/2021 | Ngày dạy | Lớp | 6A1 | | |
| Tiết | 4 | 4 | 1 |
| Ngày | 25/10 | 27/10 | 30/10 |

**Tiết 22,23,24.** **CHỦ ĐỀ:**

**VẬN DỤNG TÌM ƯCLN – BCNN VÀO BÀI TOÁN THỰC TẾ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố lại các kiến thức về cách tìm ƯCLN, BCNN.

**2. Năng lực**

- Năng lực riêng: Vận dụng tìm ƯCLN – BCNN vào các bài toán thực tế.

- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ; năng lực tính toán, tư duy logic.

**3. Phẩm chất**: Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV:** Nghiên cứu chương trình SGK, tài liệu tham khảo.

**2. HS** : SGK, Vở ghi, ĐDHT, nghiên cứu , ôn các các kiến thức về bội chung và bội chung nhỏ nhất

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục đích:** HS nêu lại được cách tìm ƯCLN, BCNN.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu Hs tham gia trò chơi “Thử tài trạng Tí”

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS hoàn thành trò chơi.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS trên cơ sở đó dẫn dắt vào tiết học

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết**

**a) Mục tiêu:**

**-** HS củng cố lại kiến thức về ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV: Yêu cầu hs nêu lại cách tìm ước chung, bội chung, ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số.  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS lần lượt nhắc lại kiến thức  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS nêu được các kiến thức về cách tìm ước chung, bội chung, ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chiếu sơ đồ tư duy và chốt lại kiến thức cần nhớ |  |

**Hoạt động 2: Tìm ƯCLN, BCNN của hai hay nhiều số**

**a) Mục tiêu:**

**-** Rèn cho hs kĩ năng tìm ƯCLN, BCNN của hai hay nhiều số.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 2.45 và 2.46/ SGK – tr55

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV: Yêu cầu hs thảo luận nhóm làm bài 2.45/SGK; hoạt động cá nhân làm bài 2.46/SGK/55.  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận nhóm đưa ra đáp án  **\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu.  + Ứng với mỗi phần luyện tập, bài 2.45 hs thảo luận làm bài, đại diện hai nhóm treo bảng các nhóm khác quan sát và nhận xét; hai HS lên bảng làm bài 2.46/sgk các học sinh khác làm vào vở.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **Bài 2.45/SGK/55**  a.   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | a | 9 | 34 | 120 | 15 | 2987 | | b | 12 | 51 | 70 | 28 | 1 | | ƯCLN(a,b) | 3 | **17** | **10** | **1** | **1** | | BCNN(a,b) | 36 | **102** | **840** | **420** | **2987** | | ƯCLN(a,b). BCNN(a,b) | 108 | **1734** | **8400** | **420** | **2987** | | a.b | 108 | **1734** | **8400** | **420** | **2987** |   b. ƯCLN(a,b) . BCNN(a,b) = a.b  **Bài 2.46/SGK/55**  a. ƯCLN(3.52, 52.7) = 52 = 25  BCNN(3.52, 52.7) = 3.52.7 = 525  b. ƯCLN(22.3.5, 32.7, 3.5.11) = 3  BCNN(22.3.5, 32.7, 3.5.11) = 22.32.5.7.11 = 13860 |

**Hoạt động 3: Bài toán thực tế**

**a) Mục tiêu:**

**-** Rèn cho hs kĩ năng áp dụng tìm ƯCLN, BCNN vào các bài toán thực tế.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập 2.48, 2.51/sgk/55 và các bài tập GV giao.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV: Yêu cầu hs thảo luận nhóm làm bài tập được giao, hướng dẫn HS phân tích bài  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận nhóm đưa ra đáp án  **\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS chú ý lắng nghe hướng dẫn và hoàn thành bài  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **Dạng 1.  Bài toán liên quan đến diện tích,cắt nhỏ diện tích hình cho trước khi biết khích thước các cạnh thành các phần bằng nhau.**  **Bài toán 1:**  Một căn phòng hình chữ nhật dài 6,25m, rộng 4,75m. Hãy tìm kích thước viên gạch lát nền hình vuông sao cho số viên gạch ít nhất và không phải xẻ viên nào để chèn vào các chỗ còn thừa.  Lời giải:        Đổi số đo chiều dài, chiều rộng căn phòng ra centimet. Ta có:  Chiều dài 6,25m = 625cm.  Chiều rộng 4,75m = 475cm.        Để số gạch vừa vặn lát kín nền nhà mà không phải xẻ gạch ra viên nào thì kích thước gạch phải là ước chung của 625 và 475.        Mặt khác để số lượng viên gạch ít nhất thì kích thước gạch phải là ước chung lớn nhất của 625 và 475, mà ƯCLN(625, 475) = 25 nên viên gạch hình vuông cạnh 25cm.  **Bài 2.50/sgk/55**  **Dạng 2: Bài toán mua bút**  **Bài toán 2:**  A và B mỗi người mua một số bút chì màu, trong mỗi hộp đều có từ 2 bút trở lên và số bút ở các hộp đều bằng nhau. Tính ra A mua 20 bút, B mua 15 bút. Hỏi mỗi hộp bút chì màu có bao nhiêu chiếc?  Lời giải:  Gọi số bút chì trong mỗi hộp là a (bút). (a > 2)  Ta phải có: 20 a; 15 a  Do đó a  ƯC(20,15) và a > 2 ta tìm được:  ƯCLN(20,15) = 5 nên ƯC(20,15) = {1; 5};  Do đó a = 5  Vậy số bút trong mỗi hộp là 5 chiếc    **Dạng 3: Bài toán chia số lượng người hoặc vật**  **Bài toán 3:** Một đội y tế có 24 bác sĩ và 108 y tá. Có thể chia đội y tế đó nhiều nhất  thành  mấy tổ để các bác sỹ cũng như các ý tá được chia đều vào mỗi tổ?  Lời giải:  Gọi a là số tổ.  Ta phải có 24 a, 108 a và a là lớn nhất  Do đó a là ƯCLN(24,108)  Ta tính được a =12  Chia được nhiều nhất thành 12 tổ    **Dạng 4: Bài toán xếp hàng**  **Bài 2.51/sgk/55**  **Bài toán 4:**  Lớp 6A có 54 học sinh, lớp 6B có 42 học sinh, lớp 6C có 48 học sinh. Trong ngày khai giảng, 3 lớp cùng xếp thành một số hàng dọc như  nhau để diễu hành mà không lớp nào có người lẻ hàng. Tính số hàng dọc nhiều nhất có thể xếp được.  Lời giải:  Gọi số hàng dọc  nhiều nhất có thể xếp là a  Từ đâu bài ta phải có: 54 a ; 42 a ; 48 a và a lớn nhất.  Do đó a là ƯCLN(54,42,48).  54 = 2.33  42=2. 3.7  48=24.3  Từ đó ta tính được a = 6.  Vậy: Xếp được nhiều nhất thành 6 hàng dọc.  §  **Dạng 5:  Bài toán trồng cây**  **Bài toán 5:** Hai đội công nhân nhận trồng một số cây như nhau. Mõi công nhân đội 1 phải trồng 8 cây, mõi công nhân đội 2 phải trồng 9 cây. Tính số cây mỗi đội phải trồng, biết rằng số cây đó trong khoảng từ 100 đến 200  Lời giải:  Gọi số cây mỗi đội phải trồng là a (100 < a < 200)  Ta có a  BC(8,9) và 100 < a < 200  Mà 8 = 22.3        9 = 2.5  BCNN(8,9) = 22.32 =72  BC(8,9) = {0; 72; 144; 216;....}  Vậy a = 144    **Dạng 5: Bài toán công việc**  **Bài toán 6:** Tại bến sông có 3 chiếc thuyền. Chiếc thuyền thứ nhất cứ 5 ngày lại cập bến một lần, chiếc thứ hai cứ 7 ngày cập bến một lần, chiếc thứ ba cứ sau 12 ngày cập bến một lần. Hôm nay, cả ba chiếc cùng khởi hành từ bến sông, hỏi ít nhất sau bao nhiêu ngày nữa chúng lại cùng cập bến sông này?   - Gọi A là số ngày mà 3 thuyền cùng cập bến tính từ hôm nay. Để thuyền thứ nhất cập bến thì A  5  Tương tự, để thuyền thứ hai và thứ ba cùng cập bến thì A 7 và A 12  Vậy A là bội chung của 5, 7, 12.  Mặt khác, để số ngày là ít nhất thì A phải là bội chung nhỏ nhất của ba số này.  Vậy A = BCNN (5, 7,12) = 420 (ngày). |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành nhanh bài tập vận dụng 2.50/sgk/55

- Cá nhân HS suy nghĩ nhanh và trả lời câu hỏi

- HS nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**c. Sản phẩm:**

**Bài tập 2.50/sgk.**Độ dài lớn nhất của thanh gỗ là ƯCLN(56, 48, 40) = 8 dm

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bài tập 2.50/sgk.**

- Gv gọi Hs đọc đề.

- Gv yêu cầu Hs trao đổi nhóm 2 theo bàn làm bài tập.

- Gv kiểm tra bài làm của một số Hs và yêu cầu Hs lên bảng thực hiện.

- Gv gọi Hs nhận xét bài làm của bạn.

- Gv nhận xét, đánh giá câu trả lời của Hs và chốt lại vấn đề.

**4. Hướng dẫn tự học ở nhà.**

- Ôn tập, ghi nhớ các bước tìm ƯCLN và BCNN, hiểu và phân tích được các bài toán thực tế.

- Xem lại các ví dụ, bài tập đã làm.

- Làm các bài tập 7,8 .

**Bài toán 5:** học sinh lớp 6C khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 4, hàng 8 đều vừa đủ hàng. Biết số học sinh trong khoảng từ  35 đến 60. Tính số học sinh của lớp 6C.

Phân tích: gọi a là số học sinh của lớp 6c. Khi đó a phải là bội của 2, 3, 4, 8 do lớp lớp xếp hàng hàng 2, hàng 3, hàng 4, hàng 8 đều vừa đủ.

               Để a nhỏ nhất thì a phải là BC của 2, 3, 4, 8. Để tìm được só học sinh thảo mãn bài toán từ 35 đến 60 thì phải đi tìm BCNN.

**Bài toán 6:** Một số sách khi xếp thành từng bó 10 cuốn, 12 cuốn , 15 cuốn, 18 cuốn đều vừa đủ bó. Biết số sách trong khoảng 200 đến 500. Tính số sách.

Phân tích:

Gọi a là số sách , 200 <a < 500.

Sách xếp thành từng bó 10 cuốn, 12 cuốn , 15 cuốn, 18 cuốn

Nên a chia hết cho 12,15,18 hay a = BC(10,12,15,18)

Để tìm BC ta đi tìm BCNN(10,12,15,18)

Dựa vào điều kiện bài toán ta tìm đươc a

- Chuẩn bị cho nội dung tiết sau: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG II.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | | **Phương pháp**  **đánh giá** | | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** | |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  | |
| Ngày 22 tháng 10 năm 2021 | | | | |
| **KÝ DUYỆT**  **CỦA TỔ, NHÓM CHUYÊN MÔN** | | **KÝ DUYỆT**  **CỦA BAN GIÁM HIỆU** | | |

**Lê Thị Duyên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  |
| Tiết |  |
| Ngày |  |

**Tiết 25 ÔN TẬP CUỐI CHƯƠNG II**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

**-** Tổng hợp, kết nối các kiến thức của nhiều bài học nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương.

- Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Nâng cao các kĩ năng đã hoàn thành trước đó.

+ Giúp HS trong việc giải và trình bày giải toán.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, giáo án tài liệu, PPT

**2 - HS** : SGK; đồ dùng học tập; sản phẩm sơ đồ tư duy theo tổ GV đã giao từ buổi học trước.

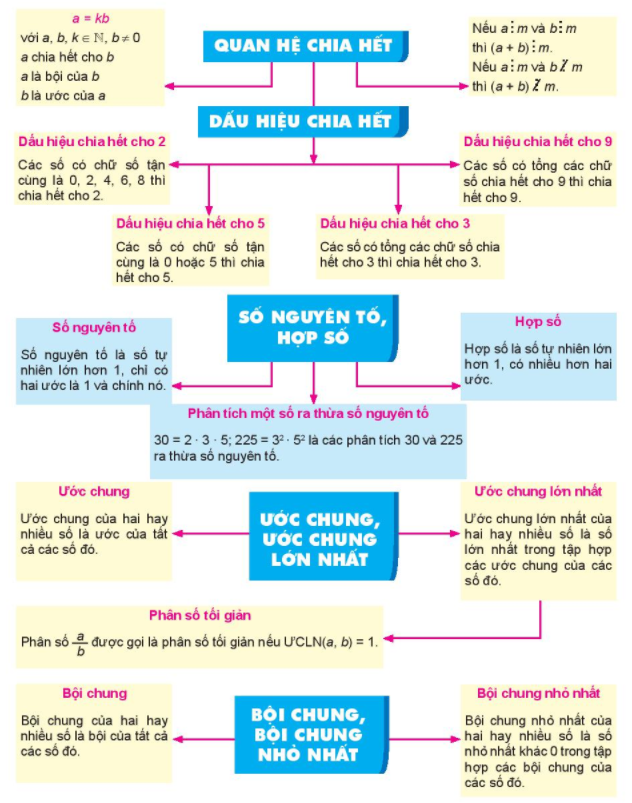
**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

Giúp HS tổng hợp, liên kết kiến thức của các bài học từ Bài 8->Bài 12.

**b) Nội dung:** Đại diện các nhóm HS trình bày phần chuẩn bị của mình, các nhóm khác chú ý lắng nghe, nhận xét và cho ý kiến.

**c) Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy đầy đủ nội dung kiến thức từ Bài 8 -> Bài 12 một cách đầy đủ, ngắn gọn, trực quan.



**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV chỉ định đại diện nhóm trình bày ( Theo thứ tự lần lượt từ Tổ 1 -> Tổ 4 hoặc thứ tự GV thấy hợp lý)

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác chú ý lắng nghe để đưa ra nhận xét, bổ sung.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm trao đổi, nhận xét và bổ sung nội dung cho các nhóm khác.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT ôn tập chương.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS chữa bài tập **Bài 2.53 ; 2.55; 2.57; 2.60 ; 2.61**  ( 5 HS lên bảng)

- GV yêu cầu HS ở dưới hoàn thành các bài tập ( GV có thể đến từng bàn quan sát và giúp đỡ HS).

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và lên bảng trình bày.

- HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết.

**Bài 2.53 : ( SGK- tr56) :** x { 50 ; 108 ; 189 ; 1234 ; 2019 ; 2020}

a) (x – 12) 2

Vì 12 2

=> x { 50 ; 108 ; 1234 ; 2020}

b) (x – 27) 3

Vì 27 3

=> x { 108; 189; 2019}

c) (x + 20) 5

Vì 20 5

=> x { 50 ; 2020}

d) (x + 36) 9

Vì 36 9

=> x { 108; 189}

**Bài 2.55 :**

a) 21 và 98

21= 3.7

98 = 2. 72

=> ƯCLN ( 21, 98) = 7 ; BCNN ( 21, 98) = 2.3.72=294

b) 36 và 54

36 = 22.23

54 = 2.33

**Bài 2.57 :**

a) BCNN (12, 16) = 3.42= 48

=>

Vậy

b) BCNN (15, 9) = 32.5= 45

=>

Vậy

**Bài 2.60 :**

Vì mỗi số nguyên tố chỉ có ước là 1 và chính nó mà 79 và 97 là hai số nguyên tố khác nhau nên ƯCLN(79, 97) = 79.97 = 7663

**Bài 2.61 :** a = 4 ; b =3

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng : **Bài 2.58 ; 2.59 SGK – tr56)**

**; 2.62** (dành cho HSG)

Gọi : Số túi quà Mai có thể chia được nhiều nhất là x ( túi, x N\*)

=> x = ƯCLN(12, 18, 30) = 6 túi quà.

Vậy Mai có thể chia được nhiều nhất 6 túi quà. Mỗi túi quà gồm 2 quả cam, 3 quả xoài và 5 quả bơ.

**Bài 2.59 :**

Gọi : Thời gian gần nhất bác Nam sẽ cùng làm hai việc đó là x (tháng, x N\*)

=> x = BCNN (3, 6) = 6 ( tháng)

Vậy lần gần nhất tiếp theo bác ấy sẽ cùng làm hai việc đó vào tháng 10 năm nay.

**Bài 2.62 :**

Giả sử số vịt là n, khi đó n < 200

Vì :

+ Hàng 2 xếp thấy chưa vừa => n không chia hết cho 2, hay n là số lẻ. (1)

+ Hàng 3 xếp vẫn còn thừa một con => n : 3 dư 1. (2)

+ Hàng 4 xếp vẫn chưa tròn => n không chia hết cho 4. (3)

+ Hàng 5 xếp thiếu một con mới đầy => (n+ 1) 5. (4)

+ Xếp thành hàng 7 đẹp thay => n 7 (5)

Từ (4) ta có n+21 = (n +1) + 20 5

Từ (5) ta có (n+21) 7. Do ƯCLN (5, 7) = 1 => ( n +21) (5.7) tức (n+21) 35

Vì n< 200 nên n+21 <221 => n+21 {35 ; 70 ; 105 ; 140 ; 175 ; 210}

=> n {14 ; 49 ; 84 ; 119 ; 154 ; 189}

Từ (1) => n là số lẻ nên n {49 ; 119; 189 }

Từ (2) => n = 49

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể)  - Đánh giá đồng đẳng: HS tham gia vào việc đánh giá sản phẩm học tập của các HS khác | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp thuyết trình | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận.  - Sơ đồ tư duy |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** (Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp.

- Tìm hiểu trước chương mới và đọc trước bài mới “**Tập hợp các số nguyên**”.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  | |
| Tiết |  |  |
| Ngày |  |  |

**CHƯƠNG III. SỐ NGUYÊN**

**Tiết 29, 30. §13.TẬP HỢP CÁC SỐ NGUYÊN**

**I. MỤCTIÊU**

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS:

- Biết các số nguyên âm qua những ví dụ cụ thể.; phân biệt số nguyên âm, số nguyên dương; ứng dụng của số nguyên âm, số nguyên dương trong thực tế.

* Biết được tập hợp các số nguyên bao gồm các số nguyên dương, số 0 và các số nguyên âm.
* Mô tả được tập hợp các số nguyên; biết cách biểu diễn các số nguyên trên trục số

- Sử dụng số nguyên để mô tả được một số tình huống thực tiễn

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực tính toán; Năng lực hợp tác, giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt: NL tư duy, tính toán; NL đọc các số nguyên âm ; NL biểu diễn các số nguyên không quá lớn trên trục số. So sánh được hai số nguyên bất kỳ (chú ý hơn về so sánh 2 số nguyên âm, hai số nguyên khác dấu)

**3. Phẩm chất:**

- Trung thực: Khách quan công bằng, đánh giá chính xác bài làm của nhóm mình và nhóm bạn.

- Chăm chỉ: Tích cực hoạt động để hoàn thành sản phẩm.

- Trách nhiệm: Hoàn thành các yêu cầu của giáo viên và của nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Nhiệt kế, giáo án powerpoint, bài soạn, , bảng nhóm.

**2**. **Chuẩn bị của học sinh:** Đồ dùng học tập: bút, thước kẻ, soạn trước bài mới.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Hoạt động khởi động**

**a) Mục tiêu:** HS phân biệt được số tự nhiên, số nguyên dương và số nguyên âm, cách đọc 1 số nguyên âm, nguyên dương.

**b) Phương pháp:**  Phương pháp vấn đáp, động não tình huống có vấn đề.

**c) Sản phẩm:**HS làm quen với số nguyên âm

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  1. Em hãy cho biết sự khác nhau của các số sau:  .  2. Em hãy đọc to các số trên.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  Một số tự nhiên khác có dấu “ – “ được gọi là số nguyên âm. | Các số là các số nguyên âm |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a) Mục tiêu:** Biết các số nguyên âm qua những ví dụ cụ thể

**b) Phương pháp:** sử dụng trò chơi tìm hiểu, khám phá.

**c) Sản phẩm:**Hs biết số nguyên âm, số nguyên dương, ý nghĩa của số nguyên âm trong 1 số tình huống thực tế.

**d) Phương án đánh giá** :GV đánh giá HS

**e) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \* GV yêu cầu:  + Hs xem hai video có ứng dụng của số nguyên âm trong đời sống, ghi nhớ và trả lời câu hỏi.  + HS làm luyện tập 1.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  ( Hoạt động cá nhân 12p)  + Trả lời câu hỏi GV cho theo cá nhân.  + GV quan sát, theo dõi quá trình làm việc của HS.  + Hs rút ra được các đại lượng biểu thị số nguyên âm  và lên bảng trình bày, giải thích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Hs trả lời được 4 câu hỏi  - Hs làm xong luyện tập 1.  - Hs nhận xét  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  + GV chốt lại kiến thức. | 1. **Làm quen với số nguyên âm**  * Hiểu được ý nghĩa số nguyên âm trong thực tế ( nhiệt độ dưới 00C; độ cao trung bình thấp hơn mực nước biển …) * Biết cách viết, đọc số nguyên âm |

**Hoạt động 3: Thứ tự trong tập hợp số nguyên**

**a) Mục tiêu :**

- HS biết được tập hợp các số nguyên bao gồm các số nguyên dương, số 0 và các số nguyên âm.

- Hs biết biểu diễn các số nguyên không quá lớn trên trục số.

- Hs biết so sánh 2 số nguyên.

**b) Phương pháp:** hoạt động hợp tác ( nhóm 4)

**c) Sản phẩm:** HS nắm được tập hợp các số nguyên bao gồm các số nguyên dương, số 0 và các số nguyên âm và số đối

**d) Phương án đánh giá** :HS đánh giá lẫn nhau, GV đánh giá HS

**e) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS thảo luận nhóm 4  Hãy tham khảo SGK thảo luận và trình bày vào bảng nhóm nội dung sau:   * Vẽ tia số nằm ngang có chiều từ trái qua phải, biểu diễn các số tự nhiên trên tia số? * Vẽ tia đối của tia số rồi biểu diễn bên trái số 0 các số nguyên âm theo thứ tự từ phải qua trái. * Cho biết điểm gốc của trục số là số nào? * Nêu chiều dương, chiều âm của trục số?   **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + Các nhóm thực hiện yêu cầu  + GV quan sát, theo dõi quá trình làm việc của HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện các nhóm trình bày câu trả lời.  + Các HS còn lại quan sát, đánh giá.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  + Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  + GV chốt lại kiến thức. | 1. **Thứ tự trong tập hợp số nguyên**   Tập hợp số nguyên gồm 3 loại số: Số nguyên âm, số 0, số nguyên dương.  Ký hiệu Z là tập hợp số nguyên:  Cách viết:  - HS vẽ được tập hợp số nguyên trên trục số |

**Hoạt động 4: so sánh hai số nguyên**

**a) Mục tiêu:** HS biết so sánh hai số nguyên bất kỳ

**b) Phương pháp:** trực quan, HS thực hiện nội dung bài học qua phiếu học tập

**c) Sản phẩm:** HS hiểu thế nào là so sánh 2 số nguyên âm, hai số nguyên khác dấu

**d) Phương án đánh giá** :HS đánh giá lẫn nhau, GV đánh giá HS

**e) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Phát cho mỗi học sinh một phiếu học tập với nội dung như sau  Xem trục số nằm ngang dưới đây, điền các từ: bên phải, bên trái, lớn hơn, nhỏ hơn hoặc các dấu <; > vào ô trống dưới đây cho đúng:     1. Số 2 nằm bên trái số 4 nên 2…4 và viết 2…4 hay 4…2 2. Số - 3 nằm bên trái số - 2 nên -3…-2 và viết -3…-2 hay -2…-3. 3. Số 4 nằm bên phải số -1 nên 4…-1 và viết 4…-1 hay -1…4   Gv cho HS chấm chéo 2 bạn trong 1 bàn, nêu nhận xét  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + Hs thực hiện yêu cầu thực hiện yêu cầu  + GV quan sát, theo dõi quá trình làm việc của HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày câu trả lời.  + Các HS còn lại quan sát, đánh giá.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  + Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  + GV chốt lại kiến thức. | 1. **So sánh hai số nguyên**   Nếu số a nằm bên trái số b thì hay .  Nếu số a nằm bên phải số b thì hay  Chú ý:   * có nghĩa là * ≥b có nghĩa là |

**C- HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu :**

- Củng cố cách đọc, viết một số nguyên âm, số nguyên dương.

- Hs lấy được các ví dụ về số nguyên âm trong thực tế.

**b) Phương pháp:** hoạt động hợp tác ( nhóm 4)

**c) Sản phẩm:** HS nắm được tập hợp các số nguyên bao gồm các số nguyên dương, số 0 và các số nguyên âm và số đối

**d) Phương án đánh giá** :HS đánh giá lẫn nhau, GV đánh giá HS

**e) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  + GV cho HS hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi.  + HS làm bài tập 3.1, 3.2, 3.3  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + Các em Hs thực hiện yêu cầu rồi trao đổi chéo kiểm tra bài cho nhau.  + GV quan sát, theo dõi quá trình làm việc của HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Từng Hs lên bảng trình bày câu trả lời.  + Các HS còn lại quan sát, góp ý và đánh giá.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  + Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  + GV khen thưởng cho hs làm bài tốt. | Luyện tập  Bài 3.1 (sgk/trang 61)    Nhiệt độ lần lượt có trong hình là  Bài 3.2 (sgk/trang 61)   1. Độ cao của Vịnh Thái Lan (so với mực nước biển) là và độ cao lớn nhất là . 2. Núi lửa Havre phun ra cột tro có độ cao (so với mực nước biển) là .   Bài 3.3 (sgk/trang 61)   1. Nhiệt độ có nghĩa là nhiệt độ dưới là |

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS củng cố lại kiến thức vào việc giải một số bài tập cụ thể.

**b) Phương pháp:** động não, thực hành luyện tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hành làm bài tập.

**d) Phương án đánh giá** :Giáo viên đánh giá quá trình hoạt động của học sinh

**e) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| + GV gọi Hs làm bài tập luyện tập 3, phần tranh luận sgk và vận dụng 2 sgk  **-** HS thực hành trao đổi, thảo luận tìm lời giải  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  - GV chốt lại kiến thức. | **Luyện tập 3**   1. Sắp xếp số nguyên theo thứ tự tăng dần là 2. Các số nguyên lớn hơn là |

**\*Hướng dẫn tự học ở nhà:**

+ Nắm vững quy tắc so sánh phân số .

+ Làm bài tập còn lại trong sgk.

+ Chuẩn bị bài “ Phép cộng và phép trừ các số nguyên ” cho tiết học sau.

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm | |
| **KÝ DUYỆT**  **CỦA TỔ, NHÓM CHUYÊN MÔN** | **KÝ DUYỆT**  **CỦA BAN GIÁM HIỆU** |

**Lê Thị Duyên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  | |
| Tiết |  |  |
| Ngày |  |  |

**Tiết 32, 33, 34 §14. PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ SỐ NGUYÊN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Quy tắc cộng, trừ số nguyên, tính chất phép cộng, trừ số nguyên.

- Một số bài toán thực tiễn liên quan đến phép cộng, trừ số nguyên.

**2. Năng lực**

- Năng lực chung: năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo.

- Năng lực đặc thù bộ môn: cộng trừ số nguyên, tính nhanh, các bài toán thực tế.

**3. Phẩm chất:** Trách nhiệm, trung thực, chăm chỉ, nhân ái.

# II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. GV:** Đồ dùng hay hình ảnh, phiếu học tập 1, 2, 3, phấn màu...

**2. HS**: SGK, nháp, bút, tìm hiểu trước bài học.

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:** Tiếp cận phép cộng trừ số nguyên.

**b) Nội dung:** Bài toán: Nhiệt độ ban ngày ở đỉnh mẫu sơn vào ngày mùa đông là -30C nếu ban đêm giảm thêm 50C thì nhiệt độ lúc này bao nhiêu?

**c) Sản phẩm:** HS trả lời bài toán.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giao cho HS thảo luận và trả lời bài toán  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới |  |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (25 phút)**

**2.1. Cộng hai số nguyên cùng dấu.**

**a) Mục tiêu:** HS nêu được quy tắc cộng hai số nguyên âm, thực hiện được cộng hai số nguyên cùng dấu.

**b) Nội dung:** Tìm hiểu ví dụ 1, tổng quát quy tắc cộng hai số nguyên âm, vận dụng bài toán thực tiễn.

**c) Sản phẩm:** Quy tắc cộng hai số nguyên âm, ví dụ 1, luyện tập 1.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Yêu cầu HS quan sát thực hiện trên trục số. Giao nhiệm vụ HS thực hiện.  Giao nhiệm vụ HS đọc và phân tích ví dụ 1  Giao nhiệm vụ HS làm luyện tập 1.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu. * Số -2 là số nguyên dương hay nguyên âm, nó nằm ở đâu trên trục số. Từ điểm O di chuyển ntn để được điểm biễu diễn -5; từ đó di chuyển ntn để được phép toán (-2)+ (-5)? Kết quả bao nhiêu? * Người ta cộng hai số nguyên âm âm người ta cộng phần nào và giữ nguyên phần nào? * Kết quả bao nhiêu * HS phát biểu thành lời quy tắc. * HS thảo luận làm luyện tập 1.     **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung, ghi vở.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS hình thành kiến thức mới.  GV: Yêu cầu HS đọc phần đóng khung và đánh dấu học. | +3  +5  0  (+3)+ (+5)= +8  -2  -5  (-2)+(-5)= -7  Quy tắc: (SGK/TR)  Ví dụ 1:  (-28)+ (-27)= -(28+27)= - 65  Luyện tập 1:  a. (-12)+ (-48) = -(12+48) = -60  b. (-236) + (- 1025)  = -(236 + 1025) = - 1261  Ghi nhớ: (SGK) |

**2.2. Cộng hai số nguyên khác dấu**

**a) Mục tiêu:** HS nhận biết 2 số đối nhau, quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu

**b) Nội dung hoạt động:** GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện

- Tìm hiểu hai số đối nhau trên trục số

- Thực hiện phép cộng hai số nguyên khác dấu.

**c) Sản phẩm:** Xác định số đối của số nguyên, phát biểu quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu, ví dụ 2, luyện tập 2.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * Yêu cầu HS làm câu hỏi ? * Thông qua ví dụ nêu tổng quát thế nào là số đối của số nguyên. Thực hiện luyện tập 2. * Giao nhiệm vụ cho nhóm nửa lớp thực hiện hđ 3, nửa lớp thực hiện hđ 4. * Giao HS thảo luận cặp phân tích ví dụ 2, từ đó tổng quát quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu. Thực hành luyện tập 3.   **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.   * GV hướng dẫn ? trên trục số biễu diễn 3 và -3; 3 và -3 phần nào giống và phần nào khác. * Tổng quát thế nào là hai số đối.   **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung,ghi vở.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS hình thành kiến thức mới.  GV: Yêu cầu HS đọc phần đóng khung và đánh dấu học. | Trên trục số hai số 3 và -3 có cùng khoảng cách đến O. Ta gọi hai số 3 và -3 là hai số đối.  🖉số đối của 4 là -4  Số đối của -5 là 5.  **Tổng quát**: (SGK/TR)  **Quy tắc:** Cộng hai số nguyên khác dấu(SGK)  Ví dụ 2:   1. 9 + (-9) = 0 2. 9 + (-5) = 9 – 5 = 4 3. (-12) + 9 = - ( 12- 9) = -3   Luyện tập 2   1. 203 + (-195) = 203 -195 = 8 2. (-137) + 86 = - (137 -86)= -51 |

**2.3. Tính chất của phép cộng**

**a) Mục tiêu:** Nhận biết tính chất phép cộng số nguyên, vận dụng làm các bài toán tính nhanh.

**b) Nội dung:** Phát biểu tính chất phép cộng số nguyên, ví dụ 3, luyện tập 4, hoạt động 5, hoạt động 6.

**c) Sản phẩm:** Tính chất phép cộng số nguyên, thực hành 3, ví dụ 3, luyện tập 4, hoạt động 5, hoạt động 6.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * Giao HS nửa lớp làm hoạt động 5, nửa lớp làm hoạt động 6. * Gọi HS đọc tính chất phép cộng. * Giao nhiệm vụ HS phân tích ví dụ 3, thực hiện luyện tập 4.   **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS làm Hđ 5, 6 * Tìm hiểu các tính chất của phép cộng. * HS đọc và phân tích ví dụ 3 * HS làm luyện tập 4   HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung,ghi vở.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS hình thành kiến thức mới.  GV: Yêu cầu HS đọc phần đóng khung và đánh dấu học. | Hđ 5:  a+ b = (-7) + 11 = 4  b + a = 11 + (-7) = 4  vậy a + b = b + a  Hđ 6:  (a + b) + c = (2 + (-4)) + (-6)  = -8  a+ (b + c) = -8  Vậy (a + b) + c = a+ (b + c)  **TÍnh chất phép cộng: (SGK)**  **Ví dụ 3:**   1. 137 + (-40) + 2020+ (-157)   = (137 +(-157))+(2020-40)= -20+ 1980= 1960   1. 5 + (-7)+ 9 + (-11) + 13 + (-15)   = (-7 + 5)+ (-11+ 9)+ (-15 + 13)= -2 + (-2) + (-2)  = -6  Luyện tập 4:   1. (-2019) + (-550) + (-451)   = - (2019 + 550 + 451)  = -3000   1. (-2) + 5 + (-6) + 9   = (5-2) + (9 -6) = 3 + 3  = 6 |

**2.4. Trừ hai số nguyên**

**a) Mục tiêu:** Nhận biết phép trừ số nguyên, vận dụng làm phép trừ số nguyên.

**b) Nội dung:** Thực hiện Hđ 7, 8, ví dụ 4, luyện tập 5.

**c) Sản phẩm:** Phép trừ số nguyên, Hđ 7, 8, ví dụ 4, luyện tập 5.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * HS thực hiện Hđ 7, 8 * Gọi HS tổng quát quy tắc phép trừ hai số nguyên. * HS nghe GV hướng dẫn dựa vào ví dụ 4 để làm luyện tập 5.   **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * **HS thảo luận HĐ 7, 8** * **Làm luyện tập 5.**   **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung,ghi vở.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS hình thành kiến thức mới.  GV: Yêu cầu HS đọc phần đóng khung và đánh dấu học. | Hđ 7:  Câu 1: Hiệu số giữa số tiền lãi và lỗ là: 5 – 2 = 3.  Câu 2: 5 + (-2) = 3 (triệu)  Hđ 8:  3 – 4 = 3 + (-4)  3 -5 = 3 + (-5)  **Quy tắc: Trừ hai số nguyên(SGK)**  **Luyện tập 5**   1. **5 – (-3) = 5 + 3 = 8** 2. **(-7) – 8 = (- 7) + (-8)**   **= -15** |

**Hoạt động 3. Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức để làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** Giải bài tập 3.9, 3.10, 3.12, 3.16.

**c) Sản phẩm:** bài tập 3.9, 3.10, 3.12, 3.16.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS làm bài tập sgk  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi đại diện HS làm bài tập, HS khác nhận xét, bổ sung,ghi vở.  GV hướng dẫn HS.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS. | **3.9**  a. (-7) + (-2) = - (7 + 2) = -9  b. (-8 + -15) = - (8 + 15)= - 23  **3.10**  a. 6 + (-2) = (6 -2) = 4  b. (-10) + 4 = - (10 - 4) = - 6  **3.12**  a. 9 – (-2) = 9 + 2 = 11  c. 27 – 30 = 27 + (-30) = - (30 -27) = -3  **3 .16**   1. 152 + ( -73) – (-18) -127   = 152 + 18 + ((-73)+ (-127))  = 170 -200 = -30   1. 7 + 8 + (-9) + (-10)   = (-9 + 7) + (-10 + 8)  = -2 + (-2) = -4 |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS làm quen với một số kiến thức để giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

**b) Nội dung:** Học sinh hoàn thành vận dụng 1, 2, 3.

**c) Sản phẩm:** vận dụng 1, 2, 3.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV giao HS đọc và làm các vận dụng.**  **-Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi đại diện HS lên bảng trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS,củng cố. | Vận dụng 1:  (-135) + (-45) = -(135 + 45)  = - 180  Vậy điểm A nằm ở độ cao  -180 m  Vận dụng 2:  Máy thăm dò ở độ cao:  (-946) + 55 = -891 m  Vận dụng 3:  Nhiệt độ chênh lệch:  27 – (-48) = 750C |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà**

- HS nắm vững quy tắc cộng, trừ, tính chất phép cộng số nguyên.

- Làm bài tập 3. 14 – 3.16.

# IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** (**Đính kèm các phiếu học tập/bảng điểm**

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm | |
| **KÝ DUYỆT**  **CỦA TỔ, NHÓM CHUYÊN MÔN** | **KÝ DUYỆT**  **CỦA BAN GIÁM HIỆU** |

**Lê Thị Duyên**

# 

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  |
| Tiết |  |
| Ngày |  |

**Tiết 35 §15. QUY TẮC DẤU NGOẶC**

**I. MỤCTIÊU**

**1. Kiến thức:** Nhận biết được quy tắc dấu ngoặc

**2. Năng lực:**

**- NL toán học:**

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học: Thực hiện được các thao tác tư duy, quan sát, giải thích được sự tương đồng và khác biệt các ví dụ cụ thể.

+ Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Áp dụng quy tắc dấu ngoặc trong tính toán.

+ Năng lực giao tiếp toán học: HS nghe hiểu, đọc hiểu các thuật ngữ toán học.

-**NL chung:**

+ Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: nghe hiểu, đọc hiểu, ghichép, diễn tả được các thông tin toán học cần thiết trong văn bản toán học; sử dụng hiệu quả ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để trao đổi, trình bày được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tácvới người khác.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra. Có ý thức tìm tòi, khám phá và vận dụng sáng tạo kiến thức để giải quyết vấn đề thực tiễn.

- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của cá nhân (hoặc nhóm) .

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV:** Các miếng bìa nhỏ: +a, -a, a, +b, - b, b, +c, -c, c, (,) , các phiếu học tập.

**2. HS**: SGK,nháp,bút, tìm hiểu trước bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1:Mở đầu (4 phút)**

**a) Mục tiêu:** HS nêu được sự cần thiết khi bỏ dấu ngoặc trong một số trường hợp.

**b) Nội dung:** GV đưa ra tình huống mở đầu, HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** HS trả lời được theo yêu cầu của GV

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV thực hiện phép tính sau bằng cách hợp lý:

(259-394)+394

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV mời 1 HS trình bày cách làm HS khác nhận xét: Trong cách làm trên bạn đã thực hiện những bước nào?

**- Bước 4:** GV đưa ra kết luận- dẫn dắt vào bài mới

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (24 phút)**

**Hoạt động 2.1: Bỏ dấu ngoặc trong trường hợp đơn giản**

**a) Mục tiêu:**

-HS làm quen với việc bỏ dấu ngoặc trong trường hợp ngoặc chỉ có một số âm hoặc dương.

**-** Mở rộng khái niệm tổng:

**b) Nội dung:** HS làm việc với sgk, lắng nghe GV thuyết trình thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Thực hiện được câu hỏi đánh giá, nắm được nội dung theo yêu cầu

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS quan sát thông tin sgk tại mục kết hợp với lắng nghe gv thuyết trình sau đó thực hiện  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung, ghi vở.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS hình thành kiến thức mới. | **1. Bỏ dấu ngoặc trong trường hợp đơn giản.**  Vì phép trừ thực chất cũng là phép cộng nên ta cũng xem một biểu thức với phép cộng và phép trừ là một tổng.  VD: 3-7-4+8 là một tổng  3, -7, -4, 8 là các số hạng.  (-23) -15-(-23)+5+(-10)  = -23-15+23+5-10  = -23+23-15+5-10  = 0-10-10= -(10+10) |

**Hoạt động 2.2: Dấu của một số hạng khi bỏ dấu ngoặc**

**a) Mục tiêu:** Khám phá quy tắc dấu ngoặc

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện, học sinh thảo luận nhóm phiếu học tập, rút ra quy tắc dấu ngoặc

**c) Sản phẩm:** Đáp án phiếu học tập 1A,1B, 2 🡪 rút ra quy tắc dấu ngoặc.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chia lớp thành 4 nhóm:  + Nhóm 1,2: Thực hiện phiếu học tập số 1A (phụ lục)  + Nhóm 3,4: Thực hiện phiếu học tập số 1B(phụ lục)  Thời gian thực hiện nhiệm vụ: 3 phút  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ nghiêm túc.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV mời đại diện nhóm 1 và nhóm 3 trình bày kết quả, nhóm 2, 4 nhận xét bổ sung.  🡪 rút ra kết luận điền vào phiếu học tập 2 (phụ lục) (trong quá trình thực hiện yêu cầu HS gấp sách giáo khoa)  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV: Yêu cầu HS đọc phần đóng khung và đánh dấu học, lắng nghe GV phân tích ví dụ. | **2. Quy tắc dấu ngoặc.**  Khi bỏ dấu ngoặc có dấu “+” đằng trước ta giữ nguyên dấu của các số hạng trong ngoặc.  Khi bỏ dấu ngoặc có dấu “-” đằng trước, ta phải đổi dấu tất cả các số hạng trong dấu ngoặc: dấu “+” đổi thành dấu “-” và dấu “-” thành dấu “+”  VD: + (a+b-c) = a+b-c  -(a+b-c) = -a+b-c |

**Hoạt động 3: Luyện tập (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**Hình thành kỹ năng vận dụng quy tắc dấu ngoặc trong tính toán, tính hợp lý.

**b) Nội dung:** HS thực hiện các bài tập trong phần luyện tập 1, 2 sgk, kết hợp với đàm thoại vấn đáp – trực quan – tái hiện.

**c) Sản phẩm:**Đáp án các bài tập, nắm được cách thay đổi tùy ý vị trí các số hạng, nhóm các số hạng.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\*Luyện tập 1:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS làm luyện tập 1 theo cặp đôi  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung,ghi vở.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS nêu chú ý:GV dùng các miếng bìa minh họa trực quan cho HS.  **\*Luyện tập 2:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS dựa vào chú ý, làm các bài tập luyện tập 2.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung, ghi vở.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS | **Luyện tập 1**  Giải:  a) (-385 + 210) + (385 - 217) = -385 + 210 + 385 - 217 = -7  b) (72 - 1 956) - (-1 956 + 28) = 72 - 1 956 + 1956 - 28 = 44  **Chú ý: SGK**  **Luyện tập 2:**  Giải:  a) 12 + 13 + 14 - 15 - 16 - 17 = (12 - 15) + (13 - 16) + (14 - 17) = (-3) + (-3) + (-3) = -9  b) (35 - 17) - (25 - 7 + 22) = 35 - 17 -25 + 7 - 22 = (35 - 25) - (17 - 7) - 22 = 10 - 10 - 22 = -2 |

**Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức đã học trong bài

**b) Nội dung:** HS áp dụng quy tắc dấu ngoặc hoàn thành bài tập 3.22a, 3.23a

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS được trình bày bảng;vở…

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 3.22a và 3.23a vào vở nháp.  **-Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ, gv hỗ trợ HS nếu cần.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 2 HS lên bảng trình bày HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS,củng cố. | 3.22a  a) 232 - (581 + 132 - 331)  = 232 - 581 - 132 + 331  = (232 - 132) - (581 - 331)  = 100 - 250 = -150  3.23  a) Với x = 7  (23 + x) - (56 - x) = (23 + 7) - (56 - 7) = 30 - 49 = -19 |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà(2 phút)**

**-** HS làm phần thử thách nhỏ, các bài tập còn lại trong SGK.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHỤ LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 1A.**  Tính và so sánh kết qủa  a) 4+ (12-15) và 4+12-15 | **PHIẾU HỌC TẬP 1B.**  Tính và so sánh kết qủa  b) 4 - (12 - 15) và 4 - (12 - 15) |
| **PHIẾU HỌC TẬP 2**  **Khi bỏ dấu ngoặc, nếu đằng trước dấu ngoặc**  Khi bỏ dấu ngoặc có dấu " + " đằng trước, ta ……………………… của các số hạng trong ngoặc  + (a+b-c) = ………..  Khi bỏ dấu ngoặc có dấu " - " đằng trước, ta phải ………… tất cả các số hạng trong dấu ngoặc: dấu " + " đổi thành ……  và dấu " - " đổi thành ………  **-(a+b-c) = ……….** | |

**Đáp án:**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 1A.**  a) 4 + (12 - 15) = 4 + (-3) = 1      4 + 12 - 15 = 16 - 15 = 1  Vậy 4 + (12 - 15) = 4 + 12 – 15 | **PHIẾU HỌC TẬP 1B.**  b) 4 - (12 - 15) = 4 - (-3) = 7      4 - 12 + 15 = -8 + 15 = 7 |
| **PHIẾU HỌC TẬP 3.**  Khi bỏ dấu ngoặc có dấu " + " đằng trước, ta giữ nguyên dấu của các số hạng trong ngoặc.  + (a+b-c) = a+b-c  Khi bỏ dấu ngoặc có dấu " - " đằng trước, ta phải đổi dấu tất cả các số hạng trong dấu ngoặc: dấu " + " đổi thành " - "  và dấu " - " đổi thành " + "  -(a+b-c) = -a+b-c | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  | |
| Tiết |  |  |
| Ngày |  |  |

**Tiết 36, 37 LUYỆN TẬP CHUNG**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

**-** Củng cố kiến thức từ bài 13 đến bài 15.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Nâng cao kĩ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kĩ năng của bài học với nhau.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, tài liệu giảng dạy.

**2 - HS**: Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân, SGK, làm đầy đủ BTVN mà GV đã giao.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Ghi nhớ và củng cố lại kiến thức: Tập hợp số nguyên, quy tắc cộng trừ số nguyên và quy tắc dấu ngoặc

**b) Nội dung:** HS nhớ lại kiến thức và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:** HS trình bày được nội dung kiến thức đã học.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV dẫn dắt, đặt câu hỏi kiểm tra kiến thức cũ:

* Nêu tập hợp số nguyên.
* Phát biểu quy tắc cộng hai số nguyên âm. Nêu ví dụ.
* Phát biểu quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu. Nêu ví dụ.
* Nêu các tính chất của phép cộng số nguyên.
* Quy tắc trừ hai số nguyên.
* Phát biểu quy tắc dấu ngoặc.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nhớ lại kiến thức, suy nghĩ và trả lời

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Đối với mỗi câu hỏi, 1 HS đứng tại chỗ trình bày câu trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS luyện tập làm các bài tập.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS chữa các bài tập : **Bài 3.26 ; 3.28**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập: **Bài 3.27 ; 3.29**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.

**Bài 3.26 :**

a) S = { x Z | -3 < x 3}= { -2 ; -1 ; 0 ; 1 ; 2 ; 3}

Tổng các phần tử của tập hợp S là : (-2) + (-1) + 0 + 1 + 2 + 3 = 3

b) T = { x Z | -7 < x -2} = {-6 ; -5 ; -4 ; -3 ; -2}

Tổng hợp phần tử của tập hợp T là : (-6) + (-5) + (-4) + (-3) + (-2) = -20

**Bài 3.28 :**

a) x = 25 => ( -314) – ( 75 + 25) = -314 -100 =-414

b) x = -313 => ( -314) – ( 75 -313) = -314 -75 + 313 = (-314 + 313) - 75 = -1 -75 = -76

**Bài 3.27 :**

a) ( 27+86) – (29-5+84) = 27 + 86 – 29 + 5 – 84 = (27 – 29) + ( 86 -84) + 5 = 5

b) 39 – (298 -89) + 299 = 39 – 298 + 89 + 299 = 299 -298 + 89 + 39 = 1 + 89 + 39 = 129

**Bài 3.29 :**

a) 2 834 + 275 – 2 833 – 265 = (2 834 – 2833) + (275 – 265) =1 + 10 = 11

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để khắc sâu kiến thức.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS chữa các bài tập vận dụng : **Bài 3.24 ; 3.25 ; 3.31** ( SGK-tr69)

**Bài 3.24 :**

a) Quang đeo kính -1 dioptre.

b) Ông của bạn Quang đeo kính 2 dioptre.

**Bài 3.25:**

a) A biểu diễn số 12

b) A biểu diễn số -12

**Bài 3.31:**

Minh trả lời nhanh như thế là do mỗi số trong tập đã cho đều có số đối nằm trong tập đó. Vậy không kể số 0, các số còn lại chia thành từng cặp có tổng bằng 0. Vậy tổng của chúng bằng 0.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** (Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ lại các quy tắc đã học.

- Làm nốt các bài tập chưa hoàn thành.

- Đọc trước bài “**Phép nhân số nguyên**”.

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm | |
| **KÝ DUYỆT**  **CỦA TỔ, NHÓM CHUYÊN MÔN** | **KÝ DUYỆT**  **CỦA BAN GIÁM HIỆU** |

**Lê Thị Duyên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  | |
| Tiết |  |  |
| Ngày |  |  |

# TIẾT 38 + 39 - §16: PHÉP NHÂN SỐ NGUYÊN

**I.** **MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS

**-** Nhận biết được quy tắc nhân hai số nguyên.

- Nhận biết được các tính chất của phép nhân số nguyên.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Thực hiện được phép nhân số nguyên.

+ Vận dụng được các tính chất của phép nhân để tính nhẩm, tính hợp lí.

+ Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn sử dụng các phép tính cộng, trừ, và nhân số nguyên

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**: Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:**  SGK, tài liệu giảng dạy, giáo án ppt.

**2 - HS** : Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân, SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Giúp HS nhận thức nhu cầu sử dụng phép nhân số nguyên.

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV đặt vấn đề qua bài toán mở đầu “ Để quản lí chi tiêu cá nhân, bạn Cao dùng số nguyên âm để ghi vào sổ tay các khoản chi của mình. Cuối tháng, bạn Cao thấy trong sổ có ba lần ghi -15 000 đồng. Trong ba lần ấy, bạn Cao đã tri tất cả bao nhiêu tiền?”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm đôi, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Bài toán mở đầu dẫn đến phép nhân số nguyên âm -15 000 . 3 . Để biết cách tính kết quả chính xác của bài toán trên, cũng như hiểu rõ hơn về các tính chất của phép nhân số nguyên, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Nhân hai số nguyên khác dấu**

**a) Mục tiêu:**

+ HS nhớ lại định nghĩa phép nhân hai số tự nhiên.

+ Tìm hiểu cách nhân hai số khác dấu bằng cách đưa về phép cộng.

+ Hình thành và luyện kĩ năng nhân hai số trái dấu.

+ Giải được bài toán mở đầu.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV nhắc lại và ghi lên bảng nhân hai số tự nhiên: a.b = b.a = a + a+... + a (b số hạng a)  VD:   * + 2 . 3 = 2 + 2 + 2 = 6   GV phân tích có thể làm tương tự đối với phép nhân hai số nguyên khác dấu.  + GV cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động: HĐ1; HĐ2.  + GV chữa, và phân tích lại trên bảng cho HS .  + GV dẫn dắt, đi đến quy tắc nhân hai số trái dấu trong hộp kiến thức.  + GV cho 1 số HS đọc lại quy tắc.  + GV giảng, phân tích mẫu cho HS Ví dụ 1 để HS hình dung cách làm.  + GV lưu ý nhấn mạnh, khắc sâu cho HS : Tích hai số nguyên khác dấu luôn là một số nguyên âm.  + GV yêu cầu 3 HS lên bảng trình bày Luyện tập 1 , dưới lớp trình bày vở.  + HS trao đổi thảo luận hoàn thành Vận dụng 1 giải bài toán mở đầu.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  + HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: **Quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu.** | **1. Nhân hai số nguyên khác dấu**  + HĐ1:  (-11).3= (-11) +(-11) +(-11) = -33  - ( 11.3) = - ( 11 + 11 + 11) = -33  => -11.3 = - ( 11.3)  + HĐ2: Dự đoán  5. (-7) = -35  (-6).8 = -48  **\* Quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu:**  Muốn nhân hai số nguyên khác dấu, ta nhân phần số tự nhiên của hai số với nhau rồi đặt dấu “-“ trước kết quả nhận được.  Nếu m, n N\* thì m. (-n) = (-n).m= -(m.n)  Ví dụ 1:  a) 25 . (-4) = -(25.4) = -100  b) (-10).11 = -(10.11) = -110  Luyện tập 1:  1.  a) (-12).12 = -144  b) 137 . (-15) = -2 055  2.  5.(-12) = -60  Vận dụng 1:  Trong ba lần ấy, bạn Cao đã chi tất cả số tiền là:  -15 000 . 3 = -45 000 ( đồng) |

**Hoạt động 2: Nhân hai số nguyên cùng dấu**

**a) Mục tiêu:**

+ Tìm hiểu cách nhân hai số nguyên âm

+ Hình thành và luyện kĩ năng nhân hai số âm.

+ Khắc sâu quy luật về dấu của một tích hai số.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV cho HS lần lượt thực hiện hai HĐ: HĐ3, HĐ4.  **HĐ3**: Quan sát ba dòng đầu và nhận xét dấu của tích mỗi khi đổi dấu của một thừa số và giữ nguyên thừa số còn lại.    **HĐ4:** Dựa vào nhận xét ở HĐ3, dự đoán kết quả của (-3) . (-7).  + GV hướng dẫn, nhấn mạnh sự đổi dấu của tích hai số, mỗi khi đổi dấu chỉ một trong hai thừa số của nó.  + GV phân tích và rút ra quy tắc nhân hai số nguyên âm.  + GV phân tích và giảng mẫu cho HS Ví dụ 2  + GV yêu cầu HS áp dụng kiến thức hoàn thành Luyện tập 2. ( 2HS lên bảng trình bày, HS dưới lớp làm vào vở)  + GV nêu chú ý và cho HS đọc phần **Chú ý** trong SGK (tr71).  + GV hướng dẫn HS tổ chức trao đổi, thảo luận nhóm phần Thử thách nhỏ.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: **Quy tắc nhân hai số nguyên âm** | **2. Nhân hai số nguyên cùng dấu**  + HĐ3:  Nhận xét: Khi đổi dấu một thừa số và giữ nguyên thừa số còn lại thì tích cũng đổi dấu.  + HĐ4: Dự đoán:  (-3).(-7) = 21  **\* Quy tắc nhân hai số nguyên âm:**  Muốn nhân hai số nguyên âm, ta nhân phân số tự nhiên của hai số đó với nhau.  Nếu m, n N\* thì (-m).(-n) = (-n).(-m) = m.n  Ví dụ 2:  (-10). (-15) = 10.15 = 150  Luyện tập 2:  a) (-12) .(-12) = 12. 12 = 144  b) (-137). (-15) = 137.15 = 2 055  **\* Chú ý:** Tích của một số nguyên với 0 luôn bằng 0  a.0 = 0.a = 0  **Thử thách nhỏ:**  -1  -1  1  1  1  -1  1  -1  1  -1 |

**Hoạt động 3: Tính chất của phép nhân**

**a) Mục tiêu:**

+ Nhắc lại các tính chất của phép nhân số nguyên, tương tự đối với nhân số tự nhiên.

+ Vận dụng các tính chất của phép nhân trong tính toán.

+ Luyện kĩ năng xác định dấu và tính tích của nhiều thừa số, tính nhẩm và nâng cao kĩ năng giải toán.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:   * Tính và so sánh giá trị của a.b và b.a biết a = -3, b =7 * Tính và so sánh giá trị của a.(b.c) và (a.b).c biết a = 2; b = -4; c = -5. * Tính a.(b+c) và ab+ac khi a = -2, b =14, c = -4 ( phần **?**)   Sau mỗi hoạt động GV dẫn dắt, phân tích rút ra tính chất của phép nhân số nguyên.  + GV nhấn mạnh tính chất của phép nhân số nguyên cũng tương tự như các tính chất của phép nhân số tự nhiên và tổng hợp các tính chất như trong hộp kiến thức.  + GV nêu chú ý và tích của nhiều số nguyên cũng tương tự như tích của nhiều số tự nhiên.  + GV phân tích mẫu cách làm ý a) của Ví dụ 3 để HS hiểu rõ cách làm và cho 1 HS trình bày ý b).  + GV hướng dẫn và cho 2 HS lên bảng trình bày Luyện tập 3 ( dưới lớp làm vở).  + GV khắc sâu kiến thức cho HS: Phép nhân cũng có tính chất phân phối đối với phép trừ:  a(b-c) = ab -ac  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  + HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: **Các tính chất của phép nhân.** | **3. Tính chất của phép nhân**  + a.b = (-3).7 = -21  b.a = 7. (-3) = -21  => a.b = b.a  + a.(b.c) = 2. [(-4).(-5)] = 2.20=40  (a.b).c = [2.(-4)].(-5) = 40  => a.(b.c) = (a.b).c  + a. (b+c) = (-2).(14-4) = (-2).10 = -20  + ab+ac = (-2).14 + (-2).(-4) = -28 +8 = -20  => Phép nhân số nguyên có các tính chất:  +Giao hoán: **a.b =b.a**  +Kết hợp: **a.(b.c) = (a.b).c**  +Phân phối của phép nhân đối với phép cộng: **a.(b+c)= a.b + a.c**  **Chú ý:** Tích của nhiều số nguyên cũng được hiểu tương tự như tích của nhiều số tự nhiên.  Ví dụ 3:  a) (-25).(-17).4 = (-25).4.(-17) = (-100) .(-17) =1700  b) (-2).(150+14) = (-2).150+ (-2).14 = (-300)+(-28) = -328  Luyện tập 3:  1. a) P = 3.(-4).5.(-6) =(-12).(-30)=360  b) Tích P sẽ không thay đổi nếu đổi dấu tất cả các thừa số.  2.  4. (-39) – 4..(-14) = 4.(-39+14) = 4 . (-25) = -100 |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập: **Bài 3.32 ; 3.33 ; 3.34 ;3.35**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.

**Bài 3.32 :**

a) 24.(-25) = - (24.25) = -600

b) (-15).12 = - (15.12) = - 180

**Bài 3.33 :**

a) (-298).(-4) = 298.4 = 1 192

b) (-10).(-135) = 1 350

**Bài 3.34 :**

a) Ba thừa số mang dấu âm, các thừa số khác mang dấu dương thì tích mang dấu âm.

b) Bốn thừa số mang dấu âm, các thừa số khác đều dương thì tích mang dấu dương.

**Bài 3.35 :**

a) 4. (1930 + 2019) + 4.(-2019) = 4.1930 + 4.2019 -4.2019 = 7 720

b) (-3).(-17) + 3(120-17) = 3.17 + 3.120 – 3.17= 3.120 = 360

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để và khắc sâu kiến thức.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng : **Bài 3.37 ; 3.38**

+ GV hướng dẫn HS bài 3.37 (GV giới thiệu công thức mở rộng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong trường hợp tổng có 3 hoặc nhiều số hạng : **a(b+c+d) = ab+ac+ad** trước khi HS làm bài).

**Bài 3.37 :**

a) (-8).72+8.9 – (-8) = -8.(72+19-1) = (-8).90 =-720

b) (-27).1 011 -27 .(-12) + 27.(-1) = 27. (-1 011) +27.12 + 27. (-1) = 27.(-1011 +12 -1) = 27. (-1000) = -27000

**Bài 3.38 :**

Số điểm của An là : 1.10 + 2.7 + 0.3+ 1. (-1) + 1.(-3) = 20

Số điểm của Bình là :2.10+ 0.7 + 1.3 + 0. (-1)+ 2.(-3) = 17

Số điểm của Cường là : 3.7 + 1.3 + 1.(-1) + 0. (-3) = 23

Vậy bạn Cường đạt điểm cao nhất.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** (Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ các quy tắc và các tính chất của phép nhân.

- Hoàn thành nốt các bài tập và làm thêm **Bài 3.36** (SGK –tr72)

- Chuẩn bị đọc tìm hiểu trước bài mới “ **Phép chia hết. Ước và bội của một số nguyên**”

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm | |
| **KÝ DUYỆT**  **CỦA TỔ, NHÓM CHUYÊN MÔN** | **KÝ DUYỆT**  **CỦA BAN GIÁM HIỆU** |

**Lê Thị Duyên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  | |
| Tiết |  |  |
| Ngày |  |  |

# TIẾT 40 - §17: PHÉP CHIA HẾT. ƯỚC VÀ BỘI CỦA MỘT SỐ NGUYÊN

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS

**-** Nhận biết được quan hệ chia hết trong tập hợp các số nguyên.

- Nhận biết được khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Thực hiện được phép chia hết của hai số nguyên.

+ Tìm được các ước và các bội của một số nguyên cho trước.

+ Tìm được các ước của hai số nguyên cho trước.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:**  SGK, tài liệu giảng dạy, giáo án ppt.

**2 - HS** : Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân, SGK, ôn tập lại quan hệ chia hết, ước và bội trong tập các số tự nhiên.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ HS nhớ lại ước và bội của một số tự nhiên và co sự so sánh phân biệt ước và bội của một số nguyên.

+ Gợi động cơ học tập cho HS.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để suy nghĩ câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV cho HS nhớ lại cách tìm ước và bội của một số tự nhiên và yêu cầu HS gải bài toán sau: Tìm ước và bội của 9 và 12.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ và giải bài toán.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi 2 HS lên bảng trình bày, dưới lớp làm ra nháp và nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Ước và bội của một số nguyên có gì giống và ước và bội của một số tự nhiên mà chúng ta đã học, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Phép chia hết**

**a) Mục tiêu:**

+ HS biết cách thực hiện phép chia hết và rèn kĩ năng thực hiện phép chia hết của hai số nguyên.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV đưa ra định nghĩa phép chia hết trong N sau đó thay giả thiết a, b, q N bởi a, b, q Z tương tự khi định nghĩa a b trong Z.  + GV hướng dẫn , phân tích mẫu cho HS Ví dụ 1 từ đó rút ra Nhận xét như SGK.  + GV lưu ý, phân tích dấu của thương cho HS:  **(+) : (+) (+)**  **(-) : (-) (+)**  **(+) : (-) (-)**  **(-) : (+) (-)**  + GV yêu cầu HS trình bày Luyện tập 1.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  + HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: Định nghĩa **phép chia hết** | **1. Phép chia hết**  Cho a,b Z (b 0). Nếu có số nguyên q sao cho a = b.q thì ta có **phép chia hết** a :b = q (a là số bị chia; b là số chia và q là thương). Khi đó ta nói **a chia hết cho b**, kí hiệu **a:b**.  Ví dụ 1:  a) 12 (-3) vì 12 = (-3). (-4).  Ta có 12 : (-3) = -4  b) (-35) : 7 vì -35 = 7. (-5).  Ta có -35 : 7 = -5  Luyện tập 1:  **1.**  135 : 9 = 15  => Ta có: 135 : (-9) = -15;  (-135) : (-9) = 15  **2.**  a) (-63) :9 = -7  b) (-24) : (-8) = 3 |

**Hoạt động 2: Ước và bội**

**a) Mục tiêu:**

+ Tìm hiểu khái niệm ước và bội trong Z.

+ Biết cách tìm ước và bội của một số nguyên và rèn kĩ năng tìm ước và bội.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu cầu 1, 2 HS nhắc lại khái niệm ước và bội trong N. Sau đó, tương tự GV rút ra khái niệm ước và bội trong tập Z như trong hộp kiến thức.  + GV giảng và phân tích mẫu Ví dụ 2 cho HS để HS nắm được cách trình bày và rút ra nhận xét như trong SGK.  +GV nhấn mạnh, khắc sâu kiến thức cho HS: Để tìm các ước của số nguyên a, ta tìm các ước dương của a cùng với các số đối của chúng  + GV yêu cầu HS suy nghĩ và hoàn thành Ví dụ 3.  + GV cho HS đọc **Chú ý** trong SGK.  + GV cho HS trình bày Ví dụ 4.  + GV cho 2 HS lên bảng trình bày Luyện tập 2.  + GV cho HS trao đổi, thảo luận phần **Tranh luận** và tự do phát biểu ý kiến cá nhân.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: **Khái niệm ước và bội; Cách tìm ước và bội của một số nguyên.** | **2. Ước và bội**  Khi a b ( a, b Z, b 0), ta còn gọi a là một **bội** của b và b là một **ước** của a.  Ví dụ 2:  a) 3 là một ước của -12  vì (-12) 3.  b) -35 là một bội của -7 vì (-35) (-7)  **Nhận xét:**  **1.** Nếu a là một bội của b thì -a cũng là một bội của b.  **2**. Nếu b là một ước của a thì -b cũng là một ước của a.  Ví dụ 3:  Ư(4) = { 1; 2; 4 }  Ư (6) = { 1; 2; 3; 6}  Ví dụ 4:  B(7) ={0;7; 14; 21; 28; ...}  Luyện tập 2:  a) Ư(-9) ={ 1; 3; 9}  b) A = {x Z| x 4, -20 < x< 20} = { 16; 12; 8; 4; 0}  **Tranh luận:**  a b và b a => a = b  => Ví dụ hai số nguyên a, b khác nhau mà a b và b a là : -3 và 3; -5 và 5; ... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập: **Bài 3.39 ; 3.40**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.

**Bài 3.39 :**

a) 297 : (-3) = -99

b) (-396) : (-12) = 33

c) (-600) : 15 = -40

**Bài 3.40 :**

a) Ư (30) = {1 ; 2 ; 3 ; 5 ; 6 ; 10 ; 15 ; 30}

Ư(42) = {1 ; 2 ; 3 ; 6 ; 7 ; 21 ; 42}

Ư (-50) = {1 ; 2 ; 5 ; 10 ; 25 ; 50}

b) ƯC (30 , 42) = {1 ; 2 ; 3 ; 6}

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để và khắc sâu kiến thức.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng : **Bài 3.41 ; 3.42**

**Bài 3.41 :**

M = { x Z| x 4 và -16 x < 20} = { 16; 12; 8; 4; 0}

**Bài 3.42:**

Ư(15) = {1; 3; 5; 15}

Hai ước của 15 có tổng bằng -4 là : -1 và -3 hoặc 1 và -5.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** (Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ các khái niệm về phép chia hết, ước và bội và cách tìm ước và bội

- Hoàn thành nốt các bài tập.

- Chuẩn bị trước các bài tập phần **Luyện tập chung,** làm bài Ví dụ 1; **3.44**; **3.45**; **3.46**; **3.47**; **3.48**.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  | |
| Tiết |  |  |
| Ngày |  |  |

**TIẾT 41, 42. LUYỆN TẬP CHUNG**

**I.** **MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

**-** Củng cố kiến thức từ bài 16 và 17.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Nâng cao và kết nối các kiến thức, kĩ năng xung quanh bốn phép tính cộng, trừ nhân và chia.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**: Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, tài liệu giảng dạy.

**2 - HS**: Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân, SGK, làm đầy đủ BTVN mà GV đã giao.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Ghi nhớ và củng cố lại kiến thức: Quy tắc nhân hai số nguyên và các tính chất; Phép chia hết. Ước và bội của một số nguyên.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV dẫn dắt, đặt câu hỏi kiểm tra kiến thức cũ:

* Phát biểu quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu.
* Phát biểu quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu.
* Nêu các tính chất của phép nhân.
* Khái niệm phép chia hết của số nguyên.
* Khái niệm ước và bội của một số nguyên và cách tìm các ước và bội của số nguyên.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nhớ lại kiến thức, suy nghĩ và trả lời

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Đối với mỗi câu hỏi, 1 HS đứng tại chỗ trình bày câu trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS luyện tập làm các bài tập.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS chữa các bài tập : Ví dụ 1, **Bài 3.44 ; 3.45 ; 3.46 ; 3.47 ; 3.48**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.

Ví dụ 1 :

(-154). (-235) + 154. (-35) = 154 .(235-35) = 154.200 = 30 800

**Bài 3.44 :** P = (-1). (-2). (-3). (-4). (-5)

a) Tích P mang dấu –

b) Nếu đổi dấu 3 thừa số của nó tích P đổi dấu và mang dấu + .

**Bài 3.45 :**

a) (-12). (7-72) – 25.(55-43) = 12.65 -25.12 = 12. (65-25) = 12.40 =480

b) (39-19) : (-2)+ (34-22).5 = 20 : (-2) + 12.5= -10 + 60 = 50

**Bài 3.46 :**

A = 5.4. (-3) – 3.(4-3) = -63

**Bài 3.47 :**

a) 17.[29 – (-111)] + 29.(-17) = 17.(29+111) – 29.17 = 17.(29+111-29) = 17.111 = 1 887.

b) (19-20).43 +40 = -43 +40 = -3

**Bài 3.48 :**

a) Ư(15) = {1; 3; 5; 15}

Ư(-25) = {1; 5; 25}

Vậy khi may theo mẫu mới, chiều dài vải để may 200 bộ quần áo nữ và 150 bộ quần áo nam giảm 50dm = 5m.

**Bài 3.49 :**

Công nhân được lĩnh số tiền lương là : 230. 50 000 – 8.10 000 = 11 420 000 (đồng)

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể).  - Tự suy ngẫm và tự đánh giá.  - Đánh giá đồng đẳng. | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp vấn đáp ( kiểm tra miệng) | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** (Đính kèm các phiếu học tập/bảng....)

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ tất cả các kiến thức đã học trong chương III và chuẩn bị sản phẩm sơ đồ tư duy tổng kết nội dung chương III ra giấy A1 theo tổ. (GV hướng dẫn cụ thể)

- Làm nốt các bài tập chưa hoàn thành.

- Xem trước nội dung “ **Ôn tập chương III**”. Cá nhân hoàn thành **Bài 3.50; Bài 3.52; 3.53; 3.54** ra giấy và nộp vào đầu buổi sau.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |  |
| Tiết |  |
| Ngày |  |

**TIẾT 43: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG III**

**I.** **MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

**-** Tổng hợp, kết nối các kiến thức của nhiều bài học nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương.

- Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Nâng cao các kĩ năng đã hoàn thành trước đó.

+ Giúp HS trong việc giải và trình bày giải toán.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, giáo án tài liệu, PPT

**2 - HS** : SGK; đồ dùng học tập; sản phẩm sơ đồ tư duy theo tổ GV đã giao từ buổi học trước.

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

Giúp HS tổng hợp, liên kết kiến thức của các bài học từ Bài 13->Bài 17.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV chỉ định đại diện nhóm trình bày ( Theo thứ tự lần lượt từ Tổ 1 -> Tổ 4 hoặc thứ tự GV thấy hợp lý)

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác chú ý lắng nghe để đưa ra nhận xét, bổ sung.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm trao đổi, nhận xét và bổ sung nội dung cho các nhóm khác.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS chữa bài tập **Bài 3.52** (2HS lên bảng)**; 3.53** (3HS lên bảng)**; 3.54** ( 2HS lên bảng).

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và lên bảng trình bày.

**Bài 3.52 :**

a) S = {x Z| -5<x 5} = { -4 ; -3 ; -2 ; -1 ; 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 5}

Tổng các phần tử trong tập S = 5

b) T = { x Z| -7 x<1}= {-7 ; -6 ;-5 ; -4 ; -3 ; -2 ; -1 ; 0}

Tổng của các phần tử trong tập T = (-7) + (-6) + (-5) + (-4) + (-3) + (-2) + (-1) + 0 = -28

**Bài 3.53 :**

a) 15. (-236) + 15.235 = 15. ( -236 + 235) = 15.(-1) = -15

b) 237. (-28) + 28.137 = 28. (-237 + 137) = 28. (-100) = -2800

c) 38.(27-44) -27. (38-44) = 38.27 -38.44 -27.38 + 27.44 = 44. (-38 + 27) = 44. (-11) = -484

**Bài 3.54 :** P = (-35).x – (-15).37

a) x = 15 => P = (-35). 15 + 15.37= 15.(-35 +37) = 15.2 = 30

b) x = -37 => P = (-35) . (-37) + 15.37 = 37. ( 35 +15) = 37.50 = 1 850

- HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết bài làm của HS và lưu ý HS những lỗi hay mắc.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trình bày miệng các bài tập: **Bài 3.50 ; 3.51 ; 3.55 ; 3.56**

**Bài 3.50 :**

a) Ở nơi lạnh nhất thế giowis, nhiệt độ có thể xuống đến -60oC.

b) Do dịch bệnh, một công ty trong một tháng đã thu về -2 000 000 đồng.

**Bài 3.51: a> 0 ; b<0 ; c 1 ; d -2**

* + Các số dương là ; a ; c
  + Các số âm là : b ; d

**Bài 3.55 :**

a) Ví dụ : a = 5 ; b = -15 => hiệu a – b = 10 > a ; b.

b) Ví dụ : a = -12 ; b = -2 => hiệu a – b = -10 ; a < -10 < b

**Bài 3.56:**

Tích của 15 số đã cho có thể nhóm thành 3 nhóm, mỗi nhóm có 5 thừa số. Theo đề, tích của các số trong mỗi nhóm đều là số âm. Vậy tích của 15 số đã cho bằng tích của ba số âm nên nó có dấu âm.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể)  - Đánh giá đồng đẳng: HS tham gia vào việc đánh giá sản phẩm học tập của các Hs khác. | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận.  - Sơ đồ tư duy |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** (Đính kèm các phiếu học tập/bảng....)

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp.

- Chuẩn bị ôn tập cuối học kì I.

# 